



**BÁO CÁO KHẢO SÁT  
CÁC CHƯƠNG TRÌNH KIỂM TRA, KIỂM SOÁT  
AN TOÀN THỰC PHẨM**

**Tháng 03/2024**

*Người báo cáo: Đinh Thành Phương, Rolf Schoenert, Nguyễn Mẫn Hà Anh, Ninh Thị Len  
(Nhóm Chuyên gia tư vấn Hoạt động 1112.1)*

**ALINEA INTERNATIONAL**  
14707 Bannister Road S.E., Suite 200  
Calgary, Alberta T2X 1Z2  
Phone: (403) 253-5298  
Facsimile: (403) 253-5140

**UNIVERSITY OF GUELPH**  
The University of Guelph  
50 Stone Road East  
Guelph, Ontario  
N1G 2W1

# MỤC LỤC

---

MỤC LỤC.....	2
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT .....	4
<b>1 NỘI DUNG TÓM TẮT .....</b>	<b>5</b>
<b>2 Hoạt động khảo sát chương trình kiểm tra, kiểm soát ATTP .....</b>	<b>7</b>
2.1 Bối cảnh và yêu cầu khảo sát .....	7
2.2 Yêu cầu và cách tiếp cận khảo sát.....	10
2.2.1 Tính khoa học và hệ thống .....	10
2.2.2 Công cụ “Đánh giá hệ thống kiểm soát thực phẩm (FCSA) của FAO/WHO” .....	10
2.3 Thiết kế bảng câu hỏi khảo sát.....	10
2.3.1 Mục tiêu khảo sát.....	10
2.3.2 Đối tượng và phương thức khảo sát .....	11
2.3.3 Kết cấu Bộ câu hỏi khảo sát .....	11
2.3.4 Đánh giá kết quả phản hồi .....	12
<b>3 Kết quả khảo sát .....</b>	<b>13</b>
3.1 Thông tin chung .....	13
3.2 Phân tích thông tin năng lực hệ thống.....	14
3.2.1 Cơ sở pháp lý, hạ tầng và nguồn lực tài chính .....	14
3.2.2 Nguồn nhân lực .....	15
3.2.3 Sự phối hợp, mối tương quan các bên có liên quan .....	16
3.2.4 Căn cứ khoa học và hoạt động kiểm tra, kiểm soát ATTP.....	18
3.2.5 Xử lý trường hợp khẩn cấp.....	20
3.2.6 Quản lý chất lượng, liên tục cải tiến .....	22
3.3 Phản hồi góp ý cải thiện, nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát thực phẩm.....	24
<b>4 Ý kiến đề xuất .....</b>	<b>26</b>
4.1 Khung chính sách và pháp luật về ATTP.....	26
4.2 Đảm bảo chất lượng hoạt động kiểm tra kiểm soát ATTP.....	28
4.3 Sự phối hợp và tương tác các bên liên quan .....	29
4.4 Cải thiện và nâng cao năng lực hệ thống kiểm tra, kiểm soát ATTP.....	31
<b>5 Phụ lục .....</b>	<b>33</b>
5.1 Phụ lục 1. Tình hình ngộ độc thực phẩm .....	33



5.2	Phụ lục 2. Công cụ “Đánh giá hệ thống kiểm soát thực phẩm (FCSA) của FAO/WHO” .....	36
5.2.1	Kết cấu của công cụ FAO/WHO FCSA.....	36
5.2.2	Các tiêu chí đánh giá trong công cụ FAO/WHO FCSA .....	37
5.3	Phụ lục 3. Thống kê đối tượng tham gia khảo sát.....	38
5.4	Phụ lục 4. Tổng hợp các ý kiến góp ý cải thiện và nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm tra, kiểm soát ATTP (câu hỏi 117) .....	47
5.5	Phụ lục 4. Mô tả Bảng câu hỏi khảo sát .....	55

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

---

AC	Assessment Criteria (Tiêu chí đánh giá)
CA	Competent Authority ( <b>CQTQ</b> , Cơ quan có thẩm quyền)
CEA	Canadian Executing Agency (Cơ quan thực hiện dự án phía Canada)
CFIA	Canadian Food Inspection Agency (Cơ quan Thanh tra thực phẩm Canada)
DAH	Department of Animal Health (Cục Thú y)
DARD	Department of Agriculture and Rural Development (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)
DCP	Department of Crop Production (Cục Trồng trọt)
DLP	Department of Livestock Production (Cục Chăn nuôi)
DOH	Department of Health (Sở Y tế)
DoIT	Department of Industry and Trade (Sở Công Thương)
FBD	Foodborne Disease (Bệnh lây truyền qua thực phẩm)
FBO	Food Business Operator (Nhà Sản xuất Kinh doanh Thực phẩm, <b>SXKD</b> )
FCSA	FAO/WHO Food Control System Assessment tool (Công cụ Đánh giá Hệ thống Kiểm soát Thực phẩm của FAO/WHO)
FD	Fishery Department (Cục Thủy sản)
FS	Food Safety ( <b>ATTP</b> , An toàn thực phẩm)
FSD	Food Safety Department (Sở An toàn Thực phẩm)
FSMA	Food Safety Management Agency (Ban Quản lý ATTP)
GAC	Global Affairs Canada (Bộ Ngoại giao, Thương mại và Phát triển Canada)
ICD	International Cooperation Department (Vụ Hợp tác quốc tế)
LAB	Laboratory on food safety analysis (Phòng Thử nghiệm An toàn thực phẩm)
MARD	Ministry of Agriculture and Rural Development (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)
MOH	Ministry of Health (Bộ Y Tế)
MOIT	Ministry of Industry and Trade (Bộ Công Thương)
MOST	Ministry of Science and Technology (Bộ Khoa học và Công nghệ)
NAFIQPM	The National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development (Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường)
ODA	Official Development Assistance (Hỗ trợ Phát triển Chính thức)
PPD	Department of Plant Protection (Cục Bảo vệ thực vật)
SPS	Sanitary and Phytosanitary Measures (Các biện pháp kiểm dịch động thực vật)
SXKD	Sản xuất kinh doanh
VFA	Vietnam Food Administration (Cục An toàn thực phẩm)

# 1 NỘI DUNG TÓM TẮT

---

Một hệ thống kiểm soát thực phẩm quốc gia mạnh mẽ thường bao gồm khung chính sách và các quy định chặt chẽ, những quy chuẩn/tiêu chuẩn cùng các hướng dẫn phù hợp với các tiêu chuẩn và hướng dẫn có liên quan của các tổ chức quốc tế như Codex Alimentarius và Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH) với nguồn lực đủ để hỗ trợ việc thực thi các chương trình, chia sẻ trách nhiệm, có sự phối hợp và liên lạc của tất cả các bên liên quan đến công tác quản lý vận hành kiểm soát ATTP dựa trên rủi ro; thực hiện hiệu quả trong toàn bộ chuỗi thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Cơ quan kiểm tra kiểm soát ATTP có đủ năng lực khoa học để tiến hành đánh giá rủi ro, bao gồm năng lực của phòng thí nghiệm, thu thập/xây dựng dữ liệu và thông tin để hỗ trợ các biện pháp kiểm soát dựa trên rủi ro, kế hoạch ứng phó khẩn cấp về ATTP; khả năng kết nối và hợp tác quốc tế, truyền thông và giáo dục về ATTP, bao gồm năng lực, đào tạo và giám sát hiệu suất của nhân viên căn cứ công tác đánh giá định kỳ và cải tiến liên tục. Kiểm tra, kiểm soát ATTP là một trong các hoạt động quan trọng luôn được ưu tiên nhằm phát hiện sớm, ngăn ngừa và xử lý hiệu quả các sự cố ATTP bao gồm bệnh lan truyền qua thực phẩm, ngộ độc thực phẩm.

Việt Nam đã có Luật ATTP với các văn bản pháp quy hướng dẫn, kiểm soát công tác đảm bảo ATTP và hệ thống các cơ quan được phân công thuộc các ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NNPTNT), Y tế (YT) và Công thương (CT) với sự phân cấp khá rõ ràng từ Trung ương đến địa phương. Qua khảo sát từ hoạt động 1112.1 trong năm 2022/2023, hoạt động đảm bảo ATTP, xử trí các sự cố về ATTP, ngộ độc thực phẩm đã được xã hội hết sức quan tâm, là một trong những nội dung được Nhà nước ưu tiên hàng đầu với nguồn kinh phí dành cho các chương trình kiểm tra, kiểm soát, giám sát về ATTP hàng năm, nhất là vào những thời điểm hoặc khi có sự kiện quan trọng. Tuy nhiên, theo số liệu từ các báo cáo chính thức, các trường hợp ngộ độc thực phẩm, bệnh do thực phẩm với nhiều nguyên nhân khác nhau vẫn còn xảy ra với các mức độ và số nạn nhân đáng quan tâm trong khi các chương trình về ATTP vẫn được triển khai theo đúng kế hoạch. Vấn đề này đặt ra yêu cầu phân tích thực chất các hoạt động, đánh giá các nguyên nhân, những lỗ hổng có liên quan đến những chương trình kiểm tra, kiểm soát ATTP đã được thực hiện.

Nhóm công tác về hoạt động 1112.1 thuộc dự án An toàn thực phẩm vì sự phát triển (SAFEGRO) đã xây dựng một bộ câu hỏi khảo sát dựa trên các tiêu chí đánh giá năng lực, hiệu lực, hiệu quả kiểm soát ATTP trong bộ công cụ Đánh giá Hệ thống Kiểm soát Thực phẩm (FCSA)<sup>(1)</sup> của FAO / WHO nhằm rà soát một cách hệ thống và khoa học đối với các yếu tố liên quan đến việc triển khai hệ thống quản lý và thực thi các chương trình kiểm tra, kiểm soát ATTP về tính khoa học, đầy đủ, hiệu quả, năng lực, các nguồn lực, mối quan hệ giữa các CQTQ cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương với những đối tác liên quan, cũng như khả năng thường xuyên cải tiến, phát triển của các CQTQ này.

Đã có 177 ý kiến phản hồi của những nhân viên chuyên môn ở nhiều vị trí công tác khác nhau, làm việc tại các CQTQ khác nhau thuộc cấp Trung ương và Địa Phương (Tỉnh/Thành phố) ở cả ba ngành (NNPTNT, CT và YT), thể hiện tính đa dạng, phong phú giúp phân tích được hiện trạng năng lực hệ thống các CQTQ thực thi chương trình kiểm tra, kiểm soát ATTP so với các tiêu chí đánh giá theo bộ công cụ FCSA của FAO/WHO. Thông tin phản hồi đã góp phần cung cấp góc nhìn của CQTQ các cấp và các ngành về chi tiết kỹ thuật, cách thực hiện kiểm tra, kiểm soát ATTP, xử lý sự cố, mối quan hệ và vai trò của các bên liên quan tham gia quá trình, sự tác động đến các hiệu quả của các chương trình. Nhóm công tác đã nhận được nhiều ý kiến góp ý về các lĩnh vực cần quan tâm, những biện pháp cần thực hiện, vai trò của các CQTQ và ý kiến tham gia đề xuất cải tiến nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả của chương trình kiểm tra, kiểm soát ATTP.

Việc xử lý, tổng hợp các thông tin liên quan đến chương trình kiểm tra, kiểm soát ATTP và năng lực hệ thống các CQTQ theo góc nhìn của các ngành với sự phân cấp khác nhau giúp cho tổ công tác hoạt động 1112.1 của dự án SAFEGRO đề xuất ý kiến về những khoảng trống của hệ thống cần quan tâm xem xét khắc

---

<sup>(1)</sup> FAO/WHO 2019, Food control system assessment tool: Introduction and Glossary, Rome, ISBN 978-92-5-131630-6

phục, những năng lực cần nâng cấp và các vấn đề có liên quan khác đệ trình các cấp có thẩm quyền nghiên cứu, xem xét để có thể đưa ra các quyết sách quan trọng nhằm nâng cao hiệu lực quản lý của hệ thống pháp luật về ATTP, tăng cường năng lực hệ thống các cơ quan quản lý ATTP với sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả; xác lập phương thức thiết kế chương trình kiểm tra, kiểm soát ATTP một cách thống nhất trên cả nước, kiểm soát tốt chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn; xây dựng và thực hiện được công tác tự đánh giá chất lượng hệ thống quản lý ATTP, góp phần nâng cao uy tín về thực phẩm an toàn cùng khả năng tiếp cận và giá trị của thực phẩm của Việt Nam trong quá trình hội nhập toàn cầu.

## 2 Hoạt động khảo sát chương trình kiểm tra, kiểm soát ATTP

### 2.1 Bối cảnh và yêu cầu khảo sát

Hiện nay, nhu cầu về thực phẩm của con người không chỉ là ăn no, ăn ngon mà là ăn uống sao cho an toàn. Thực phẩm an toàn trở thành một nhu cầu có tính toàn cầu, có ảnh hưởng sâu sắc đến quá trình hội nhập quốc tế và có tác động đáng kể đến đời sống kinh tế của người sản xuất kinh doanh tham gia chuỗi thực phẩm, đặc biệt là những người nông dân.

Để bảo đảm ATTP, yêu cầu các nhân tố tham gia chuỗi cung cấp thực phẩm từ khâu sản xuất, chế biến đến lưu thông và ngay cả người tiêu dùng thực phẩm cần phải thực hành tốt những quy định, yêu cầu kỹ thuật tương ứng với loại sản phẩm. Nhiều nhân tố tham gia chuỗi thực phẩm nên việc xảy ra bất kỳ một sai sót nào trên chuỗi cũng có thể gây ra các hậu quả nghiêm trọng đến sức khỏe cộng đồng bởi thực phẩm mất an toàn, do ngộ độc thực phẩm hoặc mắc bệnh truyền qua thực phẩm (FBD). Do đó, vai trò của người kiểm soát, giám sát, kiểm tra ATTP cũng hết sức quan trọng thông qua việc thực hiện các chương trình kiểm tra, kiểm soát ATTP ở các quy mô khác nhau từ cấp Địa phương cho đến cấp Trung ương.

Đã có nhiều báo cáo, công bố đại chúng, các hồ sơ ghi chép, thống kê về tình hình ATTP và cả khiếu nại từ người tiêu dùng cho thấy ATTP là một vấn đề luôn được tất cả các quốc gia đều quan tâm nhưng hàng năm, những sự cố do ngộ độc thực phẩm, FBD vẫn xảy ra. Thực phẩm bị ô nhiễm có thể xảy ra bất cứ nơi nào trên chuỗi thực phẩm, từ quá trình nuôi trồng, sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, sử dụng thực phẩm, kể cả việc sử dụng không đúng cách. Ngộ độc thực phẩm hoặc mắc FBD cũng có thể do người dùng tùy tiện sử dụng các loại động thực vật có trong tự nhiên mà vốn không được dùng làm thực phẩm hoặc chỉ được sử dụng với sự hướng dẫn và được kiểm soát đầy đủ bởi những người có chuyên môn.

Căn cứ thông tin được cung cấp từ một số tài liệu như Báo cáo năm 2015 của WHO <sup>(2)</sup> ước tính gánh nặng toàn cầu của các bệnh do thực phẩm cho thấy nguyên nhân do 31 tác nhân gây ra từ thực phẩm (bao gồm các loại vi khuẩn, virus, ký sinh trùng, độc tố và hóa chất) ở cấp độ quy mô toàn cầu và tiểu khu vực. Báo cáo nhấn mạnh rằng có hơn 600 triệu trường hợp mắc bệnh do thực phẩm và 420.000 trường hợp tử vong có thể xảy ra trong một năm. Theo báo cáo của Cục ATTP - Bộ Y tế, giai đoạn 2006-2015 ghi nhận 1.789 vụ, 58.949 người mắc với 414 trường hợp tử vong <sup>(3)</sup>; giai đoạn 2012-2021 ghi nhận 1.441 vụ, 40.995 người mắc, 240 trường hợp tử vong vì ngộ độc thực phẩm hoặc do bệnh có nguyên nhân từ thực phẩm <sup>(4)</sup>. Theo Bộ Y tế, năm 2022, có 45 vụ ngộ độc thực phẩm với 605 ca nhiễm và tử vong 21 trường hợp nhưng chỉ 9 tháng đầu năm 2023 đã có đến 94 vụ ngộ độc thực phẩm với 1.225 ca nhập viện và 20 ca tử vong <sup>(5)</sup>. Tại Hàn Quốc, giai đoạn 2013-2023 ghi nhận 3.380 vụ, 68.475 người bị ngộ độc thực phẩm hoặc mắc bệnh có nguyên nhân từ thực phẩm <sup>(6)</sup> (xem Phụ lục 1)

Qua các số liệu báo cáo, có thể nhận thấy việc kiểm soát ATTP là mối quan tâm của tất cả các quốc gia nhưng dù một hệ thống kiểm soát ATTP ở trình độ nào thì các nguy cơ xảy ra sự cố ATTP, ngộ độc thực phẩm chỉ có thể hạn chế đến mức tối đa và giảm thiểu tác hại chứ không bao giờ triệt tiêu sự cố ATTP, ngộ độc thực phẩm hoặc bệnh do thực phẩm được. Yêu cầu khảo sát chương trình kiểm soát ATTP là để củng cố và gia tăng hiệu quả của hệ thống kiểm soát ATTP luôn luôn là vấn đề mang tính thời sự của xã hội.

<sup>(2)</sup> WHO Estimating the burden of foodborne diseases, 2015.

<sup>(3)</sup> Quản lý ATTP tại Việt Nam – Những thách thức và cơ hội, World Bank, 2017.

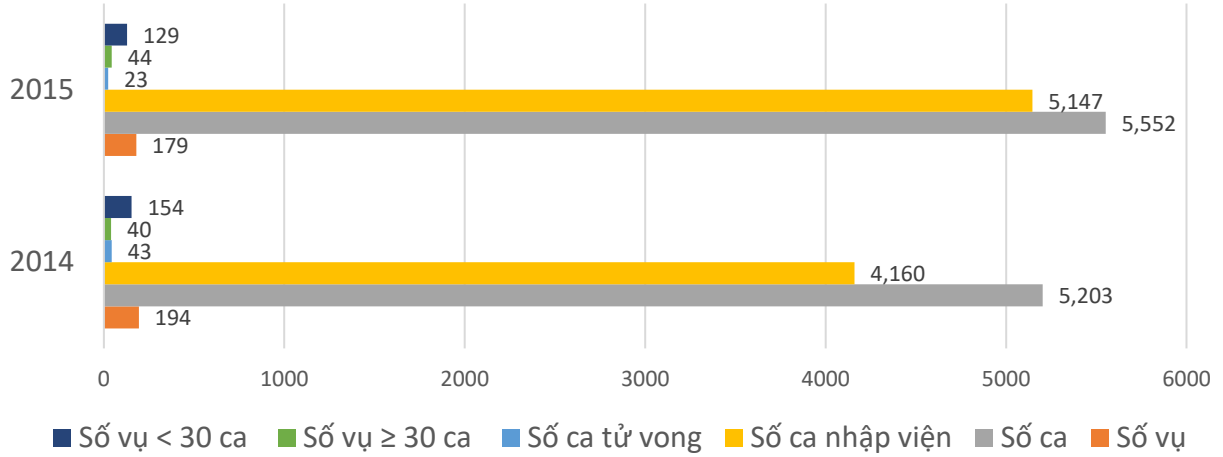
<sup>(4)</sup> Ngộ độc thực phẩm - Tình hình, hệ thống quản lý tại Việt Nam, Trương Tuyết Mai, 2022

<sup>(5)</sup> Báo cáo công tác ATTP 8 tháng đầu năm 2023, số 1357/BC-BYT, ngày 19/10/2023, Bộ Y tế.

<sup>(6)</sup> Food poisoning statistics 2013-2023, Food Safety Information Institute, MFDS, Korea.

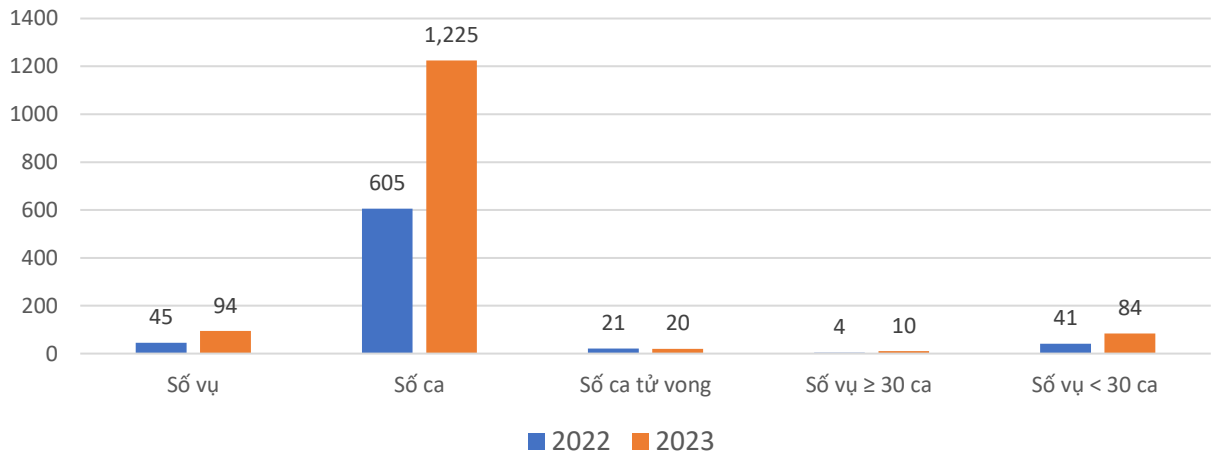
[https://www.foodsafetykorea.go.kr/portal/healthyfoodlife/foodPoisoningStat.do?menu\\_no=3724&menu\\_grp=MENU\\_NEW02](https://www.foodsafetykorea.go.kr/portal/healthyfoodlife/foodPoisoningStat.do?menu_no=3724&menu_grp=MENU_NEW02)

**Số vụ ngộ độc thực phẩm, số ca mắc, số ca phải nhập viện và số ca tử vong tại Việt Nam năm 2014 và 2015**



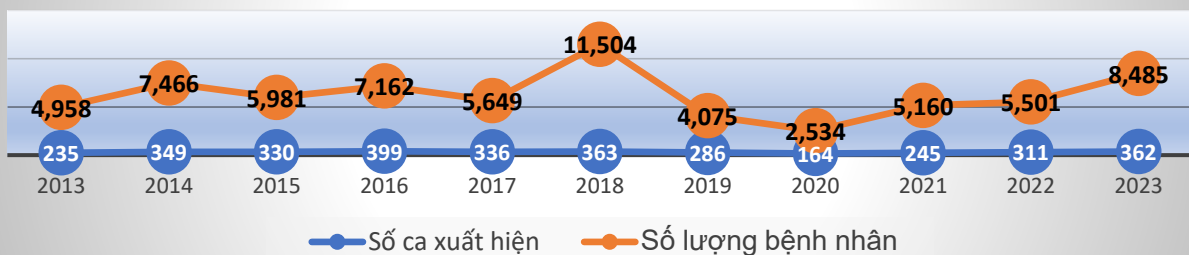
(Nguồn: Cục ATTP, 2016)

**Số vụ ngộ độc thực phẩm, số ca mắc, số ca phải nhập viện và số ca tử vong tại Việt Nam năm 2022 và 2023**



(Nguồn: Bộ Y tế, 2023)

**Tình hình ngộ độc thực phẩm và FBD tại Korea từ 2013 đến 2023 (theo FSII, MFDS 2023)**



(Nguồn: FSII, MFDS 2023)





Gánh nặng xã hội do ngộ độc thực phẩm, FBD tập trung nhiều vào các nhóm dễ bị tổn thương như người lớn tuổi, trẻ em (khoảng 30% số ca tử vong do thực phẩm xảy ra ở trẻ em dưới 5 tuổi), và thường bắt gặp với tần suất cao ở các nước có thu nhập thấp và trung bình. WHO đã ước tính hàng năm trên phạm vi toàn cầu có khoảng 33 triệu năm cuộc sống khỏe mạnh bị mất đi do ăn thực phẩm không an toàn và con số này có thể cũng mới chỉ là một con số ước tính còn thấp hơn thực tế. WHO cũng cho rằng các bệnh do thực phẩm có thể phòng ngừa được và WHO đang tích cực phối hợp các tổ chức quốc tế có vai trò quan trọng trong việc tổ chức hành động trên lĩnh vực đa dạng như FAO để hướng dẫn các nước xây dựng và thực hành một hệ thống kiểm soát ATTP mạnh mẽ, linh hoạt và hiệu quả ở cấp quốc gia, đồng thời cung cấp cho người tiêu dùng các công cụ giúp họ biết cách lựa chọn thực phẩm an toàn.



(WHO Estimating the burden of foodborne diseases, 2015.)

Tại Việt Nam, công tác đảm bảo ATTP và xử trí hiệu quả các trường hợp sự cố liên quan đến ATTP cũng được Nhà nước và xã hội hết sức quan tâm với các văn bản pháp luật được xây dựng một cách có hệ thống, liên tục cập nhật theo hướng ngày càng hoàn thiện hơn và một hệ thống các CQTQ về ATTP có mặt trên tất cả các ngành Nông nghiệp, Công thương và Y tế để thực thi việc kiểm tra, kiểm soát nhằm đảm bảo ATTP. Năm 2022-2023, Dự án An toàn thực phẩm vì sự phát triển (SAFEGRO) đã phối hợp cùng các CQTQ về ATTP tại Việt Nam thực hiện khảo sát về việc xử lý sự cố ATTP tại Việt Nam dựa theo một số tiêu chí đánh giá năng lực thực hiện theo bộ công cụ Đánh giá Hệ thống kiểm soát thực phẩm của FAO/WHO. Kết quả khảo sát xử lý sự cố ATTP, ngộ độc thực phẩm/FBD năm 2022-2023 cho thấy một trong những khoảng trống ảnh hưởng đến công tác xử lý sự cố ATTP có liên quan đến tính hiệu lực, hiệu quả việc thực thi chương trình kiểm tra, kiểm soát ATTP và các yếu tố tham gia vào chương trình này.

Hợp phần 1 của Dự án SAFEGRO về việc “Tạo môi trường chính sách thuận lợi, nâng cao hiệu quả thực thi các quy định pháp luật của cơ quan quản lý trung ương và địa phương tại Việt Nam về ATTP trong những chuỗi giá trị được chọn nhằm đạt các tiêu chuẩn quốc tế” với kết quả mong muốn nhằm cải thiện năng lực của các cơ quan quản lý ATTP trong việc điều phối thực thi chính sách, qui trình thủ tục và chương trình ở trung ương và địa phương đã tiếp tục thiết kế và triển khai việc khảo sát về các chương trình kiểm tra, kiểm soát ATTP nằm trong khuôn khổ Hoạt động 1112.1<sup>(7)</sup> của Hợp phần 1 để tìm ra các khoảng trống trong vận hành các chương trình kiểm tra, kiểm soát ATTP nhằm đưa ra các đề xuất mang tính toàn diện để nâng cao hiệu lực, hiệu quả các hoạt động của CQTQ, quản lý và phòng ngừa tốt hơn các sự cố ATTP bao gồm ngộ độc thực phẩm, FBD, triển khai nghiệp vụ và nâng cao năng lực hệ thống phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt là nâng cao năng lực một cách toàn diện đối với hệ thống kiểm soát thực phẩm quốc gia hiện có ở Việt Nam bằng cách sử dụng tiếp tục sử dụng công cụ Đánh giá Hệ thống Kiểm soát Thực phẩm (FCSA) của FAO / WHO (được phát hành vào tháng 11 năm 2019) bao gồm việc xem xét hệ thống quản lý và kiểm soát ATTP cũng như phân tích những gì cần bổ sung hoặc cải tiến. Với sự cộng tác giữa FAO và WHO công cụ đánh giá hệ thống kiểm soát thực phẩm đã được thiết kế nhằm mục tiêu hỗ trợ các Quốc gia Thành viên đánh giá tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát thực phẩm của họ bất kể hệ thống của họ đã hoàn thiện chưa. Công cụ này của FAO/WHO được mô tả chi tiết hơn trong phụ lục 2 (mục 5.2). Thông qua việc xây dựng và áp dụng bảng câu hỏi (được thiết kế dựa trên công cụ FAO/WHO FCSA), nhóm công tác dự án đã có thể thu thập và đánh giá thông tin liên quan đến năng lực và quy trình của hệ thống, trang thiết bị, cơ

<sup>(7)</sup> VĂN KIẾN DỰ ÁN Ban hành theo Quyết định 3145/QĐ-BNN-HTQT ngày 14/8/2020 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT.

sở vật chất và nguồn lực để thực hiện chương trình kiểm tra, kiểm soát ATTP của các CQTQ Việt Nam trên tất cả các ngành, lĩnh vực có liên quan đến toàn chuỗi thực phẩm.

## 2.2 Yêu cầu và cách tiếp cận khảo sát

### 2.2.1 Tính khoa học và hệ thống.

Chuỗi cung ứng thực phẩm trải dài từ nông trại đến bàn ăn bản thân là một hệ thống bao gồm nhiều công đoạn liên quan và có tác động lẫn nhau với sự tham gia của nhiều nhân tố có những đặc điểm không giống nhau tại các công đoạn. Do đó, cần có các chương trình kế hoạch được thực hiện một cách nghiêm túc, có nghiên cứu thiết kế mang tính hệ thống và rất khoa học để hiểu rõ đặc điểm và các chi tiết mang tính kỹ thuật của các nhân tố nhằm thực hiện kiểm tra, kiểm soát một cách hiệu quả.

Có nhiều công cụ đánh giá hiệu quả hệ thống kiểm tra, kiểm soát ATTP, trong đó có những phương thức tiếp cận truyền thống như các hoạt động kiểm tra giám sát của các cơ quan cấp trên về việc tuân thủ quy định khi CQTQ cấp dưới thực thi chương trình kiểm soát ATTP; việc đánh giá chứng nhận của các tổ chức chuyên đánh giá sự phù hợp để xem xét sự tuân thủ theo các tiêu chuẩn được viện dẫn khi CQTQ thực hiện chương trình kiểm tra, kiểm soát ATTP. Nói chung, **phương thức tiếp cận truyền thống đánh giá hiệu quả thực thi thông qua việc đánh giá CQTQ và cách thức tổ chức triển khai chương trình kiểm tra ATTP.**

Nhóm công tác thuộc hoạt động 1112.1 thực hiện **cách tiếp cận mới, dựa trên cách đánh giá tổng thể về năng lực tất cả các yếu tố cấu thành hệ thống kiểm soát ATTP** bao gồm những yếu tố đầu vào và nguồn lực, từ khung chính sách pháp luật đến cơ sở hạ tầng tài chính và nguồn lực cung ứng cho CQTQ thực thi nhiệm vụ, cách tổ chức thực thi chức năng kiểm tra kiểm soát ATTP từ hoạt động thường xuyên đối với sản xuất, xuất nhập khẩu thực phẩm đến theo dõi giám sát chuỗi cung ứng thực phẩm, cách thức xử lý ứng phó sự cố ATTP, duy trì mối tương tác với các bên tham gia trong chuỗi cung ứng thực phẩm và những tác nhân có liên quan trong nước lẫn quốc tế, cũng như việc sử dụng các bằng chứng có cơ sở khoa học để thực thi nhiệm vụ một cách hiệu quả, hợp lý cũng như thường xuyên cải tiến công tác kiểm tra kiểm soát để nhiệm vụ này luôn thỏa mãn được yêu cầu ngày càng cao của cộng đồng và những yếu tố nguy cơ luôn biến động với những sự xuất hiện các mối nguy ATTP cần phải kiểm soát.

### 2.2.2 Công cụ “Đánh giá hệ thống kiểm soát thực phẩm (FCSA) của FAO/WHO”

Xem Phụ lục 2 (mục 5.2.)

## 2.3 Thiết kế bảng câu hỏi khảo sát

### 2.3.1 Mục tiêu khảo sát

Tham chiếu yêu cầu đầu ra của hoạt động 1112.1, nhóm chuyên gia Dự án SAFEGRO (1112.1.1) trong giai đoạn 2022-2023 đã thực hiện khảo sát hoạt động xử lý sự cố về ATTP, ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm dựa theo một số AC trong công cụ FCSA của FAO và WHO được lựa chọn phù hợp cho mục tiêu khảo sát và đã có báo cáo kết quả khảo sát kèm theo các khuyến nghị có liên quan, trong đó một số khoảng trống cần được nghiên cứu tiếp theo về những khía cạnh tương quan với các AC khác trong công cụ FCSA.

Tiếp nối hoạt động 1112.1.1, nhóm chuyên gia dự án SAFEGRO triển khai hoạt động 1112.1.2 rà soát thực tế công tác quản lý ATTP, tham chiếu hệ thống các quy định hiện hành như Luật ATTP và các Nghị định, Thông tư có liên quan của tất cả các Bộ/Ngành để xây dựng bộ câu hỏi khảo sát về hoạt động kiểm tra, kiểm soát ATTP nhằm thu thập thông tin giúp đánh giá hiện trạng và hiệu quả hoạt động của CQTQ, phục vụ cho việc đề xuất nội dung cần cải tiến, nâng cao năng lực của CQTQ tương đương với các chuẩn mực quốc tế, tăng cường hiệu lực hiệu quả của hệ thống kiểm tra kiểm soát ATTP quốc gia. Bộ câu hỏi cũng đề cập đến việc đánh giá mối liên lạc, phối hợp, hỗ trợ giữa các CQTQ với nhau và mối tương quan giữa các CQTQ với những bên có liên quan đến chất lượng và ATTP, bao gồm các Phòng kiểm nghiệm được chỉ định,



ủy quyền hoặc làm dịch vụ phân tích mẫu, các cơ quan được ủy quyền thực hiện kiểm tra kiểm soát ATTP, cơ sở nghiên cứu khoa học, các đơn vị học thuật tham gia phân tích, đánh giá nguy cơ ATTP, cơ quan truyền thông, các hiệp hội của người SXKD thực phẩm, những người tham gia chuỗi thực phẩm (từ sản xuất, phân phối, lưu trữ, bán buôn, bán lẻ sản phẩm cho đến người tiêu dùng). Các mối tương quan này thể hiện vai trò, tầm quan trọng và giúp xác định năng lực cũng như những nội dung cần cải tiến đối với các CQTQ thực hiện kiểm tra, kiểm soát ATTP, đối tượng đánh giá chính trong bộ công cụ FCSA của FAO/WHO.

Việc sử dụng công cụ FCSA của FAO/WHO tập trung vào việc chọn lọc các tiêu chí đánh giá liên quan từ 4 phần chính và các tiểu phần nhằm giúp thu thập thông tin và phân tích thực trạng triển khai chương trình kiểm soát ATTP của các CQTQ thông qua quá trình trả lời câu hỏi khảo sát để tự nhìn nhận một cách toàn diện về các năng lực hệ thống hiện hành theo hướng tiếp cận khoa học, tự đánh giá những hạn chế hoặc những điểm chưa hoàn chỉnh của hệ thống kiểm soát ATTP theo cách thức tương đương với các tiêu chí đánh giá trong bộ công cụ FCSA vốn đã được xây dựng rất công phu, phù hợp với các tiêu chuẩn và quy tắc các tổ chức quốc tế như FAO, WHO, WOAHO/OIE, IPPC, CODEX...

Mục tiêu dài hạn tiếp tục sau Dự án SAFEGRO, Bộ câu hỏi khảo sát về chương trình kiểm tra, kiểm soát ATTP có thể tiếp tục được nghiên cứu, mở rộng, kết hợp với một số tiêu chuẩn quốc tế về đánh giá chất lượng hệ thống quản lý nhằm xây dựng công cụ tự đánh giá hệ thống quản lý ATTP để có thể thường xuyên sử dụng phục vụ việc đánh giá định kỳ chất lượng công tác và có căn cứ cho việc thực hiện cải tiến, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống quản lý ATTP ở tất cả các cấp.

### 2.3.2 Đối tượng và phương thức khảo sát

Căn cứ phạm vi áp dụng công cụ FCSA của FAO/WHO và mục tiêu đánh giá hiệu quả thực thi các chương trình kiểm tra, kiểm soát ATTP, nhóm công tác xác định đối tượng khảo sát là các CQTQ có chức năng, nhiệm vụ hoặc được phân công, phân cấp thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát ATTP thuộc tất cả các Bộ/Ngành trong phạm vi cả nước. Nhóm chuyên gia tư vấn phối hợp với Văn phòng dự án SAFEGRO dự thảo văn bản trình Phó Ban chỉ đạo thường trực của Dự án là Cục trưởng NAFIQPM xem xét phê duyệt gửi các CQTQ để tham gia khảo sát, bao gồm các đơn vị sau đây:

- Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường và các cơ quan trực thuộc Cục.
- Cơ quan Thanh tra Bộ NN và PTNT, Thanh tra các Sở NN và PTNT các Tỉnh/Thành phố.
- Các Sở NNPTNT, Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản các Tỉnh/Thành phố.
- Cục ATTP và các Chi cục Vệ sinh ATTP các Tỉnh/Thành phố.
- Sở Y tế và Thanh tra chuyên ngành ATTP thuộc Sở Y tế các Tỉnh/Thành phố.
- Ban Quản lý ATTP tỉnh Bắc Ninh, Thành phố Đà Nẵng và Sở ATTP thành phố Hồ Chí Minh
- Vụ Khoa học công nghệ thuộc Bộ Công thương và Sở Công thương các Tỉnh/Thành phố.

Với đối tượng khảo sát khá đa dạng ở các lĩnh vực và thuộc phạm vi quản lý của những Bộ/Ngành khác nhau, nhằm đảm bảo thời gian và số lượng phản hồi thu thập đủ để cho kết quả khảo sát có ý nghĩa, nhóm công tác chọn phương thức khảo sát bằng cách lập biểu mẫu khảo sát dạng Google form, gửi đường liên kết trang khảo sát đến các đối tượng được phỏng vấn và thu thập thông qua hệ thống mạng Internet. Trong quá trình khảo sát, đối tượng phỏng vấn được cung cấp số điện thoại liên lạc với người đại diện nhóm công tác để hỏi bất kỳ vấn đề nào có liên quan nhằm làm rõ nội dung kỹ thuật hoặc giải thích những chi tiết khác, giúp người được phỏng vấn hiểu rõ và trả lời chính xác câu hỏi.

Số liệu thu thập được nhóm công tác phân tích, xử lý; kết hợp nghiên cứu những ý kiến góp ý của người được phỏng vấn và các tài liệu liên quan đến thực trạng để báo cáo những khoảng trống trong hệ thống quản lý ATTP và đề xuất những vấn đề mà cấp có thẩm quyền xem xét, có hướng sử dụng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát ATTP quốc gia.

### 2.3.3 Kết cấu Bộ câu hỏi khảo sát

Bộ câu hỏi được thiết kế gồm có 6 Phần:



- Phần I. Giới thiệu ngắn gọn về Bộ câu hỏi, mục đích khảo sát, miễn trừ trách nhiệm cá nhân, cam kết bảo mật thông tin của cơ quan khảo sát.
- Phần II. Một số từ viết tắt thường dùng trong bộ câu hỏi.
- Phần III. Hướng dẫn ngắn về cách trả lời câu hỏi
- Phần IV. Thông tin chung về đối tượng được khảo sát
- Phần V. Nội dung khảo sát: gồm có 116 câu hỏi, bao gồm các nhóm câu hỏi tập trung khảo sát các năng lực hệ thống dựa trên các AC trong FAO/WHO (xem *Phụ lục 5*)
  - A. CƠ SỞ PHÁP LÝ, HẠ TẦNG VÀ NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH CỦA CQTQ (11 câu hỏi)
  - B. NGUỒN NHÂN LỰC CỦA CQTQ (14 câu hỏi)
  - C. SỰ PHỐI HỢP, MỐI TƯƠNG QUAN CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (24 câu hỏi)
  - D. CĂN CỨ KHOA HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, KIỂM SOÁT ATTP (34 câu hỏi)
  - E. TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP, BỆNH DO THỰC PHẨM VÀ SỰ CỐ ATTP (13 câu hỏi)
  - F. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ LIÊN TỤC CẢI TIẾN HOẠT ĐỘNG (20 câu)
- Phần VI. Ý kiến đề xuất về nâng cao hiệu lực hiệu quả kiểm tra, kiểm soát ATTP.

#### 2.3.4 Đánh giá kết quả phản hồi

Đối với các nội dung khảo sát về mặt kỹ thuật (Phần V), mỗi câu hỏi khảo sát được chọn lọc theo những tiêu chí đánh giá (Assessment Criteria, AC), tham chiếu mã đánh giá (AC Code) trong nhóm năng lực hệ thống (System Competencies) theo công cụ FCSA của FAO/WHO.

Người được khảo sát sẽ thu thập thông tin hoặc căn cứ những bằng chứng có liên quan đến nội dung từng câu hỏi để đưa ra tự đánh giá đối với mỗi AC được khảo sát và đưa ra câu trả lời tương ứng và tất cả các tiêu chí đánh giá đều phải được trả lời đầy đủ. Mỗi AC được đánh giá theo 3 cấp độ đáp ứng:

- Năng lực hệ thống đáp ứng đầy đủ tiêu chí đánh giá, việc thực hiện có hiệu quả tốt. Theo công cụ FCSA của FAO/WHO, câu trả lời này được ghi nhận 3 điểm.
- Năng lực hệ thống có đáp ứng tiêu chí đánh giá nhưng chưa đầy đủ hoặc mới thực hiện một phần hoặc chưa đạt hiệu quả như yêu cầu. Theo công cụ FCSA của FAO/WHO, câu trả lời này được ghi nhận 1 điểm.
- Năng lực hệ thống chưa đáp ứng được tiêu chí đánh giá hoặc chưa thực hiện trên thực tế. Theo công cụ FCSA của FAO/WHO, câu trả lời này được ghi nhận 0 điểm.
- Riêng các ý kiến đóng góp tại câu hỏi mở ở cuối bảng khảo sát sẽ được tổng hợp ghi nhận trong báo cáo chung như là các ý kiến tham vấn mà không cho điểm.

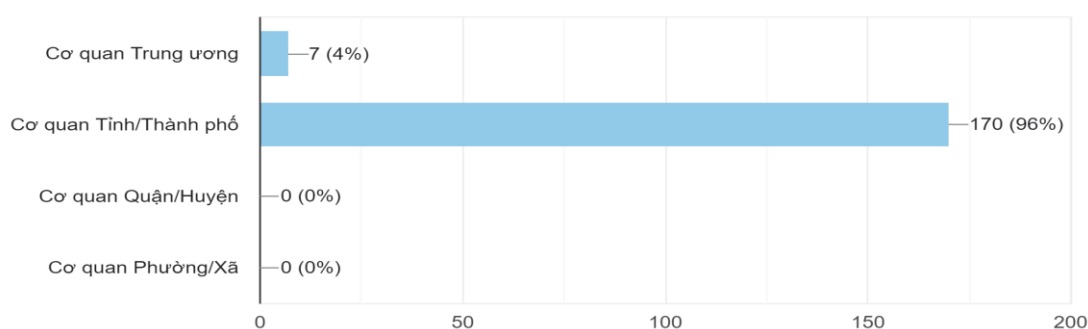
### 3 Kết quả khảo sát

#### 3.1 Thông tin chung

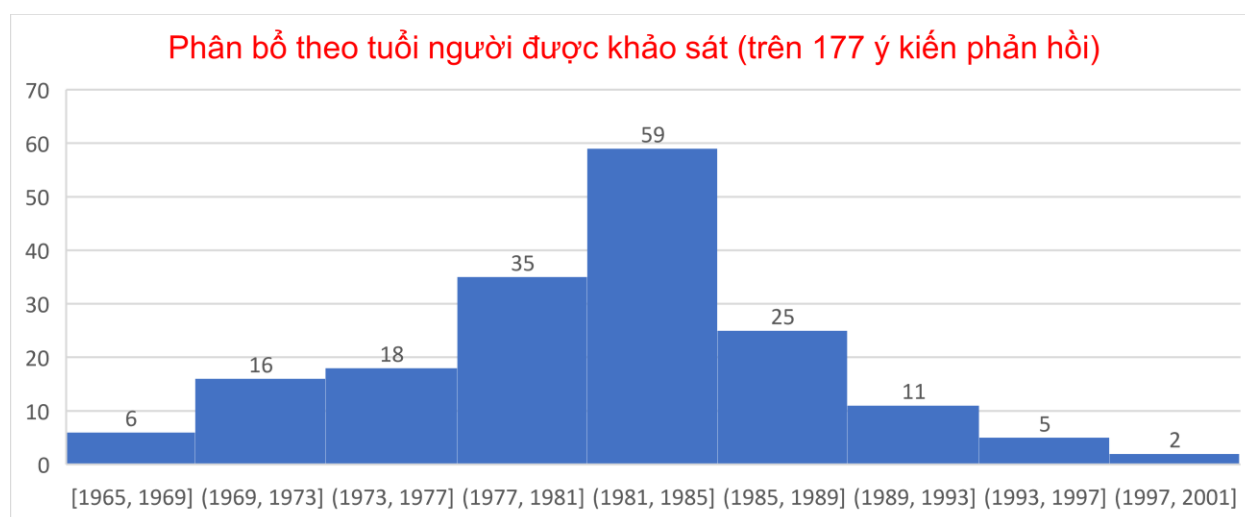
Đã có 177 ý kiến phản hồi từ các CQTQ thuộc các ngành NN và PTNT, Công thương và Y tế, trong đó tập trung là CQTQ có chức năng quản lý Nhà nước về ATTP từ cấp Trung ương đến cấp địa phương (175 ý kiến, chiếm 98,8%), 1 đơn vị sự nghiệp (0,6%) và 1 Phòng Thử nghiệm về ATTP (0,6%). Về phân cấp các đơn vị tham gia khảo sát, có 170 đơn vị thuộc cấp địa phương (chiếm 96%) và 7 đơn vị thuộc cấp Trung ương (chiếm 4%). Do đó, bức tranh toàn cảnh phản ánh chủ yếu là năng lực các CQTQ về ATTP và đa phần ở cấp địa phương (Tỉnh/Thành phố), đúng như mục tiêu được nhóm công tác đề ra khi làm khảo sát.

##### Phạm vi phân cấp:

177 câu trả lời



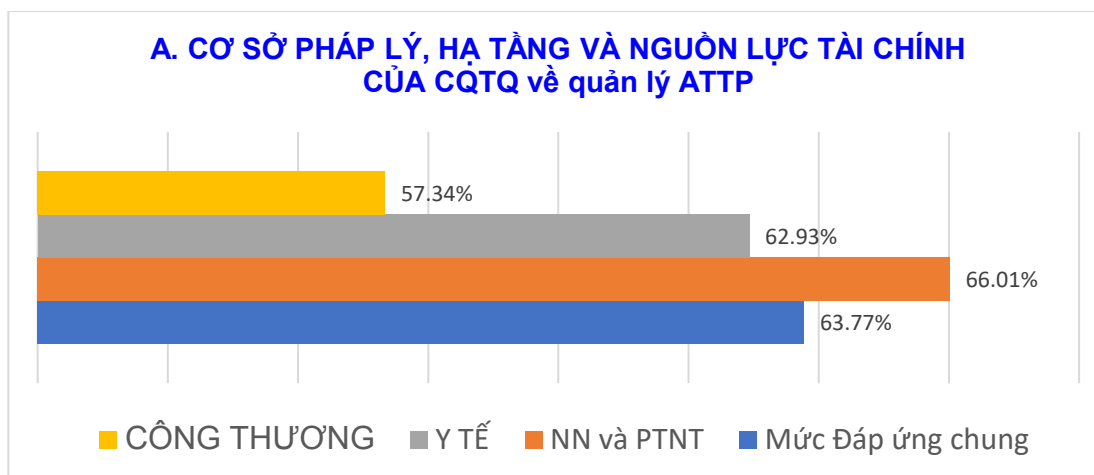
Đối với người được CQTQ phân công tham gia khảo sát, các độ tuổi ghi nhận gồm có: 47 – 59 tuổi (40 người, chiếm 22,6%); độ tuổi 35 – 47 tuổi (có 119 người, chiếm 67,2%); 23 – 35 tuổi (18 người, chiếm 10,2%); qua đó có thể thấy đối tượng được phân công tham gia khảo sát đa phần đang ở độ tuổi đã có kinh nghiệm trong công tác kiểm soát ATTP. Chức vụ các đối tượng tham gia khảo sát ở mức Trưởng/Phó Phòng và Chuyên viên chính/Thanh tra viên chính có 59 người (chiếm 33,3%) với độ tuổi trung bình là 46,2 tuổi, cũng là tiêu chí đáng quan tâm cho thấy kinh nghiệm nắm bắt về công tác kiểm soát ATTP của hệ thống và độ tin cậy của các ý kiến phản hồi.



Thống kê về đối tượng khảo sát theo các ngành được phân công quản lý ATTP được ghi nhận tại *Phụ lục 3*

## 3.2 Phân tích thông tin năng lực hệ thống

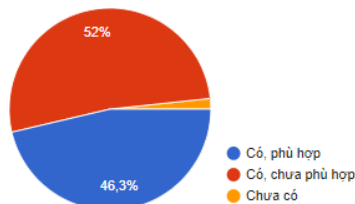
### 3.2.1 Cơ sở pháp lý, hạ tầng và nguồn lực tài chính



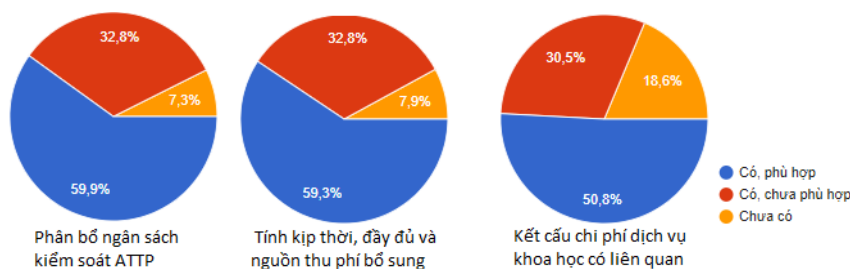
Đối với các CQTQ về ATTP của Việt Nam, nhìn chung ở tất cả các ngành hầu hết đều có được cơ sở pháp lý tốt cho các hoạt động kiểm soát ATTP và có được cơ sở hạ tầng cũng như nguồn lực tài chính tương đối ổn định ở mức đủ phục vụ cho các hoạt động của mình, trong đó so với tổng thể, ngành NN và PTNT và ngành Y tế có được cơ sở hạ tầng và nguồn lực tài chính tốt hơn.

Về cơ sở pháp lý làm nền tảng cho hoạt động kiểm tra kiểm soát ATTP, cơ bản có khá đầy đủ văn bản phân công, phân cấp kiểm soát ATTP đảm bảo thẩm quyền và trách nhiệm trong toàn chuỗi thực phẩm; quy định các nguyên tắc và thủ tục để thực hiện quá trình kiểm soát ATTP một cách toàn diện. Tuy nhiên về tính chặt chẽ và sự phối hợp trong kiểm soát ATTP trong tất cả các bước của chuỗi thực phẩm thì vẫn còn chưa đáp ứng như mong đợi

177 câu trả lời nhận xét về tính chặt chẽ, sự phối hợp trong kiểm soát ATTP áp dụng cho tất cả các bước trong chuỗi thực phẩm

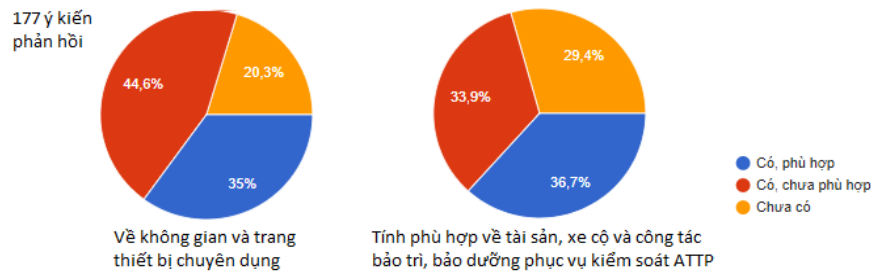


Đối với cơ sở hạ tầng và nguồn lực tài chính, việc phân bổ ngân sách kiểm soát ATTP chưa hiệu quả, tính kịp thời chưa đảm bảo, đối với một số ít đơn vị thì vẫn chưa có; đặc biệt kinh phí ngân sách liên quan đến các dịch vụ khoa học phục vụ kiểm soát ATTP thì còn hạn chế

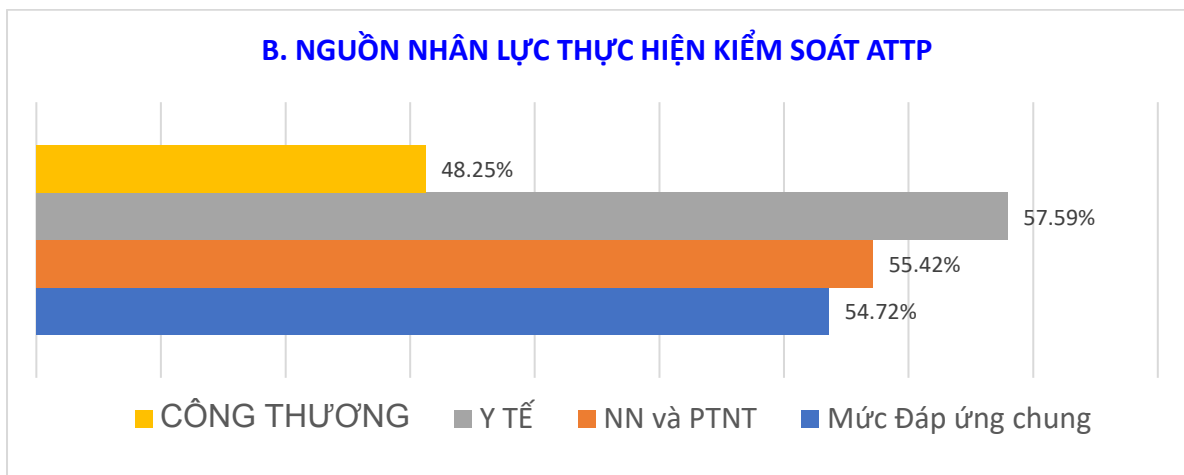


Về điều kiện làm việc của CQTQ kiểm soát ATTP, nhiều ý kiến cho rằng không gian, trang thiết bị chuyên dụng cung cấp cho các vị trí tiến hành hoạt động kiểm soát ATTP chưa đầy đủ, thiếu sự phù hợp

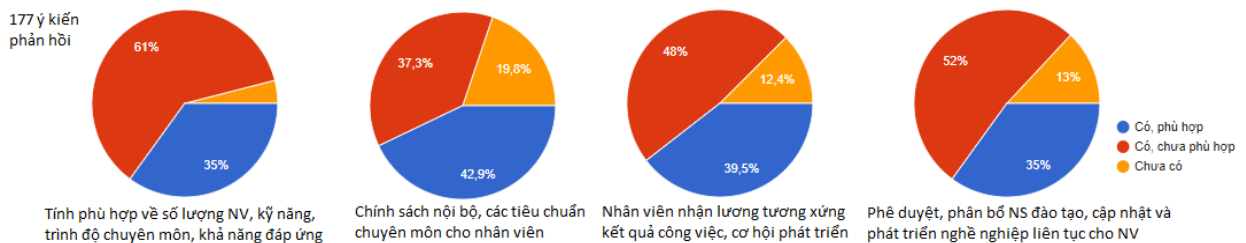
hoặc thiếu hiệu quả; ngân sách cung cấp cho việc mua sắm, làm mới, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng và thiết bị phục vụ kiểm soát ATTP chưa được quan tâm đầy đủ hoặc ít hiệu quả.



### 3.2.2 Nguồn nhân lực



Nguồn nhân lực được các cấp thẩm quyền quan tâm đầu tư cho các CQTQ và đảm bảo lương, các khoản thu nhập cho nhân viên nhưng vẫn còn chưa hoàn toàn phù hợp về số lượng, kỹ năng, trình độ chuyên môn, khả năng đáp ứng của nhân viên thực hiện kiểm soát, giám sát ATTP. Nhiều ý kiến cho rằng việc trả lương chưa hoàn toàn tương xứng với nhiệm vụ, cấp trên chưa sử dụng kết quả đánh giá thường xuyên về năng lực, hiệu suất và có biện pháp khuyến khích nâng cao hiệu quả công việc gắn với cơ hội phát triển nghề nghiệp của người làm công tác kiểm soát ATTP, đặc biệt là sự phân bổ ngân sách cho việc đào tạo, cập nhật và phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kiểm tra, kiểm soát ATTP mà nguyên nhân có thể do chính sách nội bộ và tiêu chuẩn chuyên môn áp dụng cho nhân viên chưa thực sự hiệu quả.



Có khoảng 56% ý kiến phản hồi cho rằng công tác đào tạo nhân viên mới để tiếp nhận nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát ATTP, áp dụng cơ chế khuyến khích nhân viên tham gia tập huấn định kỳ để trao đổi, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chia sẻ kiến thức mới, kinh nghiệm với đồng nghiệp và nhóm công tác về kiểm tra, kiểm soát ATTP còn nhiều hạn chế hoặc chưa được triển khai đối với một số CQTQ (khoảng 20%).

Có hơn 65% ý kiến phản hồi cho rằng chưa có sự phân bổ ngân sách phù hợp để các nhân viên đã có kỹ năng chuyên môn tốt có thể chuẩn bị và tham dự các cuộc họp, Hội nghị khoa học cấp quốc tế liên

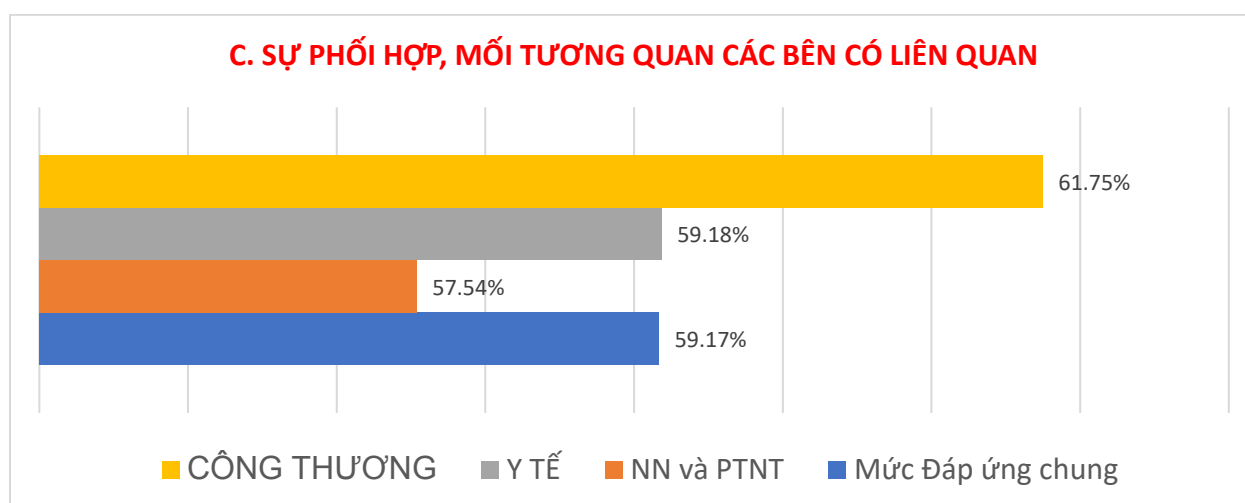


quan tới chất lượng và ATTP, thiếu điều kiện hoặc ngân sách để họ có thể truy cập xác thực, cập nhật các nguồn thông tin khoa học và kỹ thuật nhằm sau này phổ biến lại cho tất cả các nhân viên có liên quan khác.

Hơn 50% ý kiến phản hồi cho thấy vấn đề sử dụng công nghệ hiện đại để nhân viên có cơ hội tiếp cận và trao đổi thông tin với các cấp một cách nhanh chóng vẫn có thiếu hoặc chưa hiệu quả. Vấn đề còn thiếu hoặc ít hiệu quả là việc CQTQ có cơ chế và thực hiện cam kết cho phép, bảo mật các thông tin được nhân viên báo cáo về hành vi sai trái của đồng nghiệp và cán bộ cấp trên mà không phải chịu bất kỳ phản ứng tiêu cực bất lợi nào khác.

Nhìn chung, nhân lực thực thi chương trình kiểm tra kiểm soát ATTP đã được quan tâm nhưng mức độ đầu tư, cập nhật nâng cao trình độ, cơ chế phát huy người tài và bảo vệ người trung thực cần cải thiện. Hiện trạng cho thấy về nguồn nhân lực kiểm tra, kiểm soát ATTP chỉ đáp ứng 54,7% so với yêu cầu trong công cụ đánh giá FAO/WHO FCSA, trong đó ngành Y tế có mức đáp ứng khoảng 57,6%, ngành NN và PTNT có mức đáp ứng khoảng 55,4% và ngành Công thương chỉ đáp ứng ở mức 48,3% so với yêu cầu của FCSA.

### 3.2.3 Sự phối hợp, mối tương quan các bên có liên quan

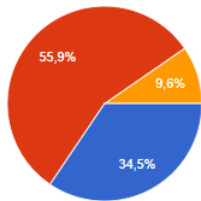


Về tổng thể, các CQTQ có sự phối hợp và mối tương quan với các bên liên quan trong quá trình thực thi kiểm tra, kiểm soát ATTP ở mức khá tốt, đặc biệt là nhóm CQTQ thuộc ngành Công thương. Trong mối tương quan các bên liên quan, các phản hồi cho thấy chủ yếu vẫn là sự phối hợp giữa các CQTQ và trao đổi thông tin qua lại giữa CQTQ với các bên liên quan, sự công bố về thủ tục kiểm tra, kiểm soát ATTP.

Khoảng trống cần có hướng xem xét là việc thực hiện cơ chế liên lạc chính thức giữa CQTQ và các bên liên quan tham gia kiểm soát ATTP, trao đổi thông tin trong toàn chuỗi thực phẩm từ sản xuất đến tình hình ATTP với người tiêu dùng, trên thực tế là chưa tốt hoặc chưa đầy đủ; chiến lược và hướng dẫn để truyền thông về ATTP tới các đối tác, bên liên quan, công chúng và tổ chức quốc tế chưa được hiệu quả. Đặc biệt là CQTQ chưa thực hiện việc phân tích nhu cầu phát triển năng lực của cơ sở SXKD thực phẩm để thông báo và lập kế hoạch cho các chiến dịch nâng cao nhận thức, tập huấn, đào tạo về ATTP phù hợp. do đó, CQTQ chưa thực hiện hiệu quả trách nhiệm hỗ trợ cơ sở SXKD để cập nhật, nâng cao hiểu biết cho cơ sở SXKD (sản xuất, chế biến, kinh doanh nhỏ lẻ, bán buôn thực phẩm, nhà hàng, siêu thị...) về các yêu cầu và quy định ATTP hoặc phân tích xác định các điểm còn yếu trong biện pháp kiểm soát ATTP cụ thể để các cơ sở SXKD nâng cao hiệu quả công tác tự kiểm tra, giám sát, kiểm soát ATTP.

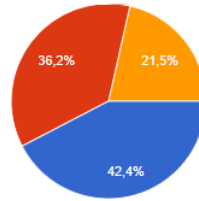


177 ý kiến  
phản hồi

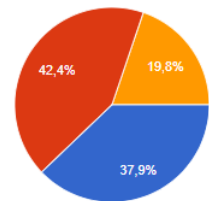


Hiệu quả thực tế về cơ chế liên lạc chính thức giữa CQTQ và các bên liên quan trao đổi thông tin trong toàn chuỗi thực phẩm

● Có, phù hợp  
● Có, chưa phù hợp  
● Chưa có



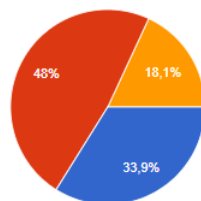
Chiến lược và hướng dẫn truyền thông ATTP tới các đối tác, bên liên quan, công chúng và tổ chức quốc tế



Phân tích nhu cầu cơ sở, lập kế hoạch nâng cao nhận thức, tập huấn, đào tạo

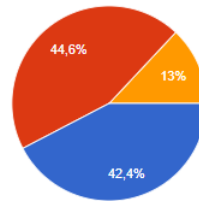
Đối với các cơ sở SXKD tham gia chuỗi cung ứng thực phẩm, vai trò của Hiệp hội các cơ sở SXKD vẫn còn mờ nhạt và chưa hỗ trợ tích cực cho các thành viên của mình trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin, tham gia xây dựng quy định kiểm soát ATTP, tiêu chuẩn thực phẩm, cung cấp thông tin phản hồi có liên quan và thực hiện quyền khiếu nại với CQTQ về công tác kiểm tra, kiểm soát ATTP nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động này.

177 ý kiến  
phản hồi



Vai trò Hiệp hội cơ sở SXKD trong phối hợp với CQTQ để cung cấp thông tin về CL và ATTP

● Có, phù hợp  
● Có, chưa phù hợp  
● Chưa có

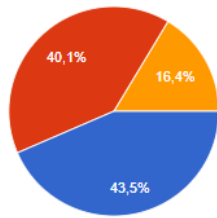


Thực hiện quyền tiếp cận thông tin, tham gia xây dựng tiêu chuẩn, quy định kiểm soát ATTP, ý kiến phản hồi và quyền khiếu nại

Công tác truyền thông về pháp luật liên quan đến ATTP, các mối nguy ATTP, chương trình và kết quả kiểm soát, những sự cố ATTP và các biện pháp phòng ngừa để đảm bảo ATTP hướng đến cộng đồng bao gồm cả nhà sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng đã được thực hiện một cách công bằng, không phân biệt đối xử, thông qua nhiều kênh thông tin đại chúng, bằng các công cụ nghe nhìn, mạng xã hội và có sự tham gia hỗ trợ của tổ chức/chuyên gia truyền thông chuyên nghiệp. Các CQTQ thực hiện được việc xây dựng và triển khai công tác truyền thông, phổ biến thông tin đến người tiêu dùng (kể cả các nhóm có nhu cầu thực phẩm đặc biệt như trẻ em, phụ nữ có thai, người cao tuổi...) về tầm quan trọng của ATTP, cách thức thực hành chuẩn bị và sử dụng thực phẩm an toàn, các vấn đề về chất lượng thực phẩm, cách nhận biết thực phẩm an toàn, cũng như là công tác truyền thông nguy cơ khi xảy ra sự cố về ATTP, ngộ độc thực phẩm, FBD hoặc xuất hiện gian lận trong SXKD thực phẩm nhằm chuyển tới người tiêu dùng thông điệp ATTP phù hợp và gia tăng hiệu quả dự phòng nhưng công tác này chưa được thường xuyên và chưa thật sự rộng khắp đến tất cả các khu vực phân chia theo địa phương.

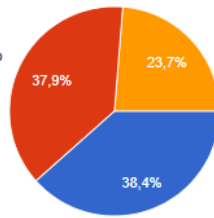
CQTQ đã cung cấp một số phương thức thực hiện và hướng dẫn để đối tác thương mại có thể dễ dàng tiếp cận thông tin cập nhật về yêu cầu chất lượng, ATTP cũng như các biện pháp kiểm tra, kiểm soát và kết quả thực hiện giám sát ATTP. Tuy nhiên, sự tham gia hỗ trợ phát triển thương mại quốc tế thông qua việc cung cấp hướng dẫn các đối tác quốc tế có thể tiếp cận truyền thông công khai, tích cực đối với các quy định về chất lượng và ATTP, các yêu cầu biện pháp kiểm soát trong nước, kiểm soát thực phẩm nhập khẩu và thể hiện bằng hồ sơ ghi chép theo chuẩn mực quốc tế vẫn chưa được thúc đẩy như mong đợi. Đặc biệt, chưa tham gia có hiệu quả đối với các hoạt động của những tổ chức quốc tế (VD: Codex), việc phát triển mối liên kết giữa CQTQ về ATTP với khối học thuật (trường đại học, viện nghiên cứu, các nhóm chuyên gia khác...) để sử dụng các tiêu chuẩn, hướng dẫn của các tổ chức quốc tế và thông tin khoa học từ khối học thuật nhằm đưa ra thông tin phù hợp cho công tác kiểm tra, kiểm soát, đánh giá và ứng phó với các vấn đề về ATTP và gian lận về chất lượng hay ATTP.

177 ý kiến phản hồi

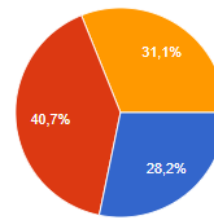


Hướng dẫn đối tác thương mại tiếp cận, cập nhật thông tin yêu cầu, kết quả kiểm soát chất lượng, ATTP.

● Có, phù hợp  
● Có, chưa phù hợp  
● Chưa có

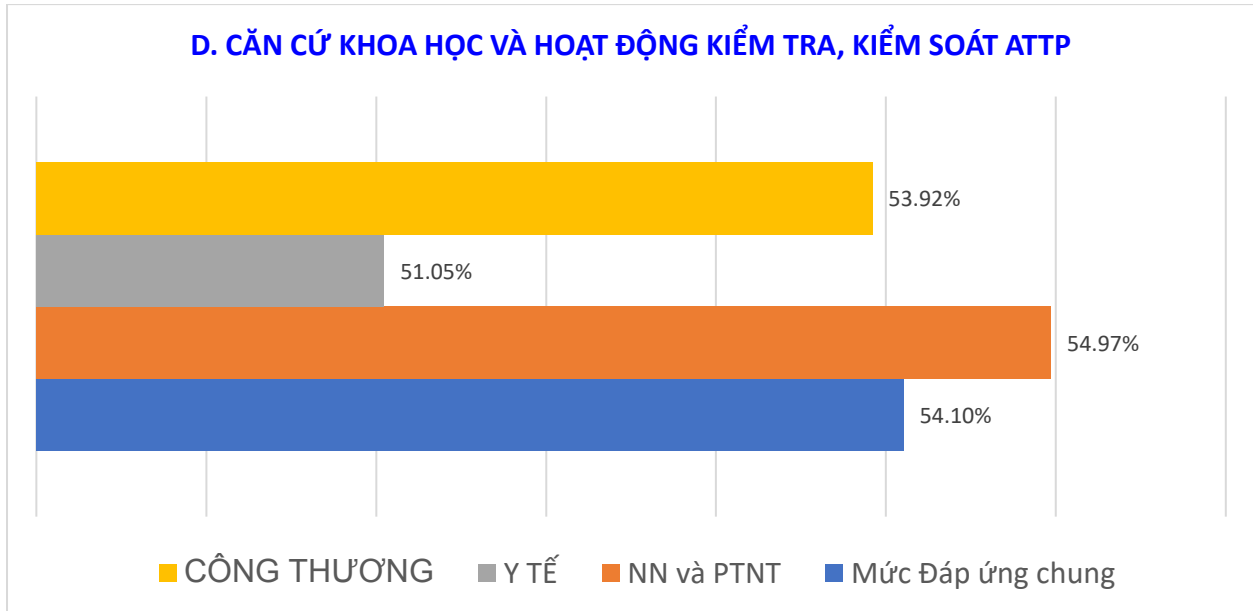


Việc tham gia hoạt động của tổ chức quốc tế, sử dụng các tiêu chuẩn, hướng dẫn của các tổ chức đó trong kiểm tra, kiểm soát ATTP



Mối liên kết giữa CQTQ với khối học thuật để đưa ra thông tin phù hợp cho việc đánh giá, ứng phó với các vấn đề về ATTP và gian lận thực phẩm

### 3.2.4 Căn cứ khoa học và hoạt động kiểm tra, kiểm soát ATTP

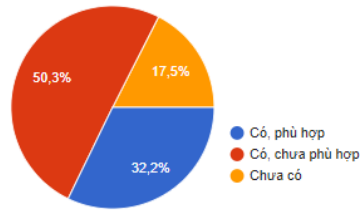


Cơ sở khoa học đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác phân tích, đánh giá nguy cơ ATTP để thiết kế và thực hiện chương trình kiểm tra, kiểm soát ATTP. Đây là một nội dung được FAO và WHO rất coi trọng và đưa vào một trong bốn phần trong bộ công cụ phân tích đánh giá hệ thống kiểm soát ATTP (FCSA) của FAO/WHO bởi vì cơ sở khoa học và các phương tiện, công cụ phục vụ cho việc thu thập thông tin, đánh giá nguy cơ để thực hiện phòng ngừa và ứng phó kịp thời đối với các mối nguy ATTP một trong các yếu tố quyết định tính hiệu quả của chương trình kiểm tra, kiểm soát ATTP.

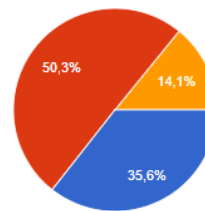
Với 177 ý kiến phản hồi, nhìn chung có khoảng 1/3 ý kiến nhận xét là nội dung về cơ sở khoa học và hoạt động kiểm soát ATTP được thực hiện là có hiệu quả, còn lại khoảng 2/3 số ý kiến cho rằng chưa hiệu quả hoặc chưa được đầy đủ. Phân tích các đối tượng CQTQ ở cấp địa phương, nhất là các địa bàn điều kiện cơ sở hạ tầng chưa tốt thì đều cho ý kiến nhận xét là nội dung này chưa được triển khai hoàn chỉnh.

50% số ý kiến phản hồi là CQTQ có cơ sở hạ tầng và năng lực kỹ thuật phục vụ việc thu thập số liệu hỗ trợ hoạt động phân tích nguy cơ ATTP là chưa đầy đủ và chưa hiệu quả. Về năng lực chuyên môn của người thực hiện chưa hoàn toàn phù hợp (hoặc còn yếu) nên chưa hỗ trợ tốt cho việc xây dựng quy trình để thu thập, phân tích số liệu, giám sát việc thực hiện hoạt động phân tích và kiểm soát chất lượng số liệu thu thập cho nhiệm vụ phân tích nguy cơ ATTP;

177 ý kiến phản hồi



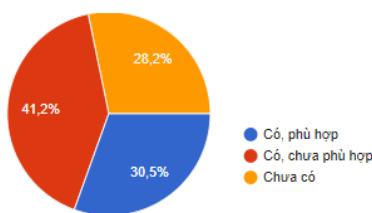
Cơ sở hạ tầng và năng lực kỹ thuật của CQTT phục vụ việc thu thập số liệu hỗ trợ hoạt động phân tích nguy cơ ATTP



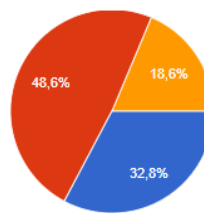
Năng lực chuyên môn xây dựng quy trình thu thập, phân tích số liệu, giám sát, kiểm soát chất lượng số liệu thu thập để phân tích nguy cơ ATTP

Về mặt kỹ thuật, hệ thống giám sát tích hợp thông tin lấy từ toàn bộ chuỗi thực phẩm để giúp hiểu rõ hơn về nguy cơ ATTP, xác định, thu thập số liệu về cặp “sản phẩm-môi nguy” cụ thể cho thấy chưa được triển khai hoặc ít hiệu quả. Để triển khai nhiệm vụ giám sát, kiểm soát ATTP, cần xác định nhu cầu số liệu cần thiết cho việc đánh giá nguy cơ ATTP, xây dựng số liệu, cơ sở dữ liệu cần thiết từ chương trình kiểm tra, giám sát ATTP thường xuyên để thu thập thông tin cho các hoạt động phân tích các nguy cơ ATTP đang là xu thế hiện tại hoặc mới phát sinh. CQTT cần thực hiện các nghiên cứu có mục tiêu để xác định nguồn thực phẩm gây bệnh cụ thể, đặc điểm dịch tễ học của bệnh do thực phẩm, ước tính gánh nặng xã hội do bệnh từ thực phẩm (tỉ lệ số ca mắc bệnh mới và số liệu về mức độ nghiêm trọng của bệnh) để có bằng chứng xếp hạng ưu tiên đối với từng nguy cơ ATTP.

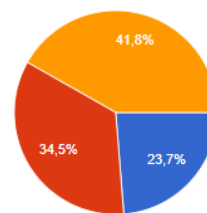
177 ý kiến phản hồi



Hệ thống giám sát tích hợp thông tin từ toàn bộ chuỗi thực phẩm để hiểu rõ nguy cơ ATTP, xác định, thu thập số liệu về cặp “sản phẩm-môi nguy” cụ thể



Xác định nhu cầu số liệu cần cho đánh giá nguy cơ ATTP, dữ liệu từ chương trình kiểm tra, giám sát ATTP để phục vụ phân tích nguy cơ mới hoặc hiện tại

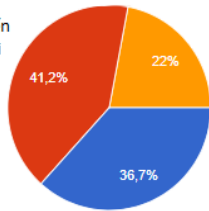


Nghiên cứu có mục tiêu để xác định nguồn lây cụ thể, đặc điểm dịch tễ học của FBD,... để có bằng chứng xếp hạng ưu tiên nguy cơ ATTP

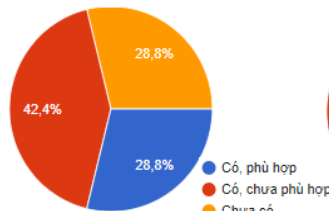
Hệ thống quản lý nguy cơ ATTP được xây dựng và áp dụng một cách khoa học; thường xuyên được xem xét, phân tích, xây dựng khung quản lý nguy cơ, xếp hạng nguy cơ phục vụ cho công tác thiết lập quy trình liên quan đến xây dựng luật, tiêu chuẩn, chính sách, hướng dẫn và sử dụng nguồn lực hiệu quả để thực thi kiểm soát ATTP một cách hữu hiệu. Các CQTT cần có sự phối hợp trong thực hiện đánh giá nguy cơ, xác định kết quả đánh giá, ước tính rủi ro với các phép biện luận khoa học bằng phương pháp định tính, bán định lượng hoặc định lượng, thống nhất xác lập khung phân loại nguy cơ, hệ thống hồ sơ thực hiện xếp hạng nguy cơ ATTP để thúc đẩy xây dựng chương trình theo dõi chất lượng và ATTP quốc gia hiệu quả.

Đánh giá về hoạt động này, khoảng 2/3 số ý kiến phản hồi cho rằng tiêu chí đánh giá này được CQTT thực hiện đầy đủ hoặc thậm chí khoảng 30% cho là chưa được triển khai ở một số nơi.

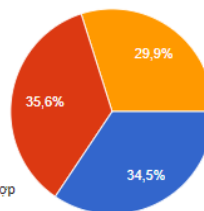
177 ý kiến phản hồi



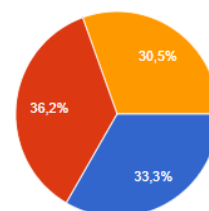
Hiểu biết về nguyên tắc phân tích nguy cơ, khung quản lý nguy cơ áp dụng trong các quy trình liên quan



Cách tiếp cận xếp hạng ưu tiên về nguy cơ để hướng dẫn, thông tin và định hướng sử dụng nguồn lực phục vụ quản lý nguy cơ



Quy định và hồ sơ xếp hạng nguy cơ ATTP để xây dựng chương trình theo dõi CL và ATTP quốc gia

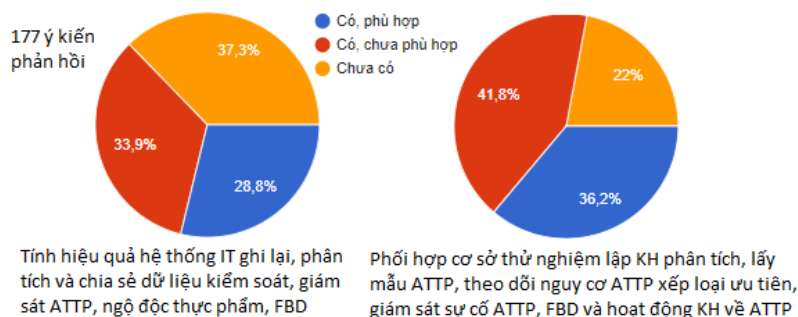


Quy định và hồ sơ khung phân loại nguy cơ ATTP để xây dựng chương trình giám sát ATTP quốc gia

Công cụ phục vụ quản lý nguy cơ bao gồm hệ thống IT để ghi lại, phân tích và chia sẻ dữ liệu thu được trong quá trình kiểm soát ATTP, giám sát sự cố ATTP, ngộ độc thực phẩm, bệnh do thực phẩm; sử dụng các Phòng thử nghiệm ATTP đủ năng lực và được ủy quyền hoặc chỉ định để phối hợp trong việc lập kế hoạch lấy mẫu, phân tích, kiểm tra thường xuyên về ATTP dựa trên khung phân loại rủi ro, theo dõi các

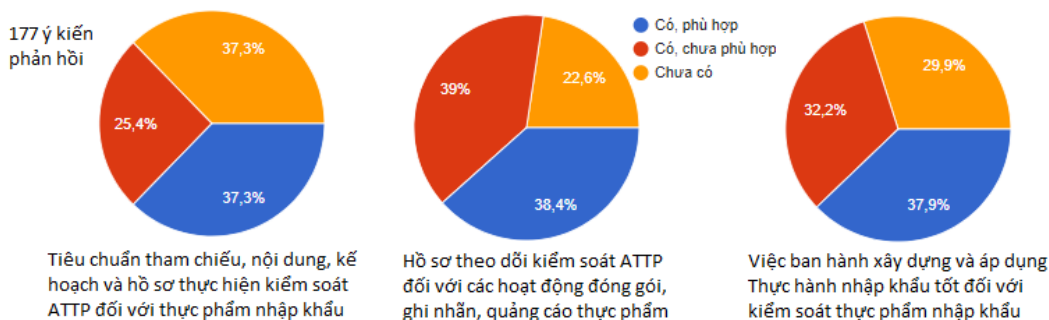


nguy cơ ATTP được xếp loại ưu tiên, giám sát ngộ độc thực phẩm, FBD và các hoạt động khoa học liên quan đến ATTP; lập hồ sơ thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ cơ sở SXKD thực phẩm.



Công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát ATTP có hiệu quả cần thiết phải căn cứ phân tích nguy cơ giúp phân loại và xếp loại nhóm sản phẩm tương tự để xây dựng và triển khai kế hoạch hợp lý, khoa học theo những quy trình thủ tục thống nhất và giống nhau. CQTQ có quy trình nhất quán về hồ sơ ghi nhận phân loại, cập nhật và xếp hạng ưu tiên cơ sở SXKD trong kiểm tra, kiểm soát ATTP và phải được theo dõi trong phạm vi kiểm soát. Nhiệm vụ công tác này đang thực hiện khá tốt đối với thực phẩm xuất khẩu nhưng chưa hiệu quả và chưa có đủ hồ sơ ghi chép thực hiện đối với các cơ sở SXKD thực phẩm tiêu thụ nội địa và nhập khẩu.

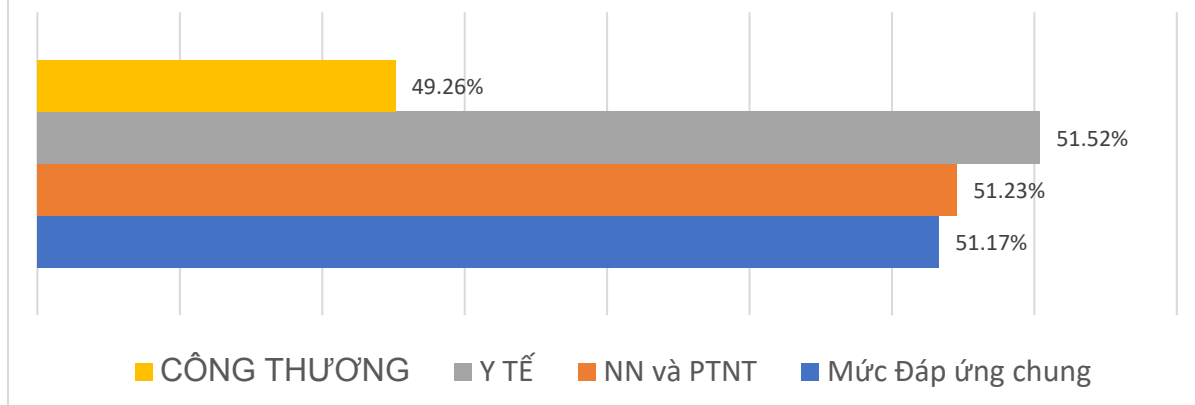
Trong số những điểm bất cập còn phải tăng cường biện pháp để nâng cao hiệu quả kiểm soát ATTP là quy trình thực hiện và hồ sơ ghi chép theo dõi về hiệu quả kiểm soát ATTP đối với các hoạt động đóng gói, ghi nhãn, quảng cáo thực phẩm, hoạt động cung ứng thực phẩm, đặc biệt là tiêu chuẩn tham chiếu, nội dung kỹ thuật, kế hoạch và hồ sơ thực hiện kiểm soát ATTP đối với thực phẩm nhập khẩu. Thực hành nhập khẩu tốt được xây dựng, ban hành và làm căn cứ cho hoạt động kiểm soát thực phẩm nhập khẩu là một yêu cầu quan trọng để việc kiểm soát ATTP nhập khẩu có tính thống nhất toàn quốc và có hiệu quả.



Hoạt động kiểm soát ATTP thực hiện ở tất cả các công đoạn của chuỗi thực phẩm (từ trang trại đến bàn ăn) được tổ chức một cách liên tục, có sự kết nối phối hợp, mang tính toàn diện phù hợp chiến lược kiểm soát ATTP. Hoạt động này giúp CQTQ phát hiện những thiếu sót trong chuỗi cung ứng thực phẩm và chương trình kiểm soát ATTP thực sự hiệu quả khi được sự hỗ trợ một cách khoa học từ hoạt động truy xuất nguồn gốc triển khai một cách chính xác trong phạm vi được kiểm soát. Truy xuất nguồn gốc còn giúp xây dựng và áp dụng những biện pháp phòng ngừa hiệu quả và kiểm soát được nguy cơ ATTP đối với các mối nguy đã được nhận biết hoặc dự đoán từ đầu. Hoạt động này phải được kiểm soát thông qua việc cơ sở SXKD đăng ký và được đưa vào kế hoạch kiểm tra, kiểm soát định kỳ trên cơ sở khung phân loại nguy cơ và xếp hạng ưu tiên đối với các FBO.

### 3.2.5 Xử lý trường hợp khẩn cấp

## E. XỬ LÝ TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP, BỆNH DO THỰC PHẨM VÀ SỰ CỐ ATTP



Cảnh báo và xử lý các trường hợp khẩn cấp, sự cố ATTP bao gồm cả ngộ độc và bệnh do thực phẩm là một phần quan trọng trong chương trình kiểm tra kiểm soát ATTP. Hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam đã có các quy định liên quan đến công tác này, quy định cảnh báo nhanh về ATTP, trình tự thủ tục ứng phó với trường hợp khẩn cấp như ngộ độc thực phẩm, bệnh do thực phẩm. Đối với xử lý sự cố ATTP, có sự phân bổ ngân sách phục vụ xử lý các sự cố ATTP nhưng hơn 50% ý kiến cho rằng ngân sách đó chưa thực sự phù hợp hoặc có khi chưa đủ để thực hiện một cách đầy đủ các biện pháp xử lý, nhất là giai đoạn điều tra truy nguyên, điều tra dịch tễ học và khắc phục sau khi xảy ra sự cố.

CQTQ xây dựng và thực hiện kế hoạch giám sát nhằm mục đích phát hiện sớm và/hoặc theo dõi bất kỳ vấn đề nào liên quan đến chất lượng và ATTP trong chuỗi thực phẩm, có cơ chế thông tin nhanh giữa các CQTQ chịu trách nhiệm kiểm soát và ứng phó sự cố khẩn cấp về ATTP khi việc kiểm soát, kiểm tra, giám sát ATTP phát hiện nguy cơ tiềm ẩn trong chuỗi thực phẩm có thể tác động đến sức khỏe con người nhưng cơ chế này chưa được vận hành mạch lạc và hiệu quả có lúc chưa tốt.

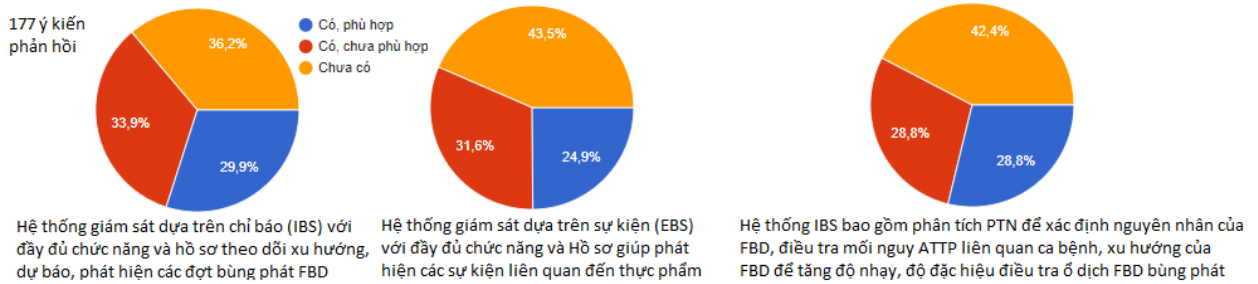
Một chương trình kiểm soát, giám sát ATTP cấp quốc gia có tính hữu hiệu và nhất quán cần đến sự tham gia với mối quan hệ thiết yếu của hai hệ thống giám sát cảnh báo là:

+ “Hệ thống giám sát dựa trên chỉ báo (Indicator-Based Surveillance, IBS) dựa vào việc thu thập, theo dõi, phân tích và giải thích dữ liệu có cấu trúc thường xuyên có hệ thống liên quan đến định nghĩa ca bệnh hoặc hội chứng” (WHO, 2014). Dữ liệu về bệnh tật của các cá nhân (hoặc hội chứng hoặc kết quả xét nghiệm) được ghi lại một cách có hệ thống, phân tích, diễn giải và phổ biến. Căn cứ chỉ số ghi nhận, có thể áp dụng ngưỡng dữ liệu để giúp phát hiện các đợt bùng phát dịch bệnh, theo dõi xu hướng và đánh giá các biện pháp can thiệp ứng phó với trường hợp khẩn cấp, sự cố ATTP và FBD. Hệ thống IBS giúp tăng cường việc giám sát các sự cố ATTP, bệnh liên quan đến thực phẩm đã có thông tin được thông báo, với các chỉ số đã được ghi nhận, báo cáo trong một hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan được ghi nhận từ kết quả thử nghiệm, khảo sát, hồ sơ dịch tễ học, từ các CQTQ, cơ sở Y tế, các báo cáo của cơ quan chức năng;

+ “Hệ thống giám sát dựa trên sự kiện (Event-Based Surveillance, EBS) là hệ thống sử dụng cách tiếp cận có tổ chức nhằm phát hiện và báo cáo các “tín hiệu” có thể xảy ra sự cố hoặc FBD”, được hiểu là các thông tin có thể đại diện cho các sự kiện có tầm quan trọng đối với sức khỏe cộng đồng, thường thông qua các kênh bên ngoài hệ thống giám sát ATTP thông thường, kể cả những dự báo mang tính cách không chính thống, kể cả các “tin đồn”. Các “tín hiệu” dạng này có thể được CQTQ thiết kế với mục đích phát hiện được các mô hình bệnh tật hoặc FBD, chẳng hạn như các cụm bệnh tương tự trong một cộng đồng hoặc các cụm bệnh hoặc tử vong ở động vật có liên quan đến một sự kiện nào đó. Các tín hiệu cũng có thể bao gồm các trường hợp nghi ngờ có sự kiện ưu tiên cao, chẳng hạn như bệnh nhân bị ngộ độc hàng loạt trong một sự kiện có quy mô lớn như các lễ hội ẩm thực, lễ hội âm nhạc hoặc thậm chí trong các sự kiện liên quan

đến yếu tố khí hậu, thời tiết như FBD do thực phẩm trong mùa hè, lễ Tết.... EBS có thể được xem là một thành phần quan trọng của hệ thống cảnh báo sớm hiệu quả, cho phép các quốc gia chuẩn bị tốt hơn cho các đợt bùng phát bệnh dịch và đại dịch có thể dự báo được.

Về hệ thống IBS và EBS để phục vụ cho chương trình kiểm tra, kiểm soát, giám sát ATTP có hiệu quả, trên thực tế tại Việt Nam chưa triển khai tốt.



Một hệ thống kiểm soát quốc gia về ATTP cần có kế hoạch thống nhất, phù hợp; sử dụng khung phân tích nguy cơ một cách khoa học để dự kiến được hành động ứng phó tương ứng tình huống khẩn cấp về ATTP; được xây dựng với sự tham gia của các bên liên quan, đã định nghĩa rõ ràng về tình huống khẩn cấp ATTP để khi xảy ra thì nhanh chóng kích hoạt hành động ứng phó tương xứng đã được dự kiến trước.

Trong mọi trường hợp khẩn cấp, sự cố ATTP hoặc FBD xảy ra, CQTQ cần thiết triển khai công tác điều tra dịch tễ, đánh giá nhanh về rủi ro đối với các sự kiện y tế công cộng nghiêm trọng trong phạm vi kiểm tra, kiểm soát về ATTP; cũng như cần có CQTQ làm nhiệm vụ điều phối ứng phó với ổ dịch đa ngành và sử dụng dịch tễ học phân tích trong quá trình điều tra ổ dịch bệnh do thực phẩm. Cần thiết có sự phối hợp mang tính chất đa lĩnh vực, trao đổi nhanh thông tin và hỗ trợ phân tích phòng thí nghiệm trong quá trình điều tra bùng phát dịch bệnh do thực phẩm, đồng thời luôn có kịch bản cấp quốc gia sẵn sàng để kích hoạt một cách chủ động khi xảy ra sự cố khẩn cấp về ATTP với quy mô và/hoặc tính chất nghiêm trọng.

Các nội dung cần thiết này là một thành phần trong nhóm các năng lực cần thiết của bất kỳ hệ thống kiểm soát ATTP nào. Tuy nhiên, đa số ý kiến phản hồi là hiện tại CQTQ chưa đủ năng lực hoặc năng lực chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu. Công tác điều phối, phối hợp đa lĩnh vực, trao đổi nhanh thông tin và sử dụng sự hỗ trợ từ phân tích của các Phòng thử nghiệm trong điều tra các bùng phát dịch bệnh do thực phẩm vẫn chưa thực hiện tốt hoặc có thực hiện nhưng chưa thực sự hiệu quả.



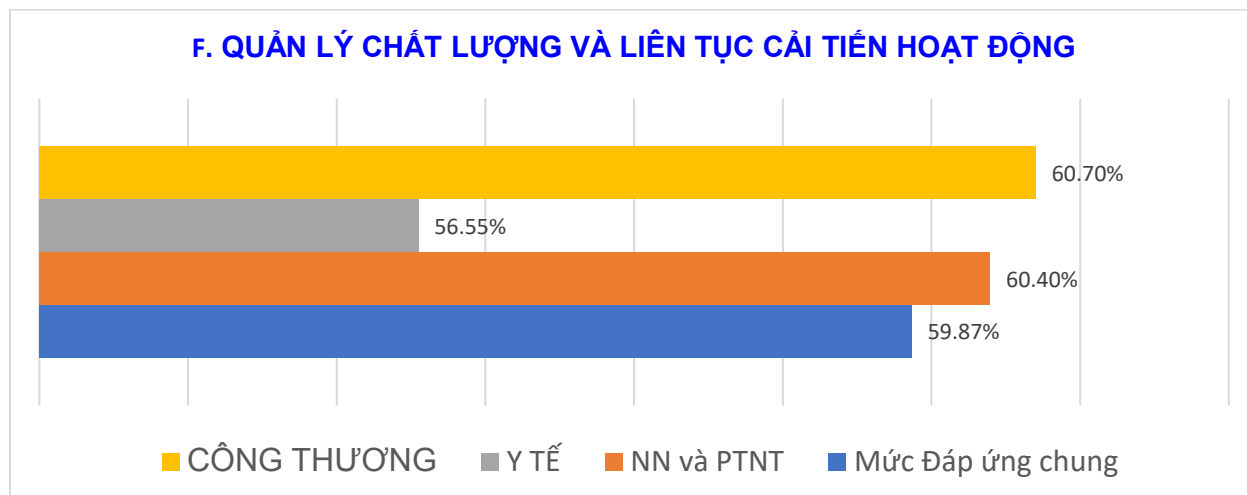
### 3.2.6 Quản lý chất lượng, liên tục cải tiến

Hoạt động kiểm tra, kiểm soát ATTP về bản chất là hoạt động mang tính hệ thống, cần được quản lý chất lượng với các tiêu chí, trình tự thủ tục thực hiện rõ ràng, hệ thống hồ sơ ghi chép việc theo dõi, giám sát và định kỳ soát xét, tự thẩm tra theo những chuẩn mực thống nhất để cải tiến và nâng cao hiệu quả hoạt động.

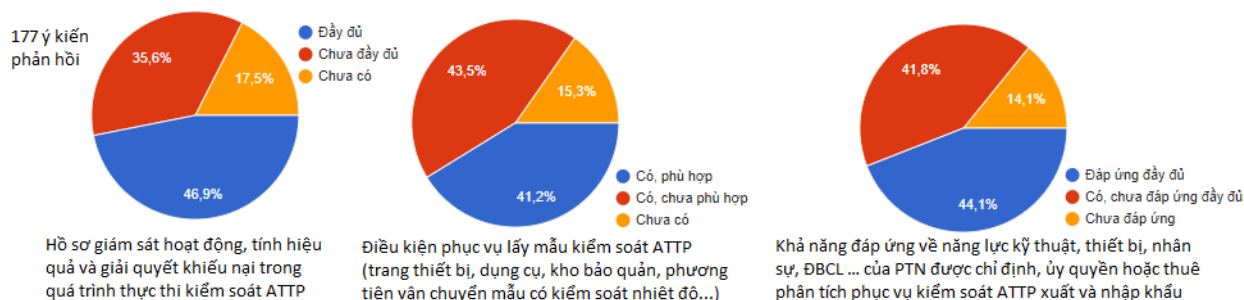
Các CQTQ nhận thức được vấn đề này nhưng với những điều kiện khách quan, phân công nhiệm vụ theo hướng đa ngành trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát ATTP, chưa có những quy định thống nhất mang tính liên ngành về chuẩn mực áp dụng cho quản lý hệ thống đối với việc thực hiện công tác kiểm



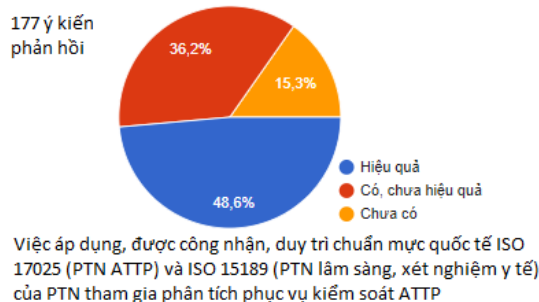
tra, kiểm soát ATTP nên nhiều ý kiến cho rằng mặc dù các CQTQ đều rất quan tâm đến chất lượng hoạt động nhưng hiệu quả của nhiệm vụ này thực sự chưa cao, đặc biệt công tác quản lý chất lượng hệ thống và tính chất liên tục cải tiến hoạt động để thường xuyên nâng cao hiệu quả.



Quá trình thực thi chương trình kiểm soát ATTP cần có sự giám sát, đặc biệt là việc xem xét xử lý những khiếu nại, khiếu kiện do các bên liên quan đưa ra. Hoạt động giám sát này còn bao gồm việc CQTQ có trách nhiệm đánh giá định kỳ hoặc khi cần thiết đối với mức độ đáp ứng về năng lực (kỹ thuật, thiết bị, nhân sự, hệ thống đảm bảo chất lượng thử nghiệm, v.v...) của cơ sở thử nghiệm được chỉ định, được ủy quyền hoặc được thuê phân tích so với yêu cầu kiểm soát ATTP xuất và nhập khẩu, kể cả các điều kiện phục vụ lấy mẫu kiểm soát ATTP bao gồm trang thiết bị phù hợp như dụng cụ, kho bảo quản, phương tiện vận chuyển mẫu có kiểm soát nhiệt độ, v.v... Cần có bằng chứng thuyết phục về hoạt động giám sát, thể hiện thông qua hệ thống hồ sơ ghi chép một cách đầy đủ và khoa học, nhưng nhiều ý kiến phản hồi cho thấy công tác giám sát chưa có bằng chứng cho thấy đã được triển khai tốt trong toàn bộ hệ thống.



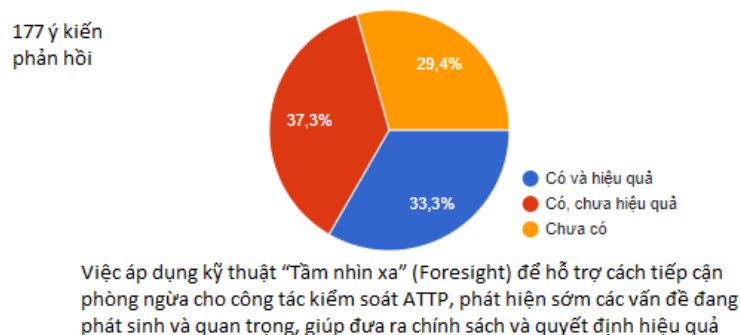
Quy định pháp luật về ATTP yêu cầu các phòng thử nghiệm được chỉ định, ủy quyền hoặc được thuê mượn phân tích để phục vụ cho chương trình kiểm tra, kiểm soát ATTP phải áp dụng các chuẩn mực quốc tế hoặc tương đương về đảm bảo chất lượng hoạt động thử nghiệm về ATTP (như ISO 17025) hoặc hoạt động thử nghiệm lâm sàng phục vụ các xét nghiệm y tế (ISO 15189). Các PTN này khi phục vụ hoạt động thuộc hệ thống kiểm soát ATTP cần thực sự có đầy đủ năng lực và khả năng linh hoạt có thể thích ứng với sự thay đổi chỉ tiêu phân tích và/hoặc đáp ứng đầy đủ sự gia tăng nhu cầu kiểm nghiệm khi xảy ra sự cố khẩn cấp về ATTP, ngộ độc thực phẩm, bùng phát dịch bệnh do thực phẩm. Hệ thống quản lý chất lượng cần có bằng chứng trên hồ sơ ghi chép về chất lượng và sự cải tiến liên tục để phát triển.



Nói chung, quản lý, đảm bảo chất lượng của hoạt động kiểm tra kiểm soát ATTP bao gồm hệ thống quản lý chất lượng của hoạt động này và vấn đề đảm bảo chất lượng của hoạt động phục vụ như hoạt động của phòng thử nghiệm được chỉ định, ủy quyền hoặc thuê mướn và các hoạt động hỗ trợ khác như dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, hiệu chuẩn trang thiết bị dụng cụ phương tiện phục vụ, kể cả các dịch vụ phục vụ cho lấy mẫu, bảo quản chuyển mẫu v.v... Tất cả hoạt động đảm bảo chất lượng cần có hệ thống hồ sơ ghi chép được lưu trữ đầy đủ để định kỳ soát xét, tự đánh giá và có biện pháp cải tiến liên tục để hoạt động của hệ thống kiểm tra kiểm soát ATTP luôn phát triển và có hiệu quả.

Hoạt động kiểm soát ATTP hướng đến mục tiêu tiếp cận các biện pháp phòng ngừa hữu hiệu đối với các mối nguy ATTP có nguy cơ cao, phát hiện sớm các vấn đề đang phát sinh và quan trọng, giúp đề ra chính sách cũng như quyết định hiệu quả để thực hiện. Trong công cụ FCSA đề cập đến việc áp dụng cách tiếp cận theo phương pháp “Tầm nhìn xa” (foresight) để hỗ trợ cho mục tiêu này. Tầm nhìn xa là một cách tiếp cận hệ thống, có sự tham gia của các bên và có tính đa ngành giúp tìm hiểu tương lai trung hạn và dài hạn cũng như các động lực thay đổi. Đây vừa là quá trình, vừa là cách tiếp cận cần đến tư duy rộng và đưa ra nhiều kịch bản hoặc ý tưởng. Các kịch bản và ý tưởng này có thể được phát triển dần và trở thành căn cứ để xem xét xây dựng chính sách cũng như thực hiện hành động liên quan. Tầm nhìn xa cung cấp không gian cho các bên liên quan đến kiểm soát ATTP trên chuỗi cung ứng và các chuyên gia nhằm xây dựng kiến thức có thể dự đoán trước với sự tham gia của các bên. Tầm nhìn xa được sử dụng để xác định nhiều kịch bản trong tương lai và tìm kiếm những thay đổi trong tương lai có tính chất định lượng và định tính, bằng cách dự đoán và phân tích các bước phát triển và thách thức có thể xảy ra.

Đây là một cách tiếp cận mà đa phần các ý kiến phản hồi cho là chưa được thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa hiệu quả.



### 3.3 Phản hồi góp ý cải thiện, nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát thực phẩm

Ngoài các ý kiến phản hồi tự đánh giá, ghi nhận các khía cạnh khác nhau của hệ thống kiểm soát và sự thực thi chương trình kiểm tra, kiểm soát ATTP theo các nhóm năng lực dựa trên công cụ FCSA của FAO/WHO, các CQTQ đã có nhiều ý kiến góp ý với nội dung rất đa dạng, có liên quan đến hệ thống văn bản pháp quy, thẩm quyền, các biện pháp đề xuất nhằm cải thiện và nâng cao năng lực hoạt động của CQTQ, những đề nghị liên quan đến công tác đào tạo, truyền thông, v.v... Các ý kiến đề xuất nói chung nhằm khắc





phục một số hiện trạng còn chưa hoàn chỉnh và phù hợp với những phản ánh đã được ghi nhận từ các câu trả lời ở những phần câu hỏi khảo sát.

Các ý kiến phản hồi được tổng hợp, lược bỏ những phần bị trùng lặp và ghi nhận hầu hết ý kiến với nguyên văn như nội dung văn bản phản hồi được ghi nhận. (*Phụ lục 4*)

## 4 Ý kiến đề xuất

---

Căn cứ kết quả phân tích các dữ liệu tổng hợp, ý kiến góp ý, đề xuất thu thập từ thông tin phản hồi của các CQTQ khi trả lời bảng câu hỏi khảo sát (xem *Phụ lục 3*), tham khảo “Chiến lược toàn cầu về An toàn thực phẩm của Tổ chức Y tế Thế giới”<sup>(8)</sup>, báo cáo năm 2023 của Bộ Y tế<sup>(9)</sup>, nhằm mục tiêu nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát ATTP, nhóm chuyên gia tư vấn có một số ý kiến đề xuất như sau:

### 4.1 Khung chính sách và pháp luật về ATTP

Việt Nam có Luật ATTP (2010) được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2010 với mục tiêu giải quyết các mối quan tâm của quốc gia đang ngày càng gia tăng về các nguy cơ ATTP và các tác động tới thương mại cũng như sức khỏe con người. Luật ATTP là khung pháp lý hiện đại, xây dựng trên cơ sở các tiêu chuẩn và cách tiếp cận quản lý ATTP mang tầm quốc tế. Luật ATTP 2010 phân định rõ trách nhiệm quản lý ATTP cho 3 bộ liên quan: Bộ NN và PTNT, Bộ Y tế và Bộ Công thương cũng như vai trò trách nhiệm của các cấp chính quyền trong phối hợp thực hiện kiểm soát ATTP. Chế độ kiểm soát ATTP đã được thiết kế theo phân công chuyên ngành, mỗi Bộ được phân công quản lý đảm bảo ATTP cho một số sản phẩm cụ thể trong toàn bộ chuỗi thực phẩm, bao gồm từ khâu sản xuất, sơ chế, chế biến, lưu trữ, xuất nhập khẩu cho đến khâu phân phối bán buôn bán lẻ thuộc ngành quản lý.

Luật ATTP cũng được diễn dịch để thực hiện bằng một hệ thống các văn bản dưới Luật bao gồm nhiều nghị định của Chính phủ, thông tư hướng dẫn của các Bộ có liên quan hoặc thông tư liên Bộ như: Nghị định 15/2018/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ATTP, Nghị định 115/2018/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP; các Thông tư (Thông tư 31/2023/TT-BYT; Thông tư 29/2023/TT-BYT; Thông tư 32/2022/TT-BNNPTNT; Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư 23/2018/TT-BYT; Thông tư liên tịch 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT), v.v... Hệ thống văn bản pháp quy về ATTP đề cập khá đầy đủ về phân công, phân quyền, trách nhiệm, cơ chế điều phối giữa các CQTQ từ cấp trung ương đến các địa phương theo ngành dọc, kèm theo các quy định về chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện để đảm bảo việc thực thi đúng quy định. Tuy nhiên, có những sự cố ATTP xảy ra, vai trò điều phối CQTQ chủ trì và sự phối hợp với các CQTQ khác chưa thực sự kịp thời và hiệu quả chưa cao. Vấn đề thực hiện giám sát đối với CQTQ trên thực tế chưa đáp ứng yêu cầu của hệ thống quy định, đặc biệt là yêu cầu xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng đối với công tác kiểm soát ATTP và công tác tự giám sát, tự đánh giá chất lượng công tác kiểm soát ATTP.

Luật ATTP và Nghị định hướng dẫn có quy định tất cả các loại thực phẩm, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến, dụng cụ bao gói chứa đựng thực phẩm đều bắt buộc phải kiểm tra ATTP trước khi nhập khẩu theo danh mục do các Bộ quản lý chuyên ngành quy định<sup>(10)</sup> (trừ một số trường hợp miễn trừ theo quy định). Đối với các thực phẩm không trong danh mục quy định kiểm tra nhà nước về ATTP trước khi thông quan thì các Bộ chuyên ngành có trách nhiệm tăng cường kiểm tra khi bán buôn và lưu thông trong nước sau khi được thông quan. Thực tế, việc kiểm soát hàng hóa thực phẩm sau khi nhập khẩu hiện đang còn lỏng lẻo và công tác kiểm soát ATTP đối với hàng hóa nhập khẩu, nhất là kiểm soát một số tác nhân tham gia vào

---

<sup>(8)</sup> WHO global strategy for food safety 2022–2030: towards stronger food safety systems and global cooperation, ISBN 978-92-4-005768-5

<sup>(9)</sup> Báo cáo số 1357/BC-BYT, ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Bộ Y tế.

<sup>(10)</sup> Thông tư 11/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/09/2021 của Bộ NN và PTNT; Thông tư 28/2021/TT-BYT ngày 20/12/2021 của Bộ Y tế; quyết định 1182/QĐ-BCT ngày 06/04/2021 của Bộ Công thương.

chuỗi cung ứng thực phẩm như các loại vật tư, nguyên liệu, hóa chất phục vụ sản xuất thực phẩm tại các cửa khẩu đường bộ vẫn còn chưa hiệu quả và có thể tiềm ẩn những nguy cơ cao về ATTP.

Chính sách và hệ thống pháp luật về ATTP quy định rõ trách nhiệm của người tham gia SXKD thực phẩm và chế tài xử phạt người vi phạm. Tuy nhiên, hệ thống quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn tham chiếu cụ thể, phù hợp với chuẩn mực quốc tế (ví dụ: tiêu chuẩn CODEX, TCVN) chưa đầy đủ để người các nhân tố liên quan trên chuỗi cung ứng thực phẩm có thể áp dụng và CQTQ có căn cứ pháp lý giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện và xử lý vi phạm khi xảy ra sự cố ATTP trên chuỗi cung ứng thực phẩm nên hiệu quả kiểm soát vẫn chưa được như mong đợi. Xử lý sự cố ATTP là một nội dung vô cùng quan trọng, được xác định trong hệ thống văn bản pháp quy về ATTP. Tuy nhiên, đến nay chỉ có hệ thống các CQTQ thuộc ngành Y tế đang thực hiện một số quy định<sup>(11)</sup> liên quan đến điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm nhưng việc thực hiện chưa đồng bộ trong tất cả các chuỗi cung ứng thực phẩm vì vấn đề kiểm soát ATTP vẫn được phân công theo ngành.

Từ năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chiến lược ATTP trong 10 năm và tầm nhìn đến năm 2030<sup>(12)</sup>, trong đó có nhiều mục tiêu quan trọng như nâng cao kiến thức và thực hành về an toàn thực phẩm cho các nhóm đối tượng (Năm 2020 cần đạt mức 95% người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, 100% người quản lý, 80% người tiêu dùng có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm). Đến năm 2030, công tác an toàn thực phẩm được quản lý một cách chủ động, có hiệu quả dựa trên nguyên tắc phân tích nguy cơ, xây dựng chương trình kiểm soát ATTP dựa theo các bằng chứng và thực hiện kiểm soát theo chuỗi; 100% người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người quản lý và người tiêu dùng có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm; 100% cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm đạt điều kiện an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, tiến trình và kết quả thực hiện theo các giai đoạn chưa như mong đợi, trong đó đặc biệt có mục tiêu đến năm 2030 quản lý ATTP dựa trên bằng chứng, một sự kết hợp giám sát dựa theo sự kiện (EBS) và giám sát dựa theo chỉ báo (IBS), và mục tiêu đưa nội dung giáo dục ATTP vào các cấp học phổ thông chưa được triển khai hiệu quả.

Phân tích kết quả khảo sát, ý kiến đề xuất về khung chính sách và pháp luật ATTP như sau:

1. Luật ATTP nên được rà soát theo hướng xem xét tăng cường hiệu lực và phân công một cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP, có đủ thẩm quyền thực thi hệ thống kiểm soát ATTP thống nhất theo chính sách và khung pháp lý chung, có khả năng nhanh chóng đề xuất những cập nhật về hoạt động kiểm soát ATTP phù hợp với thông lệ và tiến bộ của thế giới.

2. Soát xét các Nghị định liên quan đến việc thi hành Luật ATTP như Nghị định 15/2018/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật ATTP, Nghị định 115/2018/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP trong đó quy định cụ thể về vai trò, trách nhiệm và hành vi vi phạm ATTP bị xử phạt đối với người tiêu dùng và các nhân tố khác trong chuỗi cung ứng thực phẩm trong việc tham gia, phối hợp, hỗ trợ công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát ATTP và xử lý sự cố, ngộ độc thực phẩm và bệnh do thực phẩm gây ra.

3. Quy định pháp luật liên quan đến việc ràng buộc trách nhiệm của CQTQ và nhân viên thực hiện nhiệm vụ về ATTP khi thực thi công vụ; quy định cụ thể đối với quyền khiếu nại và cơ chế bảo vệ quyền lợi chính đáng của mọi đối tượng có liên quan trong chương trình kiểm tra, kiểm soát ATTP nhằm đảm bảo tính minh bạch và ngăn chặn hành vi lạm dụng quyền hạn của nhân viên CQTQ.

---

<sup>(11)</sup> Quyết định 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 của Bộ Y tế ban hành “Quy chế điều tra ngộ độc thực phẩm”; Thông tư số 14/2011/TT-BYT ngày 01/4/2011 của Bộ Y tế “Hướng dẫn chung về lấy mẫu thực phẩm phục vụ thanh tra, kiểm tra chất lượng, vệ sinh ATTP”.

<sup>(12)</sup> Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 04/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt chiến lược quốc gia An toàn thực phẩm giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030”

4. Rà soát Quyết định 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 của Bộ Y tế ban hành “Quy chế điều tra ngộ độc thực phẩm”, bổ sung nội dung và nâng cấp thành dạng văn bản quy phạm pháp luật có thứ bậc pháp lý cao hơn, có thể là Thông tư ban hành “Quy trình ứng phó sự cố an toàn thực phẩm và dịch bệnh do thực phẩm” của Việt Nam (VFIORP). Quy trình này cần nêu đầy đủ các bước thực hiện xử lý sự cố ATTP, ngộ độc thực phẩm, bệnh do thực phẩm từ thời điểm bắt đầu phát hiện khả năng xảy ra sự cố ATTP, hoặc nhận được thông tin liên quan, điều tra, lấy mẫu, phân tích nguyên nhân, xử lý nguyên nhân, khắc phục hậu quả, giám sát, kiểm tra sau khắc phục, báo cáo, v.v... cho đến khi cơ quan có thẩm quyền tuyên bố kết thúc vụ việc và được thống nhất áp dụng trong tất cả các ngành.

5. Bổ sung quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến việc thực hiện các hoạt động kiểm tra, kiểm soát thực phẩm nhằm đạt được mục tiêu chung đã đưa ra trong chính sách về chất lượng và an toàn thực phẩm. Quy định kỹ thuật liên quan đến ngành sản xuất và trách nhiệm, nghĩa vụ của người sản xuất, dịch vụ có liên phải tuân thủ và thực thi các tiêu chuẩn thực phẩm cụ thể để đảm bảo ATTP, phòng ngừa và xử lý sự cố, ngộ độc thực phẩm, phù hợp với chuẩn mực quốc tế (ví dụ: tiêu chuẩn CODEX, TCVN, ISO) được CQTQ chọn lựa và yêu cầu bắt buộc áp dụng trong phạm vi thẩm quyền và khung pháp lý, đồng thời là căn cứ pháp lý cho hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm soát ATTP đánh giá việc thực hiện và xử lý các vi phạm.

6. Xây dựng Nghị định chính phủ quy định về việc thiết kế nội dung, bài giảng về ATTP đưa vào chương trình đào tạo, giáo dục ở tất cả các bậc học để trang bị kiến thức về ATTP, nâng cao nhận thức và biết cách thực hành để đảm bảo ATTP ở tất cả các công đoạn theo đúng nguyên tắc “ATTP từ trang trại tới bàn ăn”, kể cả việc nhận biết, chế biến và sử dụng đúng cách các loài động thực vật dùng làm thực phẩm để phòng ngừa, hạn chế sự cố ATTP, ngộ độc thực phẩm và bệnh do thực phẩm.

7. Soát xét, sửa đổi bổ sung văn bản quy phạm pháp luật kiểm soát thực phẩm nhập khẩu theo hướng thống nhất công tác kiểm soát ATTP, kể cả các yếu tố tham gia vào chuỗi cung ứng thực phẩm (như vật tư phục vụ sản xuất chế biến thực phẩm) và bổ sung quy định kiểm soát chặt chẽ xuất xứ các loại thực phẩm và vật tư phục vụ sản xuất cũng như điều kiện đối với nhà cung cấp trước khi được phép nhập khẩu thực phẩm vào Việt Nam.

## 4.2 Đảm bảo chất lượng hoạt động kiểm tra kiểm soát ATTP

Các văn bản pháp quy định về ATTP của Việt Nam là cơ sở thành lập CQTQ về ATTP ở tất cả các ngành có sự phân công và phân cấp kiểm soát theo loại sản phẩm, lĩnh vực cung ứng (nhập khẩu, lưu thông, xuất khẩu), loại hình/quy mô sản xuất kinh doanh. Do tính chất đa dạng, đa ngành nên mặc dù có quy định cơ quan chủ trì và phối hợp nhưng sự điều phối hoạt động trong kiểm soát ATTP giữa các CQTQ thuộc các ngành khác nhau còn chưa hiệu quả.

Các CQTQ có quy mô, phạm vi hoạt động khác nhau, năng lực hoạt động và nguồn lực cũng khác biệt và nhiều nơi chưa đáp ứng được yêu cầu hoạt động. Nguồn lực tài chính, điều kiện làm việc, cơ sở vật chất, trang bị, bảo trì bảo dưỡng các loại dụng cụ thiết bị chuyên phục vụ cho kiểm soát ATTP, ngân sách thường xuyên cho hoạt động này cũng chưa được phân bổ tương thích theo quy mô hoạt động và thực sự có ảnh hưởng đến chất lượng công tác kiểm tra, kiểm soát ATTP.

Nhân lực phục vụ kiểm tra kiểm soát ATTP còn thiếu và nhiều nơi chất lượng nhân sự chưa cao, ngân sách cho đào tạo nhân viên mới, cập nhật kiến thức và đào tạo lại để nâng cao trình độ, phát triển nghề nghiệp của nhân viên cũng còn hạn chế. Việc đánh giá chất lượng nhân viên, cơ chế trả lương, chính sách bảo vệ nhân viên để chống lại sự lạm quyền của cấp trên, khuyến khích nhân viên tham gia hiệp hội nghề nghiệp, trao đổi chuyên môn cũng chưa hiệu quả. Điều kiện hỗ trợ cho nhân viên có thể tham gia, làm việc với các tổ chức chuyên ngành liên quan đến ATTP, hội nghị khoa học về ATTP cấp quốc gia và quốc tế, sử dụng công nghệ hiện đại và quyền hạn phù hợp để có cơ hội tiếp cận và trao đổi thông tin nhanh chóng với các cấp, các cơ quan có liên quan, nhìn chung còn hạn chế.

Công tác kiểm soát ATTP đang được các CQTQ thực hiện theo những quy định ngành hoặc theo kế hoạch của cấp trên. Ngay cả các chương trình kiểm soát ATTP từ khâu sản xuất ban đầu có quy mô quốc gia cũng vẫn phân công theo quản lý chuyên ngành và tập trung phục vụ cho thực phẩm xuất khẩu nhiều hơn là thực phẩm tiêu thụ trong nước (như chương trình kiểm soát dư lượng chất độc hại trong thủy sản nuôi, kiểm soát vùng nuôi nhuyển thể 2 mảnh vỏ...). CQTQ chưa áp dụng các tiêu chuẩn thống nhất khi thiết lập chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, kiểm soát ATTP nên việc tự đánh giá chất lượng và cải tiến hoạt động chưa hiệu quả.

Phân tích kết quả khảo sát, ý kiến đề xuất về đảm bảo chất lượng hoạt động kiểm tra, kiểm soát ATTP như sau:

1. Thống nhất về tổ chức một CQTQ về công tác đảm bảo ATTP duy nhất trực thuộc Chính phủ để thống nhất xây dựng và áp dụng một hệ thống kiểm soát ATTP trong phạm vi cả nước. Cơ quan này có thẩm quyền điều phối các CQTQ khác được phân công, phân cấp kiểm soát ATTP.

2. Nhà nước ưu tiên kế hoạch ngân sách cho CQTQ để bổ sung đầy đủ nguồn lực về nhân sự, tài chính, cơ sở vật chất thiết bị, kể cả cơ chế sử dụng các Phòng thử nghiệm ATTP đạt tiêu chuẩn quốc tế nhằm hỗ trợ triển khai công tác kiểm tra, kiểm soát ATTP, xử lý sự cố ATTP, ngộ độc thực phẩm và các vụ bùng phát FBD, bao gồm cả việc lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu về ATTP, thẩm tra hệ thống quản lý ATTP của cơ sở SXKD thực phẩm và cung cấp dữ liệu phục vụ cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu về ATTP thống nhất toàn quốc.

3. CQTQ xây dựng và áp dụng một tiêu chuẩn kỹ thuật thống nhất để quản lý chất lượng hệ thống kiểm tra, kiểm soát, giám sát ATTP, có văn bản quy trình tiêu chuẩn, biện pháp tự thẩm tra, được định kỳ đánh giá bởi bên thứ ba để đảm bảo chất lượng và tính hiệu quả của công tác kiểm tra, kiểm soát ATTP.

4. CQTQ cấp Trung ương xây dựng và quản lý chương trình kiểm tra, kiểm soát, giám sát ATTP quốc gia thống nhất dựa trên phân tích nguy cơ, xây dựng khung phân loại nguy cơ; có đầy đủ thông tin về các mối nguy ATTP cụ thể. Thiết lập, thực hiện và thường xuyên cập nhật hệ thống giám sát dựa trên chỉ báo (IBS), giám sát dựa trên sự kiện (EBS) để giúp CQTQ cấp tỉnh/Thành phố điều phối hoạt động và chương trình phù hợp với đặc điểm địa phương, góp phần cung cấp bổ sung, cập nhật thông tin để liên tục phân tích xu hướng, đánh giá nguy cơ và cải thiện hệ thống kiểm soát thực phẩm cả nước.

5. Đối với trường hợp khẩn cấp về ATTP, CQTQ các cấp thực hiện điều phối cơ quan kiểm soát bệnh tật cùng cấp thực hiện đánh giá nhanh nguy cơ đối liên quan đến sự cố ATTP, bệnh do thực phẩm, phân tích dịch tễ, xác định nguyên nhân gốc của sự cố để CQTQ xử lý phù hợp, xác định biện pháp kiểm soát cụ thể để phòng ngừa tái diễn trong tương lai.

6. CQTQ có kế hoạch đào tạo trên cơ sở năng lực, phù hợp tiêu chuẩn chuyên môn, đúng đối tượng và sử dụng nguồn nhân lực đúng theo yêu cầu công việc, tạo điều kiện khuyến khích nhân viên phát huy năng lực, cơ hội tiếp cận các nguồn thông tin khoa học, tham gia các Hiệp hội nghề nghiệp, trao đổi chuyên môn qua các hoạt động hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. CQTQ thường xuyên đánh giá chất lượng nhân viên theo chuẩn mực đạo đức, dựa trên kết quả chuyên môn để có chế độ đãi ngộ tương thích và đào thải thay thế nhân viên không phù hợp với công việc về kiểm tra, kiểm soát ATTP.

7. CQTQ nghiên cứu, xây dựng công cụ tự đánh giá chất lượng hệ thống kiểm tra, kiểm soát, giám sát ATTP theo tiêu chuẩn, có thể tham khảo công cụ “Đánh giá hệ thống kiểm soát thực phẩm” (FCSA) của FAO/WHO để thường xuyên tự thẩm tra và có biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng công tác ATTP.

### 4.3 Sự phối hợp và tương tác các bên liên quan

CQTQ thực hiện kiểm tra, kiểm soát ATTP trên chuỗi cung ứng thực phẩm với nhiều nhân tố tham gia nên có quan hệ phối hợp tương tác không chỉ giữa các CQTQ với nhau theo phân công phân cấp mà có sự tương tác với các bên liên quan khác. Qua đánh giá của các CQTQ tham gia khảo sát, việc thực hiện cơ chế liên lạc chính thức giữa các bên trên chuỗi thực phẩm vẫn còn chưa hoàn hảo và có lúc cũng chưa



đầy đủ. Mặc dầu sử dụng các kênh thông tin, truyền thông nhưng CQTQ chưa có kế hoạch phân tích nhu cầu phát triển năng lực của cơ sở SXKD thực phẩm để có những chiến dịch truyền thông, đào tạo, tập huấn để nâng cao khả năng cơ sở SXKD thực phẩm có thể tự kiểm soát, giám sát ATTP một cách hữu hiệu, nhất là các cơ sở SXKD nhỏ lẻ, bán buôn, nhà hàng, siêu thị... và ngay cả một số không nhỏ những người tiêu dùng cũng chưa đủ năng lực cần thiết để tự bảo vệ mình trước các nguy cơ ATTP đã biết.

Hiệp hội những nhà SXKD thực phẩm và Hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng thực phẩm cũng chưa thể hiện vai trò quan trọng của mình trong truyền thông về ATTP và tham gia tương tác với CQTQ để cùng thực hiện công tác kiểm soát, giám sát ATTP và phát huy tính minh bạch, song phẳng trong sản xuất, tiêu dùng thực phẩm trong nước cũng như quốc tế.

Phân tích kết quả khảo sát, ý kiến đề xuất về phối hợp và tương tác với các bên liên quan như sau:

1. CQTQ xây dựng và thực hiện kế hoạch hàng năm hoặc định kỳ theo tần suất thích hợp để khảo sát, phân tích nhu cầu tăng cường năng lực cơ sở SXKD thực phẩm, xác định chiến lược nâng cao nhận thức, thiết kế và triển khai các chương trình giáo dục và đào tạo có mục tiêu về ATTP theo hướng phân tích, đánh giá nguy cơ để tất cả các cơ sở SXKD đều được cung cấp thông tin, cập nhật kiến thức về nguy cơ ATTP và biện pháp kiểm soát, cũng như các tiêu chuẩn thực phẩm và ATTP phù hợp với sản phẩm, hiểu cách đảm bảo ATTP để tăng cường năng lực tiếp cận thị trường phù hợp với quy định pháp lý có liên quan.

2. CQTQ tăng cường mối tương tác hiệu quả với các tổ chức học thuật và những cơ quan tương ứng cũng như các tổ chức quốc tế về ATTP để tranh thủ sự hỗ trợ về đào tạo, nâng cao năng lực, cập nhật các thông tin, bằng chứng về các mối nguy ATTP hiện có và tiềm ẩn để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hệ thống kiểm tra, kiểm soát, giám sát ATTP trong cả nước.

3. CQTQ giữ mối tương tác tốt với các cơ quan truyền thông, vận hành hiệu quả một hệ thống truyền thông thông tin về ATTP bằng phương tiện, công cụ phù hợp; thường xuyên cung cấp thông tin được cập nhật về an toàn và chất lượng thực phẩm đến với các nhân tố trong chuỗi cung ứng thực phẩm từ người sản xuất, kinh doanh, cung cấp vật tư, phụ liệu đến người tiêu dùng để họ biết cách tự kiểm soát ATTP, phòng ngừa và nhanh chóng phản hồi cho CQTQ khi có bất kỳ dấu hiệu hoặc sự cố mất ATTP, ngộ độc thực phẩm hay bệnh do thực phẩm. Hệ thống truyền thông này hỗ trợ CQTQ cung cấp thông tin nhanh nhất đến các cơ sở SXKD thuộc nhóm nguy cơ cao về ATTP và là nguồn cung cấp dữ liệu quan trọng cho hệ thống Giám sát dựa theo sự kiện (EBS).

4. Các nhân tố trong chuỗi cung ứng thực phẩm tham gia những Hiệp hội có liên quan và có những hoạt động tạo sức thúc đẩy mạnh mẽ để những Hiệp hội này phát huy vai trò tích cực của mình trong mối tương tác với các CQTQ để cùng tham gia hiệu quả vào chương trình kiểm tra, kiểm soát, giám sát ATTP.

5. Cơ sở SXKD xây dựng, áp dụng có hiệu quả các tiêu chuẩn kỹ thuật để nâng cao hiệu quả kiểm soát ATTP trong hoạt động của mình như các hướng dẫn của Codex về áp dụng HACCP, tiêu chuẩn ISO 22000, tiêu chuẩn VietGAP, các quy phạm thực hành tốt và quy phạm vệ sinh trong cung ứng nguyên liệu, sơ chế bán thành phẩm, pha chế, sử dụng phụ gia thực phẩm v.v... và nên được đánh giá, công nhận bởi bên thứ ba. CQTQ giữ vai trò thẩm tra, đánh giá theo tần suất phù hợp để cập nhật, bổ sung, điều chỉnh chiến lược, biện pháp hỗ trợ cơ sở SXKD nâng cao năng lực kiểm soát, giám sát ATTP.

6. Các Phòng thử nghiệm tham gia chương trình kiểm tra, kiểm soát, giám sát ATTP xây dựng, áp dụng và được công nhận tiêu chuẩn phù hợp về đảm bảo chất lượng PTN thực phẩm hoặc xét nghiệm Y tế, thường xuyên tự đánh giá chất lượng hoạt động, đảm bảo các yêu cầu của một PTN được ủy quyền hoặc được chỉ định bởi CQTQ. Các PTN tham gia hệ thống mạng lưới các PTN quốc gia và giữ mối liên lạc, tương tác với các PTN được công nhận ở cấp quốc tế để giữ vai trò là nguồn quan trọng trong việc cung cấp dữ liệu có tính khách quan, chính xác về mối nguy ATTP, giúp CQTQ cập nhật và củng cố hệ thống giám sát dựa theo chỉ báo (IBS).



7. CQTQ tham gia xây dựng nội dung, giáo trình, bài giảng, giới thiệu những trường hợp điển hình liên quan đến kiểm soát, kiểm tra, xử lý sự cố ATTP, bệnh do thực phẩm... để hỗ trợ ngành giáo dục tăng cường truyền thông và phổ biến kiến thức, pháp luật về ATTP đến với các cấp học và lan tỏa trong cộng đồng.

#### 4.4 Cải thiện và nâng cao năng lực hệ thống kiểm tra, kiểm soát ATTP

Các yếu tố thể hiện năng lực hệ thống kiểm tra, kiểm soát ATTP, qua phản hồi khảo sát có thể thấy đây là những vấn đề cần nghiên cứu một cách khoa học, thường xuyên được soát xét, cập nhật và có biện pháp cải thiện, có thể đề xuất như sau:

1. Hệ thống kiểm tra, kiểm soát, giám sát ATTP cần dựa trên các cơ sở bằng chứng khoa học, dựa trên nguyên tắc phân tích đánh giá nguy cơ, quản lý nguy cơ và truyền thông nguy cơ theo hướng dẫn có liên quan của FAO, WHO, CODEX dựa trên một quy trình đánh giá khoa học về mối nguy đã nhận biết hoặc tiềm ẩn đối với sức khỏe do sự phơi nhiễm của con người đối với các mối nguy thông qua con đường thực phẩm. Do đó, một kế hoạch kiểm soát cấp quốc gia chung và toàn diện là rất cần thiết.

2. Để hỗ trợ hệ thống giám sát thông qua chỉ báo (IBS), các cơ quan điều tra dịch tễ, phân tích đánh giá nguy cơ, những PTN đạt chuẩn quốc tế cần thường xuyên kiểm soát chất lượng công việc và kết quả, số liệu thu thập từ công việc chuyên môn, với hệ thống cơ sở dữ liệu được CQTQ xây dựng và quản lý thống nhất, cấp quyền truy cập cho các CQTQ liên quan và những nhân viên có trách nhiệm. Xây dựng văn hóa ra quyết định dựa trên bằng chứng khách quan, khoa học mà người có thẩm quyền ra quyết định phải thu thập và sử dụng dữ liệu về ATTP một cách hữu hiệu, có đủ năng lực và khả năng lãnh đạo tốt. Hệ thống cơ sở dữ liệu nhằm thu thập số liệu từ các cấp quản lý ATTP phải thực sự tiên tiến, nhanh nhạy và chính xác thông qua việc được ngân sách đầu tư vào công nghệ thông tin và thiết bị hỗ trợ.

3. CQTQ khuyến khích nhân viên trao đổi thông tin nghiệp vụ kỹ thuật trong giám sát, kiểm soát, thanh tra, kiểm tra ATTP, có kế hoạch hợp đồng với các Trung tâm Đào tạo, Viện nghiên cứu, Các cơ sở kiểm chứng... để huấn luyện, cung cấp kiến thức, trao đổi kinh nghiệm nâng cao kỹ năng đánh giá mối nguy, phân tích nguy cơ, cập nhật thông tin về các nguy cơ, kỹ thuật nghiệp vụ, trao đổi dữ liệu và kỹ thuật quản lý trên cơ sở phòng ngừa, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động xử lý sự cố, trường hợp khẩn cấp về ATTP.

4. CQTQ nâng cao năng lực truyền thông nguy cơ, tiếp cận được tất cả các bên liên quan trong chuỗi cung ứng thực phẩm, xây dựng hệ thống thu thập thông tin đa dạng qua nhiều kênh khác nhau để ghi nhận mọi dấu hiệu, tin tức kể cả tin đồn hoặc những thông tin mang tính dự báo, dự đoán về ATTP để cung cấp đầu vào cho hệ thống giám sát dựa trên sự kiện (EBS) xây dựng theo các hướng dẫn của FAO/WHO.

5. Thiết kế, xây dựng các mô hình thí điểm về hệ thống kiểm tra kiểm soát, giám sát ATTP thống nhất một đầu mối quản lý nhà nước, sử dụng những cơ sở SXKD thực phẩm có tính mô hình thí điểm hoặc điển hình thành công trong tự kiểm soát ATTP để truyền thông, tập huấn, tham quan và nhân rộng, góp phần cải thiện và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát thực phẩm quốc gia.

6. CQTQ và các bên có liên quan, các Hiệp hội nghề nghiệp tăng cường trao đổi kinh nghiệm, chủ động tham gia các hội thảo, triển lãm kỹ thuật, hoạt động quốc tế về tiêu chuẩn hóa, kiểm tra, đánh giá, thử nghiệm về ATTP với các tổ chức tương ứng và tiếp cận sớm với những chuẩn mực, cách tiếp cận khoa học và mới nhất trong nghiệp vụ kiểm tra, kiểm soát ATTP.

7. Hệ thống kiểm soát ATTP hiện có của Việt Nam cơ bản có nhiều nội dung đã tương thích, tương đương với các hướng dẫn, tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt là Nguyên tắc và hướng dẫn cho hệ thống kiểm soát thực phẩm quốc gia CODEX (CAC/GL 82-2013) và Hướng dẫn Tăng cường Hệ thống Kiểm soát Thực phẩm Quốc gia của FAO/WHO. Do đó, để nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát ATTP quốc gia, CQTQ xây dựng và áp dụng quy chuẩn, quy định hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật về quản lý hệ thống, áp dụng quy trình và biểu mẫu đánh giá, tự đánh giá chất lượng hoạt động của chương trình kiểm tra, kiểm soát ATTP dựa trên công cụ khoa học như FCSA của FAO/WHO. Việc thực hiện đánh giá nên xây dựng theo biểu mẫu phù hợp với thực tế của Việt Nam, đảm bảo tính tương đương với công cụ FAO/WHO FCSA, được áp dụng thống nhất



trong công tác thẩm tra và tự đánh giá. Việc cải thiện hệ thống thực thi kiểm soát ATTP như thế sẽ phù hợp với Chiến lược toàn cầu về ATTP giai đoạn 2022-2030 của Tổ chức Y tế thế giới và tầm nhìn đến năm 2030 về ATTP quốc gia được phê duyệt tại Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 04/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ.



## 5 Phụ lục

### 5.1 Phụ lục 1. Tình hình ngộ độc thực phẩm

**Bảng 1. Tình hình ngộ độc thực phẩm tại Hàn Quốc (2013-2022)**

Năm	Tiêu chí theo dõi	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tổng cộng
2013	Số ca xuất hiện	22	4	19	24	20	24	26	15	18	15	21	27	235
	Số lượng bệnh nhân	286	50	327	896	252	677	611	405	450	141	492	371	4958
2014	Số ca xuất hiện	9	14	24	22	35	36	33	43	27	24	32	50	349
	Số lượng bệnh nhân	56	80	1063	371	1548	955	484	1429	261	257	342	620	7466
2015	Số ca xuất hiện	36	13	23	30	27	31	34	31	28	34	24	19	330
	Số lượng bệnh nhân	322	149	412	402	493	752	527	1729	400	299	221	275	5981
2016	Số ca xuất hiện	14	9	25	39	43	36	22	62	39	41	37	32	399
	Số lượng bệnh nhân	98	51	358	554	673	761	280	2388	425	731	446	397	7162
2017	Số ca xuất hiện	20	18	16	26	40	44	46	46	31	16	17	16	336
	Số lượng bệnh nhân	121	89	146	409	605	916	429	1555	745	332	179	123	5649
2018	Số ca xuất hiện	17	15	37	25	31	28	35	36	56	45	23	15	363
	Số lượng bệnh nhân	125	194	816	444	853	732	630	1536	5239	608	185	142	11504
2019	Số ca xuất hiện	21	16	19	31	35	37	28	25	22	16	18	18	286
	Số lượng bệnh nhân	216	109	504	543	438	532	550	333	136	227	236	251	4075
2020	Số ca xuất hiện	28	9	3	8	5	19	30	18	16	11	10	7	164
	Số lượng bệnh nhân	217	75	117	112	19	488	688	160	157	171	252	78	2534
2021	Số ca xuất hiện	9	11	21	24	18	24	28	46	23	11	14	16	245
	Số lượng bệnh nhân	292	298	401	417	194	343	1293	878	335	222	142	345	5160
2022	Số ca xuất hiện	10	8	13	12	30	42	57	31	29	22	26	31	311
	Số lượng bệnh nhân	139	134	422	148	657	1043	652	538	578	436	312	442	5501
2023	Số ca xuất hiện	32	24	32	26	28	30	40	37	41	27	19	26	362
	Số lượng bệnh nhân	429	266	418	791	715	403	1547	858	1520	706	412	420	8485
<b>TỔNG</b>	Số ca xuất hiện	218	141	232	267	312	351	379	390	330	262	241	257	3380
	Số lượng bệnh nhân	2301	1495	4984	5087	6447	7602	7691	11809	10246	4130	3219	3464	68475

(Nguồn: Food Safety Information Portal, Food Safety Information Institute, MFDS, Korea, 2024)

**Bảng 2. Số vụ ngộ độc thực phẩm, số ca mắc và tử vong tại Việt Nam từ năm 2006 đến 2015**

Năm	Số vụ	Số ca mắc	Tử vong	Số vụ với $\geq 30$ ca mắc/vụ
2006	165	7.135	57	Không có số liệu
2007	247	7.329	55	Không có số liệu
2008	205	7.828	61	Không có số liệu
2009	152	5.212	35	Không có số liệu
2010	175	5.334	51	Không có số liệu
2011	142	4.500	27	Không có số liệu
2012	167	5.508	34	38
2013	163	5.348	28	39
2014	194	5.203	43	40
2015	179	5.552	23	44
<b>TỔNG</b>	<b>1.789</b>	<b>58.949</b>	<b>414</b>	<b>161</b>

(Nguồn: Cục ATTP, 2016)

**Bảng 3. Tình hình ngộ độc thực phẩm tại Việt Nam (2012-2021)**

STT	Năm	Chỉ số		
		Vụ ngộ độc (vụ)	Số nạn nhân (người)	Số tử vong (người)
1	2012	167	5.508	34
2	2013	163	5.348	28
3	2014	194	5.203	43
4	2015	179	5.552	23
5	2016	174	4.554	12
6	2017	148	4.087	24
7	2018	108	3.472	17
8	2019	88	2.235	11

STT	Năm	Chỉ số		
		Vụ ngộ độc (vụ)	Số nạn nhân (người)	Số tử vong (người)
9	2020	139	3.094	30
10	2021	81	1.942	18
<b>Cộng</b>		<b>1.441</b>	<b>40.995</b>	<b>240</b>
<b>Trung bình/năm</b>		<b>144</b>	<b>4.099</b>	<b>24</b>

(Nguồn: Ngộ độc thực phẩm - Tình hình, hệ thống quản lý tại Việt Nam, *Trương Tuyết Mai, 2022*)

**Bảng 4. Số vụ ngộ độc thực phẩm Việt Nam năm 2014 và 2015**

Chỉ số	2014	2015	So sánh (Số lượng/%)
Số vụ	194	179	-15 (-7,7%)
Số ca	5.203	5.552	+349 (+6,7%)
Số ca nhập viện	4.160	5.147	+987 (+23,7%)
Tử vong	43	23	-20 (-46,5%)
Số vụ ≥ 30 ca /vụ	40	44	+4 (+10%)
Số vụ < 30 ca /vụ	154	129	-25 (-16,2%)

(Nguồn: Cục ATTP, 2016)

**Bảng 5. Số vụ ngộ độc thực phẩm Việt Nam năm 2022 và 2023**

Chỉ số	2022	2023	So sánh (Số lượng/%)
Số vụ	45	94	+49 (108,9%)
Số ca	605	1.225	+620 (+102,5%)
Tử vong	21	20	-1 (-4,8%)
Số vụ ≥ 30 ca /vụ	4	10	+6 (+150%)
Số vụ < 30 ca /vụ	41	84	+43 (+104,9%)

(Nguồn: Bộ Y tế, 2023)

**Bảng 6. Số vụ ngộ độc thực phẩm tại Việt Nam giai đoạn từ 2012 đến 2015, phân theo nguyên nhân**

Nguyên nhân	2012	2013	2014	2015	Tổng
Vi sinh vật	76	82	72	67	297
Hoá chất	12	8	4	3	27
Độc tố tự nhiên	43	26	65	63	197
Không rõ	36	47	53	46	182
Tổng	167	163	194	179	703

(Nguồn: Cục ATTP, 2016)

**Bảng 7. Số vụ ngộ độc thực phẩm tại Việt Nam (2022 – 2023), phân theo nguyên nhân**

Nguyên nhân	2022	2023	So sánh (Số lượng/%)
Vi sinh vật	8	27	+19 (+237,5%)
Hoá chất	2	6	+4 (+200%)
Độc tố tự nhiên	16	31	+15 (+93,8%)
Không rõ	19	30	+11 (+57,9%)
Tổng	45	94	+49 (+108,9%)

(Nguồn: Bộ Y tế, 2023)

**Bảng 8. Số vụ ngộ độc thực phẩm ở Việt Nam năm 2014 và 2015, phân theo vùng địa lí**

Vùng địa lí	2014	2015	So sánh (Số lượng/%)
Miền núi phía Bắc	72	56	-16 (-22,2%)
Đồng bằng Sông Hồng	27	22	-5 (-18,5%)
Bắc Trung bộ	16	19	+3 (+18,8%)
Duyên hải miền Trung	27	18	-9 (-33,3%)
Tây nguyên	14	18	+4 (+28,6%)
Đông Nam bộ	14	20	+6 (42,9%)
Đồng bằng Sông Cửu Long	24	26	+2 (+8,3%)
<b>Tổng cộng</b>	<b>194</b>	<b>179</b>	<b>-15 (-7,7%)</b>

(Nguồn: Cục ATTP, 2016)

**Bảng 9. Số vụ ngộ độc thực phẩm tại Việt Nam giai đoạn 2012 đến 2015, phân theo địa điểm**

Địa điểm	2012	2013	2014	2015
Hộ gia đình	95	70	106	85
Bếp ăn tập thể	24	23	41	41
Nhà hàng hay khách sạn	10	12	6	8
Các sự kiện (đám cưới, giỗ)	15	30	16	12
Đường phố	3	12	8	12
Trường học	10	7	7	8
Khác	10	9	10	13
<b>Tổng cộng</b>	<b>167</b>	<b>163</b>	<b>194</b>	<b>179</b>

(Nguồn: Cục ATTP, 2016)

**Bảng 10. Số vụ ngộ độc thực phẩm tại Việt Nam năm 2022 và 2023, phân theo địa điểm**

Vùng địa lí	2022	2023	So sánh (Số lượng/%)
Bếp ăn gia đình	28	56	+28 (100%)
Bếp ăn tập thể	3	8	+5 (166,7%)
Nhà hàng hay khách sạn	2	5	+3 (+150%)
Các sự kiện (đám cưới, giỗ)	3	9	+6 (150%)
Đường phố	1	0	-1 (-100%)
Khác	8	16	+8 (+100%)
<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>94</b>	<b>+49 (+108,9%)</b>

(Nguồn: Bộ Y tế, 2023)

**Bảng 11. Số vụ ngộ độc thực phẩm lớn ( $\geq 30$  người/vụ) và nhỏ ( $<30$  người/vụ) trong năm 2022 và 2023**

Chỉ số	Số vụ ngộ độc thực phẩm lớn ( $\geq 30$ người/vụ)			Số vụ ngộ độc thực phẩm nhỏ ( $<30$ người/vụ)		
	Năm 2022	Năm 2023	So sánh (số vụ/tỷ lệ %)	Năm 2022	Năm 2023	So sánh (số vụ/tỷ lệ %)
Số vụ	4	10	+6 (150%)	41	84	+43 (104,9%)
Số ca mắc	334	569	+235 (70,4%)	271	656	+385 (142,1%)
Số tử vong	0	1	+1 (+100%)	21	19	-2 (-9,5%)

(Nguồn: Bộ Y tế, 2023)

## 5.2 Phụ lục 2. Công cụ “Đánh giá hệ thống kiểm soát thực phẩm (FCSA) của FAO/WHO”

Đối với bất kỳ quốc gia nào, để đảm bảo vấn đề ATTP, Hệ thống kiểm soát thực phẩm luôn đóng vai trò quan trọng, giúp bảo vệ sức khỏe của người tiêu dùng và duy trì sự công bằng trong sản xuất kinh doanh thực phẩm. Đa phần các quốc gia thường áp dụng các nguyên tắc và Hướng dẫn của Codex đối với Hệ thống kiểm soát thực phẩm quốc gia (CAC/GL 82-2013) một cách linh hoạt để phù hợp với điều kiện nước sở tại một cách tốt nhất để thiết kế và thực hiện các biện pháp cụ thể để kiểm soát, kiểm tra ATTP. Tuy nhiên, nhằm đánh giá được hiệu lực của các chương trình kiểm tra, kiểm soát ATTP và xác định tính hiệu quả khi sử dụng các nguồn lực, đảm bảo sự bảo vệ tốt nhất cho sức khỏe cũng như lợi ích kinh tế của người tiêu dùng thì cần thiết có công cụ và biện pháp thích hợp. Để đạt được mục tiêu này, FAO và WHO đã phối hợp thiết kế được công cụ phục vụ cho việc đánh giá hệ thống kiểm soát thực phẩm (FCSA) ( ), nhằm hỗ trợ các nước thành viên đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát thực phẩm của một quốc gia, bao gồm cả việc thực thi các chương trình kiểm tra, kiểm soát ATTP, không phụ thuộc vào mức độ hoàn chỉnh của hệ thống kiểm soát ATTP ở bất kỳ quốc gia nào.

Mục tiêu của công cụ FCSA của FAO/WHO tập trung hàng đầu vào việc phân tích một cách có hệ thống để đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền (CQQTQ) tham gia kiểm tra, kiểm soát thực phẩm, phát hiện những điểm cần bổ sung, cải tiến, nâng cấp để hoạt động đảm bảo ATTP ngày càng hiệu quả hơn, thích ứng kịp thời với sự biến đổi và phát triển của sản xuất kinh doanh thực phẩm trong mối tương quan đa dạng và đa chiều của các nhân tố tham gia vào chuỗi cung ứng thực phẩm. Trong quá trình xây dựng công cụ FCSA, FAO và WHO đã sử dụng cách tiếp cận tham vấn thông qua việc thành lập một Ủy ban rà soát với sự tham gia của các cơ quan thực thi cũng như các đơn vị học thuật quốc tế, khu vực và quốc gia để định kỳ rà soát tiến độ. Việc áp dụng thí điểm ở các khu vực khác nhau (Châu Phi, Châu Á, Châu Âu và Cận Đông) đã được thực hiện để thử nghiệm công cụ này trong từng giai đoạn xây dựng; kết quả phát hiện được trong quá trình thử nghiệm và phản hồi của các bên tham gia đánh giá đều được tổng hợp vào tài liệu để cải tiến cách tiếp cận của công cụ FCSA nhằm đảm bảo tính phù hợp với nhiều hoàn cảnh khác nhau. FAO phối hợp với WHO đồng thời tổ chức nghiên cứu, tìm hiểu để xây dựng công cụ FCSA trên cơ sở xác định cách tiếp cận khả thi, kế thừa kiến thức cũng như kinh nghiệm và cải thiện các công cụ đã có trước đó liên quan đến chuỗi thực phẩm hoặc việc đánh giá các chức năng quản lý ATTP như thực hiện quy định về Kiểm dịch động thực vật (SPS) bao gồm các công cụ đánh giá Hiệu quả hoạt động-Tầm nhìn-Chiến lược của Viện Hợp tác nông nghiệp liên Mỹ (Inter-American Institute for Cooperation on Agriculture, IICA), Hiệu quả hoạt động Dịch vụ thú y của Tổ chức Thú y thế giới (World Organisation for Animal Health/Office International des Epizooties, WOAH/OIE), Năng lực kiểm dịch thực vật của Công ước quốc tế về Bảo vệ thực vật (International Plant Protection Convention, IPPC).

Với sự đóng góp của rất nhiều nhà khoa học và sự tham gia tích cực của cơ quan chức năng các nước thành viên, công cụ FCSA của FAO/WHO đã được xây dựng trong gần 7 năm và được chính thức ban hành năm 2019, dự kiến sẽ được các nước sử dụng làm nền tảng hỗ trợ cho hoạt động tự đánh giá nhằm xác định lĩnh vực ưu tiên cần cải tiến và lên kế hoạch cho các hoạt động theo trình tự, có điều phối để đạt được kết quả mong muốn. Bộ công cụ FCSA của FAO/WHO bên cạnh việc giúp phân tích hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát thực phẩm quốc gia, thông qua đánh giá định kỳ, một quốc gia có thể sử dụng công cụ FCSA để xây dựng và thực hiện chương trình tự giám sát, tự đánh giá hiệu quả của tiến trình xử lý công việc trong hệ thống kiểm soát thực phẩm tại nước sở tại, phù hợp với các quy tắc và chuẩn mực quốc tế về quản lý và đảm bảo chất lượng của hệ thống.

### 5.2.1 Kết cấu của công cụ FAO/WHO FCSA

Công cụ FCSA của FAO/WHO có cấu trúc gồm 4 phần chính <sup>(13)</sup> mang tính đặc trưng và đại diện đầy đủ cho một hệ thống kiểm soát ATTP, có mối tương quan hữu cơ và tác động lẫn nhau, gồm có:

- **Phần A. ĐẦU VÀO VÀ NGUỒN LỰC:** Phần này được xây dựng giúp xác định được các yếu tố cơ bản để hệ thống có thể hoạt động. Các yếu tố này bao gồm từ công cụ luật pháp và chính sách cho đến cơ sở hạ tầng, tài sản tài chính, thiết bị và nguồn nhân lực.
- **Phần B. CHỨC NĂNG KIỂM SOÁT:** Phần này được xây dựng tập trung vào các quá trình và đầu ra của hệ thống kiểm soát thực phẩm quốc gia. Phần này xoay quanh các chức năng kiểm soát mà CQTQ phải thực hiện để đảm bảo chất lượng và ATTP trong suốt chuỗi cung ứng thực phẩm, đồng thời ghi nhận về các cơ chế cần thiết và phù hợp nhằm quản lý được các mối nguy ATTP, những nguy cơ mới xuất hiện và các tình huống khẩn cấp, sự cố liên quan đến ATTP. Những chức năng và cơ chế này bao gồm cả việc thực thi công tác kiểm tra kiểm soát trực tiếp liên quan đến FBO, cũng như chức năng theo dõi và giám sát.
- **Phần C. TƯƠNG TÁC VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN:** Phần này được xây dựng giúp xác định mối quan hệ tương tác cần có đối với hệ thống kiểm soát ATTP để có thể thường xuyên điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu liên tục thay đổi của các bên liên quan trong nước cũng như quốc tế, nhằm truyền được cảm giác tự tin cho các bên liên quan và thông tin đầy đủ cho các bên liên quan về trách nhiệm của mình trong cả hệ thống liên quan đến trách nhiệm kiểm soát ATTP.
- **Phần D. CƠ SỞ KHOA HỌC/KIẾN THỨC VÀ CẢI TIẾN LIÊN TỤC:** Phần này giúp xem xét những tính năng cần thiết để hệ thống kiểm soát ATTP được thiết kế và vận hành mang tính khách quan, phù hợp về mặt khoa học, theo kịp với sự phát triển và đổi mới của khoa học, giúp xác định được hướng cải tiến liên tục để hệ thống kiểm soát ATTP thực sự có hiệu lực và vận hành hiệu quả.



Mỗi phần có các tiểu phần được thiết kế chi tiết hơn và sắp xếp theo các nhóm năng lực cụ thể trong mối tương quan có tính khoa học. Bộ công cụ FCSA có tất cả 9 tiểu phần như đã mô tả. Mỗi tiểu phần có những nhóm tiêu chí về năng lực hệ thống (System Competencies, SC) cần đánh giá. Mỗi nhóm năng lực hệ thống có các tiêu chí đánh giá (Assessment Criteria, AC) cụ thể. Nhằm giúp cho việc đánh giá hiện trạng từng năng lực cụ thể của hệ thống kiểm soát thực phẩm được chính xác; công cụ FCSA đưa ra các hướng dẫn và chỉ báo để giúp cho việc thu thập bằng chứng cho từng tiêu chí đánh giá.

### 5.2.2 Các tiêu chí đánh giá trong công cụ FAO/WHO FCSA

Có 162 tiêu chí đánh giá (AC) theo các phần chính và những tiểu phần như sau:

<sup>(13)</sup> FAO/WHO 2019, Food control system assessment tool: Introduction and Glossary, Rome, ISBN 978-92-5-131630-6

PHẦN CHÍNH	TIỂU PHẦN	NHÓM NĂNG LỰC HỆ THỐNG	Số tiêu chí
Phần A. ĐẦU VÀO VÀ NGUỒN LỰC (61 tiêu chí đánh giá)	A.1 KHUNG CHÍNH SÁCH VÀ LUẬT PHÁP	A.1.1 Quá trình dự thảo chính sách và luật pháp A.1.2 Khung thể chế A.1.3 Các yếu tố của luật pháp và kiểm soát thực phẩm	06 07 12
	A.2 CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TÀI CHÍNH	A.2.1 Nguồn lực tài chính A.2.2 Cơ sở hạ tầng và thiết bị A.2.3 Nguồn lực phân tích	10 05 07
	A.3 NGUỒN NHÂN LỰC	A.3.1 Trình độ của cán bộ A.3.2 Nâng cao năng lực cho cán bộ A.3.3 Quản lý và động viên cán bộ	04 05 05
Phần B. CHỨC NĂNG KIỂM SOÁT (51 tiêu chí đánh giá)	B.1 HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT THƯỜNG XUYÊN ĐỐI VỚI SẢN PHẨM THỰC PHẨM	B.1.1 Kiểm soát trong nước B.1.2 Kiểm soát nhập khẩu B.1.3 Kiểm soát xuất khẩu	17 09 05
	B.2 CHỨC NĂNG THEO DÕI, ĐIỀU TRA GIÁM SÁT VÀ ỨNG PHÓ	B.2.1 Chương trình theo dõi liên quan đến chuỗi thực phẩm B.2.2 Giám sát bệnh do thực phẩm B.2.3 Quản lý tình huống khẩn cấp về an toàn thực phẩm	07 06 07
Phần C. TƯƠNG TÁC VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (21 tiêu chí đánh giá)	C.1 CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG NƯỚC	C.1.1 Quan hệ giữa Cơ quan có thẩm quyền và khu vực tư nhân về nhu cầu đào tạo C.1.2 Dòng thông tin và lồng ghép FBO vào quản lý nguy cơ C.1.3 Dòng truyền thông và tham gia của người tiêu dùng	03 05 05
	C.2 CÁC BÊN LIÊN QUAN QUỐC TẾ	C.2.1 Tương tác giữa các CQTQ ở cấp quốc tế C.2.2 Tham gia của các CQTQ với tổ chức quốc tế	04 04
Phần D. CƠ SỞ KHOA HỌC/ KIẾN THỨC VÀ CẢI TIẾN LIÊN TỤC (29 tiêu chí đánh giá)	D.1 CƠ SỞ BẰNG CHỨNG/ NGUY CƠ	D.1.1 Khả năng CQTQ tiếp cận thông tin cập nhật về khoa học và kỹ thuật D.1.2 Năng lực thu thập và phân tích số liệu để phân tích nguy cơ D.1.3 Kiến thức và việc sử dụng của CQTQ đối với khung phân tích nguy cơ	03 09 09
	D.2 CẢI TIẾN LIÊN TỤC	D.2.1 Giám sát thực hiện của CQTQ và cải tiến liên tục D.2.2 Cơ chế đảm bảo xem xét thông tin khoa học và kỹ thuật mới nhất về kiểm soát thực phẩm	06 02

### 5.3 Phụ lục 3. Thống kê đối tượng tham gia khảo sát

Bảng 1. Đối tượng khảo sát thuộc 3 ngành (NN và PTNT, Y tế, Công thương)

Ngành	Tổng cộng	Tỷ lệ	Cơ quan Trung ương	Tỷ lệ	Cơ quan Địa phương	Tỷ lệ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	97	54,80%	7	7,22%	90	92,78%
Y tế	43	24,29%	0	0%	43	100%
Công thương	37	20,90%	0	0%	37	100%

Ngành	Tổng cộng	Tỷ lệ	Cơ quan Trung ương	Tỷ lệ	Cơ quan Địa phương	Tỷ lệ
TỔNG CỘNG	177	100%	7	3,95%	170	96,05%

Bảng 2. Đối tượng khảo sát thuộc ngành NN và PTNT

Cơ quan	Số lượng	Tỷ lệ
Cục NAFIQPM/Trung tâm NAFI và các Chi cục vùng	34	35,05%
Cục Thú y và các Chi cục	13	13,40%
Cục BVTV và Chi cục/Phòng BVTV thuộc Sở NN	17	17,53%
Chi cục Kiểm lâm/QLCL	2	2,06%
Chi cục Thủy sản	13	13,40%
Chi cục PTNT	1	1,03%
Phòng CL và CB thuộc Sở NN	2	2,06%
Cơ quan Thanh Tra Bộ NN&PTNT/Thanh tra Sở NNPTNT	8	8,25%
Sở NNPTNT	7	7,22%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>97</b>	<b>100%</b>

Bảng 3. Đối tượng khảo sát thuộc ngành Y tế

Cơ quan	Số lượng	Tỷ lệ
Ban Quản lý ATTP/Sở ATTP	1	2,33%
Chi cục ATTP	30	69,77%
Thanh tra Sở Y tế	8	18,60%
Sở Y tế	4	9,30%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>43</b>	<b>100%</b>

Bảng 4. Đối tượng khảo sát thuộc ngành Công thương

Cơ quan	Số lượng	Tỷ lệ
Sở Công thương	37	100%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>37</b>	<b>100%</b>

Bảng 5. Năng lực hệ thống thực hiện chương trình kiểm tra kiểm soát ATTP

Nhóm tiêu chí đánh giá đối với hệ thống kiểm soát ATTP	Nhóm năng lực hệ thống kiểm soát thực phẩm theo FCSA	Tỷ lệ đáp ứng theo tiêu chí đánh giá FCSA			
		NNPTNT	Y TẾ	C.THƯƠNG	CHUNG
CƠ SỞ PHÁP LÝ, HẠ TẦNG VÀ NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH CỦA CQTQ (Câu hỏi 1 đến 11)	A.1. Khung chính sách và luật pháp A.2. Cơ sở hạ tầng và tài chính A.3. Nguồn nhân lực B.1. Hoạt động kiểm soát thường xuyên đối với sản phẩm thực phẩm	66,01%	62,93%	57,34%	63,77%
NGUỒN NHÂN LỰC CỦA CQTQ (Câu hỏi 12 đến 25)	A.2. Cơ sở hạ tầng và tài chính A.3. Nguồn nhân lực D.1. Cơ sở bằng chứng/nguy cơ	55,42%	57,59%	48,25%	54,72%
SỰ PHỐI HỢP, MỐI TƯƠNG QUAN CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (Câu hỏi 26 đến 49)	A.1. Khung chính sách và luật pháp B.1. Hoạt động kiểm soát thường xuyên đối với sản phẩm thực phẩm B.2. Chức năng theo dõi, giám sát và ứng phó C.1. Các bên liên quan trong nước C.2. Các bên liên quan quốc tế D.1. Cơ sở bằng chứng/nguy cơ	57,54%	59,18%	61,75%	59,17%
CĂN CỨ KHOA HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, KIỂM SOÁT ATTP (Câu hỏi 50 đến 83)	A.1. Khung chính sách và luật pháp A.2. Cơ sở hạ tầng và tài chính B.1. Hoạt động kiểm soát thường xuyên đối với sản phẩm thực phẩm B.2. Chức năng theo dõi, giám sát và ứng phó D.1. Cơ sở bằng chứng/nguy cơ	54,97%	51,05%	53,92%	54,10%
TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP, BỆNH DO THỰC PHẨM VÀ SỰ CỐ ATTP (Câu hỏi 84 đến 96)	A.1. Khung chính sách và luật pháp A.2. Cơ sở hạ tầng và tài chính B.2. Chức năng theo dõi, giám sát và ứng phó	51,23%	51,52%	49,26%	51,17%
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ LIÊN TỤC CẢI TIẾN HOẠT ĐỘNG (Câu hỏi 97 đến 116)	A.1. Khung chính sách và luật pháp A.2. Cơ sở hạ tầng và tài chính B.1. Hoạt động kiểm soát thường xuyên đối với sản phẩm thực phẩm B.2. Chức năng theo dõi, giám sát và ứng phó C.1. Các bên liên quan trong nước D.1. Cơ sở bằng chứng/nguy cơ	60,40%	56,55%	60,70%	59,87%



**Bảng 6. Năng lực hệ thống cần lưu ý nâng cấp theo tiêu chí đánh giá trong công cụ FAO/WHO FCSA**

Tiêu chí đánh giá trong bộ câu hỏi khảo sát	Nhóm năng lực được đánh giá theo FAO/WHO FCSA	Tỷ lệ đáp ứng theo chuẩn FCSA		
		NN&PTNT	Y tế	C.Thương
7. Lập kế hoạch và thực hiện cung cấp ngân sách đầy đủ để mua sắm, làm mới, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng và thiết bị phục vụ kiểm soát ATTP (văn phòng, hậu cần, vận chuyển, IT...) (A.2.1.6)	A.2.1. Nguồn lực tài chính	52,58%	64,34%	<b>40,54%</b>
9. Đánh giá về không gian và trang thiết bị chuyên dụng được cung cấp tại tất cả các vị trí tiến hành hoạt động kiểm soát ATTP? (A.2.2.1)	A.2.2. Cơ sở hạ tầng và thiết bị	53,26%	51,94%	<b>38,74%</b>
10. Đánh giá tính phù hợp về tài sản, xe cộ và công tác bảo trì, bảo dưỡng để thực hiện chương trình kiểm soát ATTP? (A.2.2.2)	A.2.2. Cơ sở hạ tầng và thiết bị	50,17%	<b>47,29%</b>	<b>43,24%</b>
11. Nhân viên kiểm soát ATTP được cung cấp đủ trang thiết bị kiểm tra, có địa điểm, điều kiện làm việc phù hợp tại các vị trí kiểm soát thực phẩm xuất, nhập khẩu? (B.1.2.8)	B.1.2. Kiểm soát nhập khẩu	56,01%	54,26%	<b>33,33%</b>
12. Tính phù hợp về số lượng, kỹ năng, trình độ chuyên môn và khả năng đáp ứng của nhân viên thực hiện kiểm soát, giám sát ATTP? (A.3.1.1)	A.3.1 Trình độ của cán bộ	56,70%	58,14%	<b>48,65%</b>
13. Chính sách nội bộ, hướng dẫn các tiêu chuẩn áp dụng cho tất cả nhân viên (chính thức, thuê ngoài) tham gia hoặc hỗ trợ kiểm soát ATTP được thiết lập và áp dụng thế nào? (A.3.1.2; A.3.1.3; A.3.1.4)	A.3.1 Trình độ của cán bộ	56,70%	58,91%	<b>47,75%</b>
16. Lực lượng nhân viên đủ kỹ năng kiểm soát ATTP được phê duyệt và phân bổ ngân sách đào tạo, cập nhật và phát triển nghề nghiệp liên tục? (A.2.1.5)	A.2.1. Nguồn lực tài chính	52,58%	58,91%	<b>44,14%</b>
17. Công tác đào tạo cho nhân viên mới để tiếp nhận nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát ATTP có hiệu quả? (A.3.2.1)	A.3.2. Tăng cường năng lực cho nhân viên	54,64%	62,79%	<b>44,14%</b>
20. Nhân lực có kỹ năng được phân bổ kế hoạch ngân sách để chuẩn bị và tham dự các cuộc họp, Hội nghị khoa học cấp quốc tế liên quan tới chất lượng và ATTP? (A.2.1.9)	A.2.1. Nguồn lực tài chính	<b>43,30%</b>	<b>44,19%</b>	<b>38,74%</b>
21. Thực hiện việc cung cấp quyền truy cập xác thực, cập nhật các nguồn thông tin khoa học và kỹ thuật cho tất cả các nhân viên có liên quan? (D.1.1.1)	D.1.1 Khả năng CQTTQ tiếp cận thông tin cập nhật về khoa học và kỹ thuật	51,55%	50,39%	<b>40,54%</b>
23. Nhân viên thực hiện kiểm tra, giám sát ATTP đủ khả năng tiếp cận công nghệ hiện	A.3.2. Tăng cường năng lực cho nhân viên	<b>49,48%</b>	<b>48,06%</b>	<b>42,34%</b>

Tiêu chí đánh giá trong bộ câu hỏi khảo sát	Nhóm năng lực được đánh giá theo FAO/WHO FCSA	Tỷ lệ đáp ứng theo chuẩn FCSA		
		NN&PTNT	Y tế	C.Thương
đại đáng tin cậy để có thể nhanh chóng trao đổi thông tin có liên quan với tất cả các cấp thuộc CQTQ về ATTP? (A.2.2.4)				
25. CQTQ tích cực hợp tác với một hoặc nhiều cơ sở có uy tín về ATTP như các Cơ sở đào tạo hoặc Phòng thử nghiệm đối chứng để hỗ trợ nâng cao năng lực nhân viên và tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các hiệp hội nghề nghiệp? (D.1.1.3)	D.1.1 Khả năng CQTQ tiếp cận thông tin cập nhật về khoa học và kỹ thuật	53,26%	53,49%	<b>45,05%</b>
26. Trong phạm vi hoạt động, CQTQ có ủy quyền một số chức năng kiểm soát ATTP cho các đơn vị nhà nước hoặc đơn vị tư nhân nào khác? (A.1.2.5)	A.1.2. Khung thể chế	<b>30,58%</b>	<b>41,09%</b>	<b>45,95%</b>
34. CQTQ thực hiện phân tích nhu cầu phát triển năng lực của cơ sở SXKD thực phẩm để thông báo và lập kế hoạch cho các chiến dịch nâng cao nhận thức, tập huấn, đào tạo về ATTP phù hợp? (C.1.1.1)	C.1.1. Quan hệ giữa CQTQ và khu vực tư nhân về nhu cầu đào tạo	<b>48,45%</b>	53,49%	59,46%
37. Vai trò các hiệp hội của người SXKD thực phẩm về sự phối hợp với CQTQ trong việc cung cấp cho thành viên hiệp hội mọi thông tin về chất lượng và ATTP? (C.1.2.1)	C.1.2. Dòng thông tin và lồng ghép cơ sở SXKD thực phẩm vào quản lý nguy cơ	<b>49,83%</b>	51,16%	<b>48,65%</b>
46. CQTQ tham gia hỗ trợ phát triển thương mại quốc tế bằng cách tiếp cận truyền thông công khai, tích cực đối với các quy định về chất lượng và ATTP, các yêu cầu biện pháp kiểm soát và hồ sơ ghi chép theo chuẩn mực quốc tế? (C.2.1.1)	C.2.1. Tương tác giữa các CQTQ ở cấp quốc tế	50,86%	<b>37,21%</b>	57,66%
47. CQTQ cung cấp phương thức thực hiện và hướng dẫn để đối tác thương mại có thể dễ dàng tiếp cận thông tin cập nhật về yêu cầu chất lượng, ATTP cũng như các biện pháp kiểm soát thực hiện? (C.2.1.2)	C.2.1. Tương tác giữa các CQTQ ở cấp quốc tế	56,36%	<b>49,61%</b>	66,67%
48. CQTQ tham gia các hoạt động của tổ chức quốc tế như Codex và sử dụng các tiêu chuẩn, hướng dẫn của các tổ chức đó trong hoạt động kiểm soát ATTP? (C.2.2.1; C.2.2.2; C.2.2.3; C.2.2.4)	C.2.2. Tham gia của các CQTQ với tổ chức quốc tế	50,17%	60,47%	<b>42,34%</b>
49. Tính hiệu quả của mối liên kết giữa CQTQ về ATTP với khối học thuật (trường đại học, viện nghiên cứu, các nhóm chuyên gia khác...) nhằm đưa ra thông tin phù hợp để đánh giá và ứng phó với các vấn đề về ATTP và gian lận? (D.2.2.1)	D.2.2 Cơ chế đảm bảo xem xét thông tin khoa học và kỹ thuật mới nhất về kiểm soát thực phẩm	<b>42,27%</b>	<b>38,76%</b>	<b>44,14%</b>
50. CQTQ đủ cơ sở hạ tầng và năng lực kỹ thuật để thu thập số liệu hỗ trợ hoạt động phân tích nguy cơ ATTP? (D.1.2.1)	D.1.2 Năng lực thu thập và phân tích số liệu để phân tích nguy cơ	50,86%	<b>45,74%</b>	<b>47,75%</b>

Tiêu chí đánh giá trong bộ câu hỏi khảo sát	Nhóm năng lực được đánh giá theo FAO/WHO FCSA	Tỷ lệ đáp ứng theo chuẩn FCSA		
		NN&PTNT	Y tế	C.Thương
52. Có hệ thống giám sát tích hợp thông tin lấy từ toàn bộ chuỗi thực phẩm để giúp hiểu rõ hơn về nguy cơ ATTP, xác định, thu thập số liệu về cặp “sản phẩm-mối nguy” cụ thể? (D.1.2.4; D.1.2.5)	D.1.2 Năng lực thu thập và phân tích số liệu để phân tích nguy cơ	<b>43,30%</b>	<b>38,76%</b>	53,15%
53. Việc xác định nhu cầu số liệu cần cho đánh giá nguy cơ ATTP, xây dựng số liệu, dữ liệu cần thiết từ chương trình kiểm tra, giám sát ATTP thường xuyên để thu thập thông tin cho các hoạt động phân tích nguy cơ mới hoặc hiện tại? (D.1.2.6; D.1.2.7)	D.1.2 Năng lực thu thập và phân tích số liệu để phân tích nguy cơ	<b>47,42%</b>	<b>48,84%</b>	53,15%
54. Thực hiện nghiên cứu có mục tiêu để xác định nguồn thực phẩm gây bệnh cụ thể, đặc điểm dịch tễ học của bệnh do thực phẩm, ước tính gánh nặng xã hội do bệnh từ thực phẩm (tỉ lệ số ca mắc bệnh mới và số liệu về mức độ nghiêm trọng của bệnh) để có bằng chứng xếp hạng ưu tiên đối với từng nguy cơ ATTP? (D.1.2.8; D.1.2.9)	D.1.2 Năng lực thu thập và phân tích số liệu để phân tích nguy cơ	<b>32,30%</b>	<b>37,21%</b>	<b>40,54%</b>
55. Hiểu rõ nguyên tắc phân tích nguy cơ, khung quản lý nguy cơ đưa vào áp dụng trong các quy trình liên quan đến xây dựng luật, tiêu chuẩn, chính sách, hướng dẫn? (D.1.3.1)	D.1.3 Kiến thức và mục đích sử dụng của CQTQ đối với khung phân tích nguy cơ	50,17%	<b>46,51%</b>	55,86%
56. Thực hiện cách tiếp cận xếp hạng ưu tiên về nguy cơ để hướng dẫn, thông tin và định hướng sử dụng nguồn lực hiệu quả phục vụ công tác quản lý nguy cơ? (D.1.3.2; D.1.3.3)	D.1.3 Kiến thức và mục đích sử dụng của CQTQ đối với khung phân tích nguy cơ	<b>41,24%</b>	<b>41,09%</b>	<b>49,55%</b>
57. Sự phối hợp các CQTQ để đánh giá nguy cơ và kết quả đánh giá, ước tính rủi ro có thể biện luận một cách khoa học bằng phương pháp định tính, bán định lượng hoặc định lượng và xác lập được khung phân loại nguy cơ? (D.1.3.4; D.1.3.5; D.1.3.6)	D.1.3 Kiến thức và mục đích sử dụng của CQTQ đối với khung phân tích nguy cơ	<b>42,96%</b>	<b>37,98%</b>	<b>42,34%</b>
58. Quy định và hồ sơ thực hiện xếp hạng nguy cơ ATTP để thúc đẩy xây dựng chương trình theo dõi chất lượng và ATTP quốc gia? (B.2.1.2)	B.2.1 Chương trình theo dõi chuỗi thực phẩm	50,86%	<b>34,11%</b>	<b>48,65%</b>
59. Quy định và hồ sơ ghi nhận thông tin từ khung phân loại nguy cơ ATTP đối với các loại thực phẩm do cơ sở SXKD thực phẩm cung cấp cho CQTQ để xây dựng chương trình giám sát ATTP quốc gia? (B.2.1.4)	B.2.1 Chương trình theo dõi chuỗi thực phẩm	<b>49,83%</b>	<b>34,88%</b>	<b>45,95%</b>

Tiêu chí đánh giá trong bộ câu hỏi khảo sát	Nhóm năng lực được đánh giá theo FAO/WHO FCSA	Tỷ lệ đáp ứng theo chuẩn FCSA		
		NN&PTNT	Y tế	C.Thương
60. Việc sử dụng và tính hiệu quả của hệ thống IT để ghi lại, phân tích và chia sẻ dữ liệu thu được trong quá trình kiểm soát ATTP, giám sát sự cố ATTP, ngộ độc thực phẩm, bệnh do thực phẩm? (A.2.2.3)	A.2.2. Cơ sở hạ tầng và thiết bị	<b>38,83%</b>	<b>44,19%</b>	<b>38,74%</b>
61. Việc thực hiện và hồ sơ ghi nhận sự phối hợp với cơ sở thử nghiệm để lập kế hoạch phân tích phục vụ kiểm tra thường xuyên về ATTP, chương trình lấy mẫu theo dõi các nguy cơ ATTP xếp loại ưu tiên, giám sát ngộ độc thực phẩm, bệnh do thực phẩm và các hoạt động khoa học liên quan đến ATTP? (A.2.3.1)	A.2.3. Nguồn lực phân tích	50,17%	52,71%	<b>46,85%</b>
63. Quy định, thủ tục xếp loại và kiểm tra nhóm thực phẩm tương tự? (B.1.1.6)	B.1.1 Kiểm soát trong nước	62,20%	<b>40,31%</b>	58,56%
64. Hồ sơ theo dõi và hiệu quả kiểm soát ATTP đối với các hoạt động đóng gói, ghi nhãn, quảng cáo thực phẩm trong phạm vi kiểm soát? (A.1.3.11)	A.1.3. Các yếu tố của luật pháp về kiểm soát thực phẩm	52,58%	<b>47,29%</b>	53,15%
71. Xây dựng nội dung, lập kế hoạch và hồ sơ thực hiện kiểm soát ATTP nhập khẩu? (A.1.3.6)	A.1.3. Các yếu tố của luật pháp về kiểm soát thực phẩm	<b>47,08%</b>	<b>41,86%</b>	<b>46,85%</b>
80. Quy định và quản lý, cập nhật hồ sơ đăng ký, đánh giá định kỳ về sự tuân thủ quy định ATTP của các nhà nhập khẩu thực phẩm? (B.1.2.1)	B.1.2. Kiểm soát nhập khẩu	55,33%	<b>49,61%</b>	55,86%
81. Thực hành nhập khẩu tốt được xây dựng, ban hành và làm căn cứ cho hoạt động kiểm soát thực phẩm nhập khẩu? (B.1.2.2)	B.1.2. Kiểm soát nhập khẩu	<b>47,08%</b>	<b>45,74%</b>	55,86%
82. Chương trình kiểm soát thực phẩm nhập khẩu theo phân tích nguy cơ, tham chiếu các thông tin liên quan, lịch sử về ATTP của thực phẩm nhập khẩu ... được xây dựng và tổ chức thực hiện theo kế hoạch, trong đó có xét đến nguồn lực hiện có? (B.1.2.3; B.1.2.4)	B.1.2. Kiểm soát nhập khẩu	<b>47,42%</b>	<b>48,06%</b>	56,76%
83. Quy định cơ chế thu thập và phân tích thông tin cho phép xác định sự cố ATTP? (B.2.3.2)	B.2.3. Quản lý tình huống khẩn cấp về an toàn thực phẩm	<b>47,77%</b>	<b>48,84%</b>	52,25%
88. Có quy định Hệ thống giám sát dựa trên chỉ báo (IBS) với đầy đủ chức năng và Hồ sơ theo dõi xu hướng, dự báo, phát hiện các đợt bùng phát bệnh do thực phẩm? (B.2.2.1)	B.2.2. Giám sát bệnh do thực phẩm	<b>43,64%</b>	<b>35,66%</b>	<b>41,44%</b>

Tiêu chí đánh giá trong bộ câu hỏi khảo sát	Nhóm năng lực được đánh giá theo FAO/WHO FCSA	Tỷ lệ đáp ứng theo chuẩn FCSA		
		NN&PTNT	Y tế	C.Thương
89. Có quy định Hệ thống giám sát dựa trên sự kiện (EBS) với đầy đủ chức năng và Hồ sơ phát hiện các sự kiện do thực phẩm? (B.2.2.2)	B.2.2. Giám sát bệnh do thực phẩm	<b>37,11%</b>	<b>32,56%</b>	<b>34,23%</b>
90. Có hệ thống IBS bao gồm phân tích phòng thí nghiệm để xác định nguyên nhân của bệnh do thực phẩm (đặc biệt là tiêu chảy), điều tra các mối nguy trong thực phẩm liên quan đến ca bệnh và vụ dịch bùng phát, giúp hiểu rõ hơn về xu hướng của bệnh do thực phẩm để tăng độ nhạy và độ đặc hiệu phát hiện ổ dịch bùng phát? (B.2.2.3)	B.2.2. Giám sát bệnh do thực phẩm	<b>40,21%</b>	<b>37,21%</b>	<b>35,14%</b>
91. Thực hiện đánh giá rủi ro nhanh chóng đối với các sự kiện y tế công cộng nghiêm trọng trong phạm vi kiểm tra, kiểm soát về ATTP? (B.2.2.4)	B.2.2. Giám sát bệnh do thực phẩm	<b>45,70%</b>	<b>44,96%</b>	<b>43,24%</b>
92. Khả năng ứng phó với ổ dịch đa ngành và sử dụng dịch tễ học phân tích trong quá trình điều tra ổ dịch bệnh do thực phẩm? (B.2.2.5)	B.2.2. Giám sát bệnh do thực phẩm	<b>47,42%</b>	<b>42,64%</b>	<b>35,14%</b>
93. Hiệu quả phối hợp đa lĩnh vực, trao đổi nhanh thông tin và hỗ trợ phân tích phòng thí nghiệm trong quá trình điều tra bùng phát dịch bệnh do thực phẩm? (B.2.2.6)	B.2.2. Giám sát bệnh do thực phẩm	<b>48,45%</b>	51,94%	<b>45,95%</b>
96. Khung phân tích nguy cơ được sử dụng phù hợp để dự kiến hành động ứng phó tương ứng tình huống khẩn cấp về ATTP? (B.2.3.7)	B.2.3. Quản lý tình huống khẩn cấp về an toàn thực phẩm	<b>48,11%</b>	<b>44,96%</b>	55,86%
100. Năng lực (kỹ thuật, thiết bị, nhân sự, hệ thống đảm bảo chất lượng thử nghiệm...) của cơ sở thử nghiệm được chỉ định, ủy quyền hoặc thuê phân tích đáp ứng như thế nào về nhu cầu kiểm soát ATTP đối với thực phẩm xuất và nhập khẩu? (A.2.3.2; A.2.3.3)	A.2.3 Nguồn lực phân tích	61,51%	<b>49,61%</b>	58,56%
105. Quy trình chi tiết về thực hiện hoạt động kiểm soát thực phẩm tại biên giới được lập thành văn bản, cung cấp đầy đủ, sẵn có cho tất cả nhân viên thực thi tại cửa khẩu và được áp dụng đúng quy định? (B.1.2.5)	B.1.2. Kiểm soát nhập khẩu	52,92%	<b>43,41%</b>	54,05%
110. Áp dụng biện pháp, kỹ thuật tiên tiến để quản lý nguy cơ ATTP và định kỳ đánh giá lại các biện pháp, kỹ thuật này để cập nhật phù hợp? (D.1.3.7; D.1.3.8)	D.1.3 Kiến thức và mục đích sử dụng của CQTQ đối với khung phân tích nguy cơ	55,33%	<b>49,61%</b>	58,56%

Tiêu chí đánh giá trong bộ câu hỏi khảo sát	Nhóm năng lực được đánh giá theo FAO/WHO FCSA	Tỷ lệ đáp ứng theo chuẩn FCSA		
		NN&PTNT	Y tế	C.Thương
116. Việc áp dụng kỹ thuật “Tầm nhìn xa” để hỗ trợ cách tiếp cận phòng ngừa cho công tác kiểm soát ATTP, phát hiện sớm các vấn đề đang phát sinh và quan trọng, giúp đưa ra chính sách và quyết định hiệu quả? (D.2.2.2)	D.2.2 Cơ chế đảm bảo xem xét thông tin khoa học và kỹ thuật mới nhất về kiểm soát thực phẩm	<b>43,99%</b>	<b>41,86%</b>	54,95%

#### 5.4 Phụ lục 4. Tổng hợp các ý kiến góp ý cải thiện và nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm tra, kiểm soát ATTP (câu hỏi 117)

1. Tăng cường nguồn kinh phí giám sát ATTP cho các tỉnh (Chi cục QLCL NLTS Bắc Giang)
2. Củng cố năng lực cho các cơ quan địa phương (Chi cục QLCL NLTS Hà Tĩnh)
3. Sớm sửa đổi Luật An toàn thực phẩm năm 2010. Cần có sự thống nhất các quy định về quản lý an toàn thực phẩm giữa các lĩnh vực Y tế, Nông nghiệp, Công thương. (Chi cục QLCL NLTS Quảng Trị)
4. Đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về ATTP trong xã hội (Chi cục QLCL NLTS Bạc Liêu)
  - Kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về ATTP nói chung. Cụ thể là tập trung kiện toàn Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Chi cục Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản và Cục Quản lý thị trường tại các tỉnh;
  - Tăng cường biên chế cho đội ngũ chuyên trách ATTP;
  - Nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ công chức làm công tác quản lý ATTP'
  - Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, điều kiện làm việc cho cán bộ, công chức làm công tác quản lý ATTP;
  - Thực hiện tốt chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, công chức làm công tác quản lý ATTP;
5. Xây dựng quy chế quản lý phù hợp với tình hình thực tế hiện nay (Chi cục BVTV Ninh Thuận)
6. Có quy định và chế tài xử lý rõ ràng và nghiêm minh (Chi cục PTNT Đắc Nông)
7. Hướng dẫn thực thi, kiểm soát quy trình thống nhất từ cấp trung ương đến địa phương (Chi cục Thủy sản An Giang)
8. Tăng cường đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức thực hiện kiểm tra, kiểm soát ATTP Đầu tư trang thiết bị giám sát nhanh, giám sát trực tiếp tại nơi sản xuất, kinh doanh Bổ sung kinh phí để triển khai thực hiện (Chi cục QLCL NLTS Tây Ninh)
9. Xây dựng thể chế, chính sách, bao gồm xây dựng chương trình khung giám sát quốc gia về ATTP để thực hiện thống nhất trên cả nước. Tăng cường nguồn lực (đào tạo, tập huấn con người quản lý ATTP, bao gồm thực hiện chương trình giám sát ATTP ; đầu tư trang thiết bị, cấp kinh phí giám sát...); đánh giá nguy cơ, quản lý nguy cơ mất ATTP ; truyền thông nguy cơ tới người SXKD thực phẩm và người tiêu dùng ... (Cục Thú Y)
10. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước, sự phối hợp giữa các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm. Trang thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác giám sát, xét nghiệm về an toàn thực phẩm được trang bị đầy đủ; nguồn nhân lực bố trí chuyên trách, có kinh nghiệm (Chi cục Thú y Tây Ninh)
11. Sự thống nhất, minh bạch của cơ quan thẩm quyền và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (Chi cục QLCL NLTS Thái Nguyên)
12. Thường xuyên có các lớp tập huấn cho các cán bộ chuyên phụ trách về công tác kiểm tra, kiểm soát về ATTP (Chi cục QLCL NLTS Trà Vinh)
13. cần nghiên cứu để sản xuất phương tiện xét nghiệm nhanh tại hiện trường với giá rẻ, Người tiêu dùng có thể dễ dàng tiếp cận và sử dụng. Trước mắt, cần tiếp tục triển khai đặt máy xét nghiệm thực phẩm lưu động tại các chợ để thuận tiện cho công tác kiểm tra; để Người tiêu dùng có căn cứ phân biệt sản phẩm không đảm bảo ATTP, từ đó, có cơ sở để đấu tranh bảo vệ quyền lợi của mình. (Phòng CL, CB và PTTT, Sở NN và PTNT)



14. Cần quan tâm bồi dưỡng kiến thức, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao kiến thức, năng lực, trình độ cho công chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực về ATTP (Phòng Trồng trọt và BVTV, Sở NN và PTNT)
15. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền (Chi cục Thủy sản Tỉnh)
  - Tập huấn CB phụ trách ATTP, CB lấy mẫu
  - Tăng cường công tác thanh, kiểm tra
  - Nâng chế tài xử phạt vi phạm ATTP.
16. Cần thiết phải có những quy định về xử lý hình sự đối với các vi phạm nghiêm trọng đã bị xử lý nhiều lần vẫn tái phạm, quy trách nhiệm đối với người có trách nhiệm khi thấy vi phạm mà không xử lý. Trong tổ chức thực hiện phải làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền các cấp, cơ quan chức năng, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến ATTP. Bên cạnh đó, cần phải tiếp tục tổ chức lại mối liên kết từ sản xuất đến tiêu dùng (Chi cục QLCL NLTS Quảng Ngãi)
17. Các lực lượng chức năng tăng cường hoạt động kiểm tra, kiểm soát xử lý nghiêm các hành vi vi phạm; tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các lực lượng liên quan; cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn đào tạo bồi dưỡng nâng cao chuyên môn và lấy mẫu vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản, nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành và quản lý nhà nước (Chi cục Thú y Nam Định)
18. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cho công chức thực hiện công tác ATTP tại các cơ quan có thẩm quyền quản lý các cấp. rà soát hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia liên quan đến lĩnh vực ATTP để dễ cập nhật (Chi cục QLCL NLTS Quảng Ngãi)
19. ban hành đầy đủ các quy định, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành thủy sản về ATTP phục vụ hoạt động quản lý (Chi cục Thủy sản Thanh Hóa)
20. Bổ sung nguồn nhân lực có chuyên môn, máy móc thiết bị kiểm tra nhanh cho công tác kiểm tra, kiểm soát về ATTP; Nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ thực hiện công tác ATTP. Hệ thống QCVN, TCVN về ATTP cần được điều chỉnh, bổ sung. Hệ thống cơ quan quản lý ATTP chưa được đồng bộ, thống nhất từ trung ương đến địa phương. (Phòng CL, CB, PTTT, Sở NNPTNT Tỉnh Hải Dương)
21. Cần thêm nguồn nhân lực (Chi cục Thủy sản Ninh Thuận)
22. Cần có quyết định, kế hoạch kiểm tra, kiểm soát ATTP hàng năm; trong đó phân công cụ thể nhiệm vụ cho mỗi đơn vị đủ năng lực, đúng chức năng, nhiệm vụ. Thường xuyên tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho người tham gia kiểm tra, kiểm soát ATTP. (Chi cục Thủy sản Nam Định)
23. Tăng cường công tác tuyên truyền ATTP (Thanh tra Sở NNPTNT Tỉnh Thanh Hóa)
24. xây dựng đầy đủ khung pháp lý; tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong kiểm soát ATTP; nâng cao nhận thức của người dân về ATTP (Thanh tra Bộ NNPTNT)
25.
  1. Nâng cao công tác thông tin, tuyên truyền vận động người sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng nghiêm chỉnh chấp hành quy định về ATTP. (Chi cục Thú y Thanh Hóa)
  2. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định.
  3. Xây dựng chuỗi sản xuất chăn nuôi gắn chế biến, tiêu thụ an toàn.
26. Bổ sung đội ngũ chuyên sâu; trang bị đầy đủ trang thiết bị chuyên dụng; thường xuyên bồi dưỡng chuyên môn về ATTP cho đội ngũ quản lý (Chi cục BVTV Thanh Hóa)
27. Cần phải có kế hoạch thống nhất trong cả nước về chỉ tiêu cần phân tích, loại thực phẩm cần giám sát (Thanh tra Sở NNPTNT Tỉnh Cà Mau)



28. Đề xuất các cơ quan có thẩm quyền xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan để phù hợp với sự đa dạng sản phẩm hiện có trên thị SXKD hiện nay. (Chi cục BVTV Đồng Tháp)
29. Thành lập một cơ quan thống nhất trong quản lý (Chi cục QLCL NLTS Bình Định)
30. Văn bản quy định rõ ràng, kịp thời, phù hợp với thực tế (Thanh tra Sở NNPTNT Tỉnh Thanh Hóa)
31. Sớm tổng hợp, mở lớp đào tạo chuyên sâu đối với hoạt động kiểm tra, kiểm soát an toàn thực phẩm (Chi cục Thủy sản Phú Yên)
32. Tiếp tục quan tâm đào tạo, tập huấn nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác quản lý chất lượng, ATTP, chế biến và phát triển thị trường nông lâm thủy sản các cấp từ tỉnh đến cấp địa phương. - Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cục quản lý chuyên ngành có hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với nội dung hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tình hình phát triển chế biến, bảo quản đối với các ngành hàng nông sản, lâm sản, thủy sản. (Chi cục QLCL NLTS Quảng Ninh)
33. Nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn (Chi cục Thú y Long An)
34. Tiếp tục tuyên truyền, đẩy mạnh truyền tải thông tin đến các cơ sở về cách thức quản lý, sơ chế, chế biến, tạo thành chuỗi giá trị trong thực phẩm. Sử dụng công nghệ để phân tích, xử lý, bảo quản chế biến tạo sản phẩm sạch, giá trị cao (Chi cục Thú y Quảng Ngãi)
35. Cần làm rõ phân công nhiệm vụ kiểm tra ATTP giữa các cơ quan. Theo mặt hàng hay theo mã HS. (Chi cục BVTV )
36. Chính quyền địa phương kiểm soát tốt việc đăng ký kinh doanh của các CSKD: thường xuyên tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho người làm công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại đơn vị (Chi cục Thú y Ninh Thuận)
37. Cần chương trình đào tạo và nguồn kinh phí để thực hiện tốt quản lý nhà nước về ATTP (Chi cục BVTV)
38. Tăng cường tập huấn (Chi cục QLCL NLTS Hưng Yên)
39. Tăng cường nguồn lực về con người, tài chính, trang thiết bị; Tăng cường sự phối hợp của các cơ quan chức năng các tuyến; Tăng cường truyền thông nhằm nâng cao nhận thức về tiêu dùng thực phẩm an toàn cho người dân; Tăng cường kết nối thương mại, tìm kiếm thị trường tiêu thụ nông sản để có đầu ra cho sản phẩm. (Chi cục QLCL NLTS Nam Định)
40. tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức về ATTP, nâng cao nhận thức của các cơ sở SXKD thực phẩm, các nguy cơ gây mất ATTP, các quy định của pháp luật về ATTP... Tăng cường công tác kiểm tra, lấy mẫu giám sát sản phẩm để kiểm tra chất lượng ATTP, cảnh báo nguy cơ. (Chi cục QLCL NLTS Hà Nội)
41. Tăng cường nhân sự, năng lực cán bộ thực thi, văn bản thực thi nêu rõ câu từ đáp ứng vấn đề đọc hiểu của các vùng miền và mua sắm trang thiết bị xử lý nhanh và hiệu quả đáp ứng yêu cầu thị trường xuất nhập khẩu về ATTP (Chi cục BVTV Cà Mau)
42. Phải kiện toàn hệ thống giám sát từ cơ sở, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm rõ ràng khi kiểm tra kiểm soát ATTP (Chi cục Thú y Quảng Ngãi)
43. Đảm bảo kiện toàn hệ thống giám sát an toàn thực phẩm cơ sở, truy xuất nguồn gốc dễ dàng đảm bảo nâng cao giá trị sản phẩm (Chi cục Thú y Quảng Ngãi)
44. Tăng cường công tác bồi dưỡng kiến thức về an toàn thực phẩm (Chi cục QLCL NLTS Phú Thọ)

45. Công tác tuyên truyền về ATTP nâng cao nhận thức cho người dân, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, phân quyền cho các cơ quan, đơn vị ở cơ sở; có chế tài xử lý mạnh trong việc xử lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm về ATTP... (Chi cục Thủy sản Quảng Ngãi)
46. Cần nâng cao hơn nữa vai trò kiểm tra, thành tra, giám sát của bên thứ ba trong công tác đảm bảo an toàn thực phẩm các cơ sở kinh doanh, chế biến thực phẩm; đồng thời tăng cường hơn nữa việc tuyên truyền, tập huấn trực quan sinh động đưa các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về an toàn thực phẩm đến với người dân (Sở NNPTNT TP Hồ Chí Minh)
47. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra. Có chế độ chính sách, đãi ngộ, nâng cao năng lực về chuyên môn, quản lý, nâng cấp các cơ sở phân tích, kiểm nghiệm. Thường xuyên đánh giá và phân tích rủi ro ATTP để cảnh báo nhằm ngăn chặn, phòng ngừa các rủi ro có thể xảy ra. (Thanh tra Sở NNPTNT TP HCMC)
48. Các ý kiến sau: (Chi cục Thủy sản Sóc Trăng)
  - 1/ Tập huấn nâng cao năng lực cho người làm công việc kiểm tra ATTP.
  - 2/ công việc cần phải chuyên trách và chuyên sâu đối với lĩnh vực ATTP.
  - 3/Tăng cường truyền thông.
  - 4/ cần có biện pháp chế tài đủ mạnh để thực thi quy định về ATTP
49. Thường xuyên cập nhật, trau dồi văn bản hướng dẫn luật (Ban QL ATTP Bắc Ninh)
50. Nâng cao năng lực cho đội ngũ triển khai thực hiện kiểm tra, kiểm soát ATTP (Chi cục Thủy sản TP Hồ Chí Minh)
51. kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về ATTP theo hướng thống nhất chỉ một đầu mối thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, ATTP từ trung ương tới địa phương (Chi cục QLCL NLTS Kon Tum)
52. Cần tăng cường công tác đào tạo cho cán bộ thực hiện quản lý ATTP của bộ phận ngành trồng trọt và BVTV. Bổ sung các văn bản thông tư hướng dẫn và định mức tiêu chuẩn kỹ thuật cho sản xuất đảm bảo ATTP Đẩy mạnh công tác thanh, kiểm tra và xử lý mang tính răn đe đối với các nông hộ sản xuất nhỏ lẻ Bổ sung qui định bảo vệ môi trường sản xuất, môi trường sống, hạn chế rác thải cũng như các tác nhân hóa học gây ô nhiễm nguồn đất, nước từ đó làm ảnh hưởng đến chất lượng và mức đảm bảo ATTP cho nông sản (Chi cục BVTV Tiền Giang)
53. Đầu tư kinh phí trang thiết bị cho hoạt động kiểm tra kiểm soát và kiểm nghiệm chất lượng thực phẩm và kiểm soát chuỗi thực phẩm và thực phẩm trên thị trường (Thanh tra Sở Y tế Lào Cai)
54. Hoàn chỉnh, bổ sung các quy chuẩn kỹ thuật, các quy định liên quan đến kiểm tra, kiểm soát an toàn thực phẩm; tăng cường nguồn nhân lực thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (nhất là tuyến huyện) (Sở Công thương Bình Thuận)
55. Bổ sung nhân lực, tài lực (Sở Công thương Thái Nguyên)
56. Phân công trách nhiệm rõ ràng, quy định cụ thể về cơ chế chính sách ưu đãi người mà công tác kiểm soát ATTP, có chế tài xử phạt, khen thưởng kịp thời (Sở Công thương Lạng Sơn)
57. Tăng cường biện pháp xử lý (Chi cục ATTP Thanh Hóa)
58. xây dựng quy chế phối hợp quản lý an toàn thực phẩm (Sở Công thương Đồng Tháp)
59. nâng cao hiệu lực hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát ATTP (Sở Công thương Phú Yên)
60. Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý ATTP thuộc lĩnh vực ngành công thương quản lý (Sở Công thương Cao Bằng)

61. Thống nhất một đầu mối quản lý; Đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ, tăng cường đầu tư kinh phí... (Chi cục ATTP Thừa Thiên Huế)
62. Cần ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai công tác ATTP kịp thời, phù hợp (Tyanh tra Sở Y tế Lạng Sơn)
63. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác kiểm tra, kiểm soát ATTP (Sở Công thương Phú Thọ)
64. Có văn bản hướng dẫn chung cho cả 3 ngành để thống nhất quản lý, giám sát, kiểm soát nguy cơ hiệu quả (Chi cục ATTP Quảng Trị)
65. Tăng cường công tác cập nhật kiến thức mới, tăng cường kinh phí cho công tác an toàn thực phẩm. (Chi cục ATTP Trà Vinh)
66. Tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành về an toàn thực phẩm (Sở Công thương Phú Thọ)
67. Các văn bản quy phạm pháp luật về ATTP phải cụ thể rõ ràng để làm căn cứ lập kế hoạch chi tiết trong việc thanh, kiểm tra, kiểm soát về ATTP, hiện nay các VB luôn luôn sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh do vậy rất khó khăn cho người thực hiện thanh, kiểm tra, kiểm soát.
  - Việc lấy mẫu kiểm nghiệm các thực phẩm tươi sống rất khó khăn, nhiều khi kinh phí hạn chế nên việc kiểm tra, kiểm soát chưa hiệu quả.
  - Ngành Công Thương quản lý một số sản phẩm có bao, gói thi dễ kiểm tra về nguồn gốc xuất xứ, hạn sử dụng. Tuy nhiên thức ăn đường phố khó kiểm soát. (Sở Công thương Phú Thọ)
68. Đầu tư thêm kinh phí và phương tiện chuyên dụng để hỗ trợ công tác thanh kiểm tra; Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho công chức/viên chức làm công tác an toàn thực phẩm; Tăng cường truyền thông trực tiếp cho nhân lực tại cơ sở thực phẩm; Có cơ chế kiểm soát thực phẩm giao dịch qua thương mại điện tử và mạng xã hội (Chi cục ATTP Lạng Sơn)
69. Tăng cường đầu tư tài lực, vật lực cho công tác quản lý an toàn thực phẩm. Có cơ chế phù hợp (Chi cục ATTP Hải Phòng)
70. Thống nhất đầu mối quản lý, đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực đầy đủ (Chi cục ATTP Bạc Liêu).
71. Thường xuyên thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong việc đảm bảo an toàn thực phẩm trước sản phẩm đến tay người tiêu dùng (Sở Công thương Đắk Nông)
72. Đầu tư kinh phí, đào tạo nhân lực (Chi cục ATTP Phú Thọ)
73. Quy định thống nhất một đầu mối, tránh giao quá nhiều cơ quan cùng quản lý về ATTP (Sở Công thương Bạc Liêu)
74. Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo về nghiệp vụ lấy mẫu cho cán bộ làm công tác kiểm tra ATTP (Sở Công thương Trà Vinh)
75. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về ATTP; Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhất là các nguy cơ ô nhiễm; Thành lập Ban chuyên ngành về an toàn thực phẩm; Tổ chức đào tạo tập huấn cho cán bộ chuyên môn; Bổ sung kinh phí và nâng cao năng lực, phạm vi xét nghiệm của các đơn vị; Áp dụng công nghệ thông tin; Tăng cường kiểm tra, giám sát về ATTP. (Sở Công thương Hải Dương)
76. Cần tăng cường đào tạo chuyên môn và trang bị đầy đủ cơ sở vật chất cho công tác ATTP, tăng cường tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về ATTP (Sở Công thương Phú Thọ)

77. Sớm kiện toàn bộ máy làm công tác an toàn thực phẩm theo hướng thống nhất chỉ một đầu mối có chức năng tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ATTP trên địa bàn các tỉnh để đảm bảo tính khoa học, chặt chẽ, hiệu quả; khắc phục tình trạng chồng chéo, buông lỏng quản lý công tác bảo đảm ATTP (Sở Công thương Sơn La)
78. - Tiếp tục tăng cường triển khai có hiệu quả công tác hậu kiểm, hướng dẫn cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện đảm bảo theo quy định pháp luật về an toàn thực phẩm;
  - Tăng cường sự phối hợp giữa các ban, ngành nhằm tránh tình trạng chồng chéo về trách nhiệm trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.
  - Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo hướng đảm bảo sự thống nhất, hài hoà, hiệu quả. (Sở Công thương Bình Định)
79. Lập nhiều cuộc thanh kiểm tra, đồng thời lấy mẫu phân tích mỗi nguy ngay tại thời điểm kiểm tra. Tăng mức phạt xử lý vi phạm hành chính. (Chi cục ATTP Trà Vinh)
80. tăng cường, nâng cao hiệu quả thanh tra, kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm của các cơ sở (Sở Công thương Điện Biên)
81. Nâng cao chuyên môn nghiệp vụ (Sở Công thương)
82. Xây dựng hệ thống văn bản hoàn thiện, đội ngũ cán bộ đủ năng lực, trang bị phương tiện để thực thi nhiệm vụ (Chi cục ATTP Quảng Trị)
83. Tổ chức các khoá đào tạo tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác ATTP, đặc biệt là cán bộ tuyến huyện, xã; đầu tư trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát và giám sát ATTP (Chi cục ATTP Phú Thọ)
84. Hoàn thiện pháp luật (Chi cục ATTP Bến Tre)
85. Sở Công thương tiếp tục tăng cường và tham gia các công tác phối hợp về kiểm tra giám sát an toàn thực phẩm (Sở Công thương Bình Phước)
86. Tuyên truyền pháp luật. Tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, kiểm soát. (Sở Y tế Thanh Hóa)
87. 1) Tiếp tục kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy quản lý ATTP  
2) Tăng cường năng lực về công tác kiểm nghiệm ATTP (Thanh tra Sở Y tế Lai Châu)
88. Tổ chức tập huấn, đào tạo chuyên sâu cho cán bộ làm công tác ATTP ở tuyến tỉnh, huyện, xã; đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ giám sát. (Chi cục ATTP Phú Thọ)
89. Tăng cường công tác kiểm soát hoạt động kiểm tra về sự cố ngộ độc theo chuỗi từ trung ương đến địa phương; tăng cường công tác tập huấn về ATTP. (Chi cục ATTP Bắc Giang)
90. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm và xử lý nghiêm các vụ vi phạm về là giải pháp cần thiết, cấp bách có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa; công bố công khai, minh bạch các trường hợp vi phạm để nhân dân biết, tẩy chay các sản phẩm, thực phẩm bẩn. (Chi cục ATTP Ninh Thuận)
91. có chế độ đãi ngộ đối với người làm công tác thực phẩm, thống nhất các văn bản liên quan đến an toàn thực phẩm, thường xuyên tập huấn cho cán bộ làm công tác an toàn thực phẩm (Chi cục ATTP Lai Châu)
92. Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ làm công tác kiểm tra, kiểm soát ATTP. Kiến nghị hỗ trợ thêm kinh phí cho cơ quan quản lý nhà nước về ATTP để việc kiểm tra, kiểm soát ATTP được thực hiện thường xuyên, liên tục và có hiệu quả. (Chi cục ATTP Cao Bằng)
93. - Xây dựng mô hình quản lý Sở ATTP tại các địa phương (cấp tỉnh) nhằm giảm đầu mối, phân cấp, cơ chế phối hợp, liên ngành... Tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý, gắn trách nhiệm cụ thể về ATTP cho 1 đơn vị chịu trách nhiệm chính.

- Xây dựng mô hình phòng, ban ATTP tại các huyện, thị, thành phố trực thuộc tỉnh, hoạt động độc lập theo lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công.
  - Xây dựng đề án vị trí việc làm, tạo nguồn nhận lực đáp ứng về số lượng và chất lượng phục vụ nhiệm vụ giao
  - Có cơ chế đặc thù về chính sách tiền lương nhằm đáp ứng nhu cầu và thu hút, trọng dụng nhân tài, người có trình độ cao.... (Chi cục QLCL NLTS Lai Châu)
94. Ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan có liên quan quan đến quản lý ATTP (Sở Công thương Sóc Trăng)
95. Quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật (Sở Công thương Hà Tĩnh)
96. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính (Sở Y tế Ninh Thuận)
97. Tổ chức các lớp tập huấn theo từng ngành quản lý (Sở Công thương Kiên Giang)
98. Thống nhất 01 bộ ngành quản lý nhà nước về ATTP phát huy trách nhiệm, tránh chồng lấn, chồng chéo giữa các ngành và cùng ngành theo phân cấp xã, huyện, tỉnh; Bổ sung cơ chế rõ ràng thể hiện trong Luật thể hiện rõ chức năng nhiệm vụ và bộ máy cơ cấu tổ chức cơ quan quản lý ATTP tránh mỗi tỉnh làm mỗi kiểu khác nhau; Hoàn thiện các quy định quản lý nhà nước về ATTP chưa phù hợp hoặc không khả thi; Trang bị công cụ phương tiện kiểm tra test nhanh công khai tại chỗ thực hiện khách quan. Việc lấy mẫu, bảo quản, lưu trữ mẫu thiết lập biện pháp chặt chẽ an toàn; Người làm công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát bắt buộc am hiểu kiến thức pháp luật, một số kỹ năng hành chính và sức khỏe tốt (khuyến khích thông qua thi tuyển kiểm tra kiến thức pháp luật và một số kỹ năng soạn thảo, trình bày, thuyết trình và xử lý tình huống, nghiệp vụ, thực thi công vụ ... chọn theo phương châm "Thế, Ngôn, Thư, Phán"); Quy định tiêu chuẩn đạo đức người làm công tác kiểm tra, kiểm soát và kèm theo chính sách đãi ngộ đặc thù phù hợp; Phổ biến cho người dân kiến thức về VSATTP trên nhiều phương tiện để người dân am hiểu thực hiện đúng các quy định đảm bảo ATTP; (Chi cục ATTP Long An)
99. Xây dựng 01 hệ thống cảnh báo an toàn thực phẩm chung cho tất cả cơ quan có thẩm quyền, hệ thống này phải được cập nhật liên tục và đảm bảo thông tin chính xác. Nguồn thông tin có thể do cơ quan có thẩm quyền hoặc người dân, doanh nghiệp... đưa vào hệ thống. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm giải trình dư luận xã hội một cách công khai, minh bạch về tình hình quản lý an toàn thực phẩm cho người dân trên cổng thông tin điện tử. (Chi cục ATTP Long An)
100. - Kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy quản lý ATTP
- Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác ATTP
  - Tăng cường năng lực hệ thống kiểm nghiệm ATTP
  - Đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về ATTP
  - Tăng cường kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm về ATTP (Sở Y tế Lào Cai)
101. Đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, bổ sung nhân lực, tăng kinh phí hoạt động, giao thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cho các chi cục trưởng, kiện toàn bộ máy quản lý Atpp tại các địa phương. (Chi cục ATTP Quảng Bình)
102. Kiểm tra ATTP tập trung 1 đầu mối nghĩa là nhập SYT, SCT và SNN lại. (Chi cục ATTP Tây Ninh)
103. Thống nhất 1 cơ quan quản lý về an toàn thực phẩm từ trung ương đến cấp huyện. Quy định thẩm quyền cụ thể về thanh tra an toàn thực phẩm từ trung ương đến cấp huyện (Thanh tra Sở Y tế Vĩnh Long)

104. Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác kiểm tra, kiểm soát ATTP cần được sửa đổi bổ sung hướng dẫn quy trình thực hiện rõ ràng, cụ thể để các địa phương thực hiện thống nhất.
- Cần có hệ thống mạng quản lý chung về hồ sơ các cơ sở SX, KD từ lúc hình thành, được cấp giấy phép, lịch sử kiểm tra, xử lý vi phạm thống nhất trong cả nước để thuận lợi trong công tác quản lý, truy suất thông tin.
  - Thường xuyên tập huấn nâng cao nghiệp vụ kiểm tra, kiểm soát, xử lý các tình huống cho cán bộ địa phương trong công tác quản lý ATTP. (Chi cục ATTP Vĩnh Long)

## 5.5 Phụ lục 5. Mô tả Bảng câu hỏi khảo sát

### A. ĐỐI TƯỢNG CỦA BỘ CÂU HỎI KHẢO SÁT:

Căn cứ phạm vi áp dụng công cụ FCSA của FAO/WHO, đối tượng chính của việc đánh giá theo công cụ này là các CQTQ. Nhằm mục tiêu đánh giá chất lượng hoạt động kiểm tra, kiểm soát ATTP, phát hiện những điểm yếu cần xem xét cải tiến, Bộ câu hỏi này được xây dựng tập trung khảo sát về nhiều khía cạnh liên quan đến các CQTQ thực hiện kiểm tra, kiểm soát ATTP.

Căn cứ quy định pháp luật hiện hành về phân công, phân cấp công tác kiểm tra, kiểm soát ATTP tại Việt Nam, bộ câu hỏi đề cập đến việc đánh giá mối liên lạc, phối hợp, hỗ trợ giữa các CQTQ với nhau và mối tương quan qua lại giữa các CQTQ với những bên có liên quan đến chất lượng và ATTP, bao gồm các Phòng kiểm nghiệm được chỉ định, ủy quyền hoặc làm dịch vụ phân tích mẫu, các cơ quan được ủy quyền thực hiện kiểm tra kiểm soát ATTP, cơ sở nghiên cứu khoa học, các đơn vị học thuật tham gia phân tích, đánh giá nguy cơ ATTP, cơ quan truyền thông, các hiệp hội của người SXKD thực phẩm, những người tham gia chuỗi thực phẩm (từ sản xuất, phân phối, lưu trữ, bán buôn, bán lẻ sản phẩm cho đến người tiêu dùng). Các mối tương quan này thể hiện vai trò, tầm quan trọng và giúp xác định năng lực cũng như những nội dung cần cải tiến đối với các CQTQ thực hiện kiểm tra, kiểm soát ATTP, đối tượng chính của các nội dung đánh giá trong bộ công cụ FCSA của FAO/WHO

### B. KẾT CẤU VÀ NỘI DUNG BẢNG KHẢO SÁT

#### • Phần I: Giới thiệu

Giới thiệu về Dự án SAFEGRO, nhiệm vụ của Hợp phần 1 và hoạt động 1112.1.2, cam kết bảo mật thông tin phản hồi và đảm bảo mục đích sử dụng kết quả khảo sát.

#### • Phần II: Một số từ viết tắt trong Bảng khảo sát

#### • Phần III: Hướng dẫn trả lời câu hỏi khảo sát

#### • Phần IV: Thông tin chung

Bao gồm các câu hỏi mang tính thủ tục về thông tin hành chính đối với người trả lời câu hỏi

#### • Phần V. Nội dung khảo sát

Bao gồm 116 câu hỏi (từ số 1 đến số 116), liên quan đến thông tin dựa theo nhóm tiêu chí năng lực hệ thống kiểm soát ATTP quốc gia theo công cụ FAO/WHO FCSA, có chọn lọc những tiêu chí phù hợp nhất với thực tế Việt Nam và mang tính tiếp nối, khẳng định lại một số yếu tố đã khảo sát trước đây về công tác xử lý sự cố, ngộ độc thực phẩm và FBD.

Nội dung khảo sát tách ra các nhóm năng lực hệ thống chính, theo những dấu hiệu chỉ điểm và hướng dẫn về các tiêu chí đánh giá trong công cụ FAO/WHO FCSA dựa trên nguyên tắc các tiêu chí luôn có mối tương quan qua lại và hỗ trợ lẫn nhau, ví dụ khung pháp lý có tác động đến cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, mối tương quan giữa các bên có liên quan, v.v... Nội dung câu hỏi phân chia thành nhiều phần, mỗi phần bao gồm một nhóm các năng lực với nhiều câu hỏi khảo sát các khía cạnh khác nhau của hệ thống. Những câu hỏi khảo sát mang tính chuyên môn, dựa theo các nội dung cốt lõi được chọn lọc, sử dụng từ ngữ chuyên môn rõ ràng, dễ hiểu, đảm bảo cho người được khảo sát có câu trả lời khách quan và chính xác nhất trong phạm vi có thể xác định được. Người khảo sát căn cứ thực tế và hồ sơ ghi chép hiện có để lựa chọn 1 trong 3 phương án phản hồi (Đáp ứng đầy đủ; Chỉ thực hiện một phần; Chưa hoặc Không thực hiện) và người được khảo sát có thể cung cấp thêm một số bằng chứng hoặc dấu hiệu chỉ điểm được sử dụng để đưa ra đánh giá và phản hồi cho câu hỏi khảo sát đó. Cụ thể các phần như sau:

#### A. Cơ sở pháp lý, hạ tầng và nguồn lực tài chính của CQTQ

#### B. Nguồn nhân lực của CQTQ



- C. Sự phối hợp, mối tương quan các bên có liên quan
  - D. Căn cứ khoa học và hoạt động kiểm tra, kiểm soát ATTP
  - E. Trường hợp khẩn cấp, bệnh do thực phẩm và sự cố ATTP
  - F. Quản lý chất lượng và liên tục cải tiến hoạt động
- **Phần VI. Ý kiến đề xuất về nâng cao hiệu lực hiệu quả kiểm tra, kiểm soát ATTP**

Nhóm chuyên gia thiết kế riêng một câu hỏi mở ở cuối bảng câu hỏi (câu 117 trong bảng biểu mẫu khảo sát) để người được khảo sát đưa ra những ý kiến đề xuất nhằm nâng cao hiệu lực hiệu quả kiểm tra, kiểm soát ATTP. Do là dạng câu hỏi khảo sát mở để có thể tham vấn chính xác những nhận xét mang tính cá nhân từ người được khảo sát căn cứ thực tế và kinh nghiệm hoạt động về mọi khía cạnh liên quan đến CQTQ và hoạt động kiểm tra, kiểm soát ATTP dưới góc độ của người thực hiện trong điều kiện thực trạng của Việt Nam. Mong muốn của nhóm thiết kế là qua câu hỏi này sẽ thu thập nhiều ý kiến, mang tính đa dạng, khách quan, nhằm góp phần khẳng định lại tính phù hợp của các khuyến nghị từ nhóm chuyên gia tư vấn qua phân tích kết quả khảo sát so với yêu cầu của người được khảo sát thể hiện bằng ý kiến đề xuất để chọn ra giải pháp và biện pháp hiệu quả hơn để tổng hợp báo cáo, khuyến nghị với người có thẩm quyền nghiên cứu chọn giải pháp tối ưu để nâng cao năng lực CQTQ, cải thiện, cải tiến, gia tăng hiệu quả của hệ thống kiểm soát thực phẩm quốc gia.

\*\*\*\*\*